

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

V. Lĩnh vực tần số vô tuyến điện

A. Thủ tục hành chính cấp trung ương

1. Thủ tục cấp lại giấy phép sử dụng băng tần

Trình tự thực hiện	- Trong thời hạn 30 ngày trước ngày giấy phép sử dụng băng tần còn hiệu lực 06 tháng, tổ chức có nhu cầu được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có văn bản thông báo cho tổ chức biết về hồ sơ không hợp lệ. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, tổ chức phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. - Chậm nhất 90 ngày trước ngày giấy phép sử dụng băng tần hết hạn, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo cho tổ chức đủ điều kiện xét cấp lại giấy phép sử dụng băng tần về mức thu tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, lệ phí, phí sử dụng tần số vô tuyến điện phải nộp để được cấp giấy phép sử dụng băng tần. - <i>Chậm nhất 36 ngày trước ngày giấy phép sử dụng băng tần đã cấp hết hiệu lực, tổ chức đã nộp đủ các khoản tiền được cấp giấy phép sử dụng băng tần; trường hợp không cấp lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</i>
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i>

	- <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai theo Mẫu 2 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> . 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	Chậm nhất 36 ngày trước ngày giấy phép sử dụng băng tần đã cấp hết hiệu lực, tổ chức đã nộp hồ sơ hợp lệ và nộp đủ các khoản tiền quy định được cấp giấy phép sử dụng băng tần.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng băng tần (Mẫu 2 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i>).
Phí, lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Bản khai đề nghị cấp, cấp lại, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép băng tần theo Mẫu bản khai Mẫu 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> .
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	a) Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; b) Có giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông đối với tổ chức đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện để thiết lập mạng viễn thông; c) Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện hoặc có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi đối với trường hợp đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều 11a Luật Tần số vô tuyến điện; d) Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ;

	đ) Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện e) Nộp đủ, đúng thời hạn tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần, kênh tần số được đề nghị cấp lại theo quy định của pháp luật; g) Có cam kết triển khai mạng viễn thông đối với băng tần, kênh tần số đề nghị cấp lại theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 18a của Luật Tần số vô tuyến điện. h) Đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính về viễn thông, tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật đối với băng tần, kênh tần số đã cấp trước đó được đề nghị cấp lại
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

Số:

Mẫu 2 Phụ lục II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI, CẤP ĐỔI, GIA HẠN, SỬA ĐỔI,
 BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TẦN**

- CHÚ Ý:** 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện.

1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ			
1.1. Mã số thuế	Số		
	Địa chỉ trụ sở chính		
1.2. Giấy phép viễn thông theo quy định	Số	Ngày cấp	
	Thời hạn	Từ ngày:Đến ngày:	
1.3. Tài khoản	Số		
	Ngân hàng		
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	☐ Đồng ý ☐ Không đồng ý	
1.4. Địa chỉ liên lạc	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
	Tỉnh/thành phố:		
1.5. Số điện thoại/ Email			
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG			
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp, cấp lại, gia hạn)	☐ 15 năm ☐ Khác:.....		
4. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Cổng dịch vụ công quốc gia		
5. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)			
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép			
6. MỤC ĐÍCH BẢN KHAI	☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số ☐ Gia hạn cho giấy phép số ☐ Cấp đổi cho giấy phép số ☐ Cấp lại		
7. PHẠM VI PHỦ SÓNG			
8. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHUNG	8.1. Đoạn băng tần sử dụng		
	8.2. Công nghệ sử dụng		
	8.2.1. Tiêu chuẩn công nghệ		
	8.2.2. Các mức giới hạn phát xạ		
	8.3. Các tham số khác (nếu có)		

9. CẤU HÌNH MẠNG LƯỚI (nếu có)	
10. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	
11. TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 11.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 11.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 11.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng – ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan. 11.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI CẤP, CẤP LẠI, CẤP ĐỔI, GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TÀN (MẪU 2)

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Đối với cấp, cấp lại: phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nêu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Đối với cấp đổi: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại các Mục 1, 4, 6 trong bản khai. Tại Mục 6 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị cấp đổi.
- Đối với gia hạn: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại các Mục 1, 3, 4, 5, 6 trong bản khai. Tại Mục 6 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị gia hạn.
- Đối với sửa đổi, bổ sung: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại Mục 1 và chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép tại các mục khác của bản khai trừ Mục 3. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

**Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,
Số 115 đường Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội**

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: Số 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504

Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 2: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp, gia hạn, cấp đổi, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp, gia hạn, cấp đổi, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần.

Mục 1. Viết bằng chữ in hoa tên hợp pháp của tổ chức cấp, gia hạn, cấp đổi, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức).

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

- Mục 1.2. Kê khai theo Giấy phép viễn thông tương ứng theo quy định của pháp luật về viễn thông. Trường hợp đang thực hiện thủ tục gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông tương ứng, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp văn bản chứng minh việc đã nộp hồ sơ gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông và bổ sung thông tin về Giấy phép viễn thông tương ứng được cấp để hoàn thiện bản khai.
- Mục 1.3. Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mà tổ chức mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.
- Mục 1.4. Kê khai địa chỉ liên lạc của tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức.
- Mục 1.5. Kê khai số điện thoại/email liên hệ tổ chức đề nghị cấp phép hoặc số điện thoại/email của cá nhân trực tiếp phụ trách về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép.
- Mục 2. Ghi rõ sử dụng băng tần cho mục đích gì, ví dụ: cung cấp dịch vụ thông tin di động toàn quốc, thử nghiệm công nghệ mới, ...
- Mục 3. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2033” (ghi theo ngày/tháng/năm).
- Mục 4. Tổ chức lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:
 - Đánh dấu “X” vào ô “Trực tiếp” thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các mục trả kết quả theo quy định.
 - Đánh dấu “X” vào ô “Dịch vụ bưu chính” thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức kê khai tại mục 1.4.
 - Đánh dấu “X” vào ô “Cổng dịch vụ công quốc gia” thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.
 Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.
- Mục 5. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
 Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:
 Đánh dấu “X” vào ô 01 lần: nếu tổ chức đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Mục 6. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng đối với trường hợp cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi. Trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi ghi kèm số giấy phép cần gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi.
- Mục 7. Kê khai phạm vi phủ sóng đề nghị cấp phép: tên các địa phương (ví dụ: tỉnh/thành phố, xã/phường...) nằm trong vùng phủ sóng hoặc toàn quốc.
- Mục 8. Các thông số kỹ thuật chung:
 8.1. Kê khai đoạn băng tần đề nghị cấp phép sử dụng.
 8.2. Kê khai các công nghệ sử dụng ứng với đoạn băng tần. Ví dụ: WCDMA, GSM.... (trường hợp sử dụng đồng thời nhiều loại công nghệ trên cùng một băng tần thì kê khai hết các công nghệ mà doanh nghiệp đang sử dụng).
 8.2.1. Kê khai tiêu chuẩn công nghệ sử dụng.
 8.2.2. Kê khai các mức giới hạn phát xạ (phát xạ giả, phát xạ trong băng, phát xạ ngoài băng...).
- Mục 9. Kê khai cấu hình mạng lưới.
- Mục 10. Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.
- Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính: ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép
 - Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

2. Thủ tục cấp Giấy phép sử dụng băng tần sau khi chuyển nhượng

Trình tự thực hiện	- Tổ chức hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng băng tần sau khi chuyển nhượng theo quy định tại khoản 6 Điều 45 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng băng tần cho tổ chức đề nghị nhận chuyển nhượng theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai theo Mẫu 2 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng băng tần
Phí, Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Bản khai đề nghị cấp, cấp lại, cấp đổi, gia hạn, sử đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần theo Mẫu 2 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i>
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	a) Tổ chức được cấp giấy phép sử dụng băng tần thông qua đấu giá được phép chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện cho tổ chức khác sau 05 năm kể từ ngày được cấp giấy phép sử dụng băng tần. b) Tổ chức được xem xét cấp giấy phép sử dụng băng tần sau khi được Bộ Khoa học và Công nghệ chấp thuận việc chuyển nhượng. c) Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; d) Có giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông đối với tổ chức đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện để thiết lập mạng viễn thông; e) Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện hoặc có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi đối với trường hợp đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều 11a Luật Tần số vô tuyến điện; g) Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; h) Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và an toàn bức xạ vô tuyến điện;

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.
--	---

Số:

Mẫu 2 Phụ lục II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI, CẤP ĐỔI, GIA HẠN, SỬA ĐỔI,
 BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TẦN**

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện.

1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ			
1.1. Mã số thuế	Số		
	Địa chỉ trụ sở chính		
1.2. Giấy phép viễn thông theo quy định	Số	Ngày cấp	
	Thời hạn	Từ ngày:Đến ngày:	
1.3. Tài khoản	Số		
	Ngân hàng		
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	☐ Đồng ý ☐ Không đồng ý	
1.4. Địa chỉ liên lạc	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
	Tỉnh/thành phố:		
1.5. Số điện thoại/ Email			
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG			
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp, cấp lại, gia hạn)		☐ 15 năm Khác:.....	
4. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ		☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Cổng dịch vụ công quốc gia	
5. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)			
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép			
6. MỤC ĐÍCH BẢN KHAI		☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số ☐ Gia hạn cho giấy phép số ☐ Cấp đổi cho giấy phép số ☐ Cấp lại	
7. PHẠM VI PHỦ SÓNG			
8. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHUNG	8.1. Đoạn băng tần sử dụng		
	8.2. Công nghệ sử dụng		
	8.2.1. Tiêu chuẩn công nghệ		
	8.2.2. Các mức giới hạn phát xạ		
	8.3. Các tham số khác (nếu có)		

9. CẤU HÌNH MẠNG LƯỚI (nếu có)	
10. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	
11. TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 11.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 11.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 11.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng – ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan. 11.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI CẤP, CẤP LẠI, CẤP ĐỔI, GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TÀN (MẪU 2)

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Đối với cấp, cấp lại: phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nêu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Đối với cấp đổi: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại các Mục 1, 4, 6 trong bản khai. Tại Mục 6 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị cấp đổi.
- Đối với gia hạn: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại các Mục 1, 3, 4, 5, 6 trong bản khai. Tại Mục 6 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị gia hạn.
- Đối với sửa đổi, bổ sung: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại Mục 1 và chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép tại các mục khác của bản khai trừ Mục 3. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tàn số vô tuyến điện theo địa chỉ:

**Cục Tàn số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,
Số 115 đường Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội**

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tàn số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: Số 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504

Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 2: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp, gia hạn, cấp đổi, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp, gia hạn, cấp đổi, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần.

Mục 1. Viết bằng chữ in hoa tên hợp pháp của tổ chức cấp, gia hạn, cấp đổi, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức).

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

- Mục 1.2. kê khai theo Giấy phép viễn thông tương ứng theo quy định của pháp luật về viễn thông. Trường hợp đang thực hiện thủ tục gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông tương ứng, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp văn bản chứng minh việc đã nộp hồ sơ gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông và bổ sung thông tin về Giấy phép viễn thông tương ứng được cấp để hoàn thiện bản khai.
- Mục 1.3. Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mà tổ chức mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.
- Mục 1.4. kê khai địa chỉ liên lạc của tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức.
- Mục 1.5. kê khai số điện thoại/email liên hệ tổ chức đề nghị cấp phép hoặc số điện thoại/email của cá nhân trực tiếp phụ trách về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép.
- Mục 2. Ghi rõ sử dụng băng tần cho mục đích gì, ví dụ: cung cấp dịch vụ thông tin di động toàn quốc, thử nghiệm công nghệ mới, ...
- Mục 3. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2033” (ghi theo ngày/tháng/năm).
- Mục 4. Tổ chức lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:
 - Đánh dấu “X” vào ô “Trực tiếp” thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các mục trả kết quả theo quy định.
 - Đánh dấu “X” vào ô “Dịch vụ bưu chính” thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức kê khai tại mục 1.4.
 - Đánh dấu “X” vào ô “Cổng dịch vụ công quốc gia” thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.
 Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.
- Mục 5. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
 Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:
 Đánh dấu “X” vào ô 01 lần: nếu tổ chức đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Mục 6. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng đối với trường hợp cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi. Trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi ghi kèm số giấy phép cần gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi.
- Mục 7. kê khai phạm vi phủ sóng đề nghị cấp phép: tên các địa phương (ví dụ: tỉnh/thành phố, xã/phường...) nằm trong vùng phủ sóng hoặc toàn quốc.
- Mục 8. Các thông số kỹ thuật chung:
 8.1. kê khai đoạn băng tần đề nghị cấp phép sử dụng.
 8.2. kê khai các công nghệ sử dụng ứng với đoạn băng tần. Ví dụ: WCDMA, GSM.... (trường hợp sử dụng đồng thời nhiều loại công nghệ trên cùng một băng tần thì kê khai hết các công nghệ mà doanh nghiệp đang sử dụng).
 8.2.1. kê khai tiêu chuẩn công nghệ sử dụng.
 8.2.2. kê khai các mức giới hạn phát xạ (phát xạ giả, phát xạ trong băng, phát xạ ngoài băng...).
- Mục 9. kê khai cấu hình mạng lưới.
- Mục 10. kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.
- Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính: ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép
 - Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

3. Thủ tục cấp Giấy phép sử dụng băng tần (áp dụng đối với cấp trực tiếp đối doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh)

Trình tự thực hiện	- Tổ chức hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng băng tần theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, tổ chức phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định; + Trong thời hạn 44 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai theo Mẫu 2 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Bản sao hợp pháp hoặc bản sao điện tử hợp pháp Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sử dụng băng tần để

	phát triển kinh tế kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh đối với trường hợp cấp giấy phép theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 18 Luật Tần số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	44 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng băng tần (Mẫu 2 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP)
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Bản khai đề nghị cấp, cấp lại, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần theo Mẫu 2 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	a) Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; b) Có giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông đối với tổ chức đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện để thiết lập mạng viễn thông; c) Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện hoặc có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi đối với trường hợp đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều 11a Luật Tần số vô tuyến điện; d) Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; đ) Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện; e) Có quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.
--	---

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI, CẤP ĐỔI, GIA HẠN, SỬA ĐỔI,
 BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TẦN**

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện.

1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ			
1.1. Mã số thuế	Số		
	Địa chỉ trụ sở chính		
1.2. Giấy phép viễn thông theo quy định	Số	Ngày cấp	
	Thời hạn	Từ ngày:Đến ngày:	
1.3. Tài khoản	Số		
	Ngân hàng		
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	☐ Đồng ý ☐ Không đồng ý	
1.4. Địa chỉ liên lạc	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
	Tỉnh/thành phố:		
1.5. Số điện thoại/ Email			
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG			
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp, cấp lại, gia hạn)		☐ 15 năm ☐ Khác:.....	
4. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ		☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Cổng dịch vụ công quốc gia	
5. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)			
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép			
6. MỤC ĐÍCH BẢN KHAI		☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số ☐ Gia hạn cho giấy phép số ☐ Cấp đổi cho giấy phép số ☐ Cấp lại	
7. PHẠM VI PHỦ SÓNG			
8. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHUNG	8.1. Đoạn băng tần sử dụng		
	8.2. Công nghệ sử dụng		
	8.2.1. Tiêu chuẩn công nghệ		
	8.2.2. Các mức giới hạn phát xạ		
	8.3. Các tham số khác (nếu có)		

9. CẤU HÌNH MẠNG LƯỚI (nếu có)	
10. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	
11. TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 11.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 11.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 11.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng – ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan. 11.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI CẤP, CẤP LẠI, CẤP ĐỔI, GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TẦN (MẪU 2)

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Đối với cấp, cấp lại: phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nêu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Đối với cấp đổi: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại các Mục 1, 4, 6 trong bản khai. Tại Mục 6 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị cấp đổi.
- Đối với gia hạn: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại các Mục 1, 3, 4, 5, 6 trong bản khai. Tại Mục 6 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị gia hạn.
- Đối với sửa đổi, bổ sung: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại Mục 1 và chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép tại các mục khác của bản khai trừ Mục 3. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

**Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,
Số 115 đường Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội**

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: Số 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504

Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 2: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp, gia hạn, cấp đổi, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp, gia hạn, cấp đổi, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần.

Mục 1. Viết bằng chữ in hoa tên hợp pháp của tổ chức cấp, gia hạn, cấp đổi, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức).

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

- Mục 1.2. kê khai theo Giấy phép viễn thông tương ứng theo quy định của pháp luật về viễn thông. Trường hợp đang thực hiện thủ tục gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông tương ứng, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp văn bản chứng minh việc đã nộp hồ sơ gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông và bổ sung thông tin về Giấy phép viễn thông tương ứng được cấp để hoàn thiện bản khai.
- Mục 1.3. Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mà tổ chức mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.
- Mục 1.4. kê khai địa chỉ liên lạc của tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức.
- Mục 1.5. kê khai số điện thoại/email liên hệ tổ chức đề nghị cấp phép hoặc số điện thoại/email của cá nhân trực tiếp phụ trách về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép.
- Mục 2. Ghi rõ sử dụng băng tần cho mục đích gì, ví dụ: cung cấp dịch vụ thông tin di động toàn quốc, thử nghiệm công nghệ mới, ...
- Mục 3. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2033” (ghi theo ngày/tháng/năm).
- Mục 4. Tổ chức lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:
 - Đánh dấu “X” vào ô “Trực tiếp” thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các mục trả kết quả theo quy định.
 - Đánh dấu “X” vào ô “Dịch vụ bưu chính” thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức kê khai tại mục 1.4.
 - Đánh dấu “X” vào ô “Cổng dịch vụ công quốc gia” thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.
 Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.
- Mục 5. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
 Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:
 Đánh dấu “X” vào ô 01 lần: nếu tổ chức đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Mục 6. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng đối với trường hợp cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi. Trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi ghi kèm số giấy phép cần gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi.
- Mục 7. kê khai phạm vi phủ sóng đề nghị cấp phép: tên các địa phương (ví dụ: tỉnh/thành phố, xã/phường...) nằm trong vùng phủ sóng hoặc toàn quốc.
- Mục 8. Các thông số kỹ thuật chung:
 8.1. kê khai đoạn băng tần đề nghị cấp phép sử dụng.
 8.2. kê khai các công nghệ sử dụng ứng với đoạn băng tần. Ví dụ: WCDMA, GSM.... (trường hợp sử dụng đồng thời nhiều loại công nghệ trên cùng một băng tần thì kê khai hết các công nghệ mà doanh nghiệp đang sử dụng).
 8.2.1. kê khai tiêu chuẩn công nghệ sử dụng.
 8.2.2. kê khai các mức giới hạn phát xạ (phát xạ giả, phát xạ trong băng, phát xạ ngoài băng...).
- Mục 9. kê khai cấu hình mạng lưới.
- Mục 10. kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.
- Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính: ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép
 - Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

4. Thủ tục gia hạn Giấy phép sử dụng băng tần (đối với doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh)

Trình tự thực hiện	- Trước khi hết hạn ít nhất 60 ngày, tổ chức hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng băng tần theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện có văn bản thông báo cho tổ chức biết về hồ sơ không hợp lệ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, tổ chức phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định; + Chậm nhất 45 ngày trước ngày giấy phép sử dụng băng tần hết hạn, cơ quan cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện thông báo cho tổ chức đủ điều kiện xét gia hạn mức thu tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, lệ phí, phí sử dụng tần số vô tuyến điện phải nộp, trường hợp không đủ điều kiện xét gia hạn thì phải nêu rõ lý do; + Trước khi giấy phép hết hạn, tổ chức đã nộp đủ các khoản tiền quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 được gia hạn giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đối mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>

Thành phần hồ sơ; số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai theo Mẫu 2 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Bản sao hợp pháp hoặc bản sao điện tử hợp pháp Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về việc tiếp tục thực hiện Đề án đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép được cấp theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 18 Luật Tần số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	+ Chậm nhất 45 ngày trước ngày giấy phép sử dụng băng tần hết hạn, cơ quan cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện thông báo cho tổ chức đủ điều kiện xét gia hạn mức thu tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, lệ phí, phí sử dụng tần số vô tuyến điện phải nộp, trường hợp không đủ điều kiện xét gia hạn thì phải nêu rõ lý do; + Trước khi giấy phép hết hạn, tổ chức đã nộp đủ các khoản tiền quy định tại điểm b khoản này được gia hạn giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng băng tần (Mẫu 2 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP)
Phí, Lệ phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Bản khai đề nghị cấp, cấp lại, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần theo Mẫu 2 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực	Giấy phép sử dụng băng tần còn thời hạn hiệu lực ít nhất 60 ngày;

hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Có quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI, CẤP ĐỔI, GIA HẠN, SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TẦN**

- CHÚ Ý:** 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện.

1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ	
1.1. Mã số thuế	Số Địa chỉ trụ sở chính
1.2. Giấy phép viễn thông theo quy định	Số Ngày cấp Thời hạn Từ ngày:Đến ngày:
1.3. Tài khoản	Số Ngân hàng
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu ☐ Đồng ý ☐ Không đồng ý
1.4. Địa chỉ liên lạc	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:
	Tỉnh/thành phố:
1.5. Số điện thoại/ Email	
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp, cấp lại, gia hạn)	☐ 15 năm ☐ Khác:.....
4. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Cổng dịch vụ công quốc gia
5. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
6. MỤC ĐÍCH BẢN KHAI	☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số ☐ Gia hạn cho giấy phép số ☐ Cấp đổi cho giấy phép số ☐ Cấp lại
7. PHẠM VI PHỦ SÓNG	
8. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHUNG	8.1. Đoạn băng tần sử dụng
	8.2. Công nghệ sử dụng
	8.2.1. Tiêu chuẩn công nghệ
	8.2.2. Các mức giới hạn phát xạ
	8.3. Các tham số khác (nếu có)

9. CẤU HÌNH MẠNG LƯỚI (nếu có)	
10. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	
11. TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 11.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 11.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 11.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng – ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan. 11.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI CẤP, CẤP LẠI, CẤP ĐỔI, GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TẦN (MẪU 2)

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Đối với cấp, cấp lại: phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nêu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Đối với cấp đổi: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại các Mục 1, 4, 6 trong bản khai. Tại Mục 6 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị cấp đổi.
- Đối với gia hạn: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại các Mục 1, 3, 4, 5, 6 trong bản khai. Tại Mục 6 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị gia hạn.
- Đối với sửa đổi, bổ sung: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại Mục 1 và chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép tại các mục khác của bản khai trừ Mục 3. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

**Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,
Số 115 đường Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội**

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: Số 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504

Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 2: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp, gia hạn, cấp đổi, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp, gia hạn, cấp đổi, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần.

Mục 1. Viết bằng chữ in hoa tên hợp pháp của tổ chức cấp, gia hạn, cấp đổi, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức).

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

- Mục 1.2. kê khai theo Giấy phép viễn thông tương ứng theo quy định của pháp luật về viễn thông. Trường hợp đang thực hiện thủ tục gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông tương ứng, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp văn bản chứng minh việc đã nộp hồ sơ gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông và bổ sung thông tin về Giấy phép viễn thông tương ứng được cấp để hoàn thiện bản khai.
- Mục 1.3. Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mà tổ chức mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.
- Mục 1.4. kê khai địa chỉ liên lạc của tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức.
- Mục 1.5. kê khai số điện thoại/email liên hệ tổ chức đề nghị cấp phép hoặc số điện thoại/email của cá nhân trực tiếp phụ trách về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép.
- Mục 2. Ghi rõ sử dụng băng tần cho mục đích gì, ví dụ: cung cấp dịch vụ thông tin di động toàn quốc, thử nghiệm công nghệ mới, ...
- Mục 3. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2033” (ghi theo ngày/tháng/năm).
- Mục 4. Tổ chức lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:
 - Đánh dấu “X” vào ô “Trực tiếp” thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các mục trả kết quả theo quy định.
 - Đánh dấu “X” vào ô “Dịch vụ bưu chính” thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức kê khai tại mục 1.4.
 - Đánh dấu “X” vào ô “Cổng dịch vụ công quốc gia” thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.
 Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.
- Mục 5. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
 Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:
 Đánh dấu “X” vào ô 01 lần: nếu tổ chức đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Mục 6. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng đối với trường hợp cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi. Trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi ghi kèm số giấy phép cần gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi.
- Mục 7. kê khai phạm vi phủ sóng đề nghị cấp phép: tên các địa phương (ví dụ: tỉnh/thành phố, xã/phường...) nằm trong vùng phủ sóng hoặc toàn quốc.
- Mục 8. Các thông số kỹ thuật chung:
 8.1. kê khai đoạn băng tần đề nghị cấp phép sử dụng.
 8.2. kê khai các công nghệ sử dụng ứng với đoạn băng tần. Ví dụ: WCDMA, GSM.... (trường hợp sử dụng đồng thời nhiều loại công nghệ trên cùng một băng tần thì kê khai hết các công nghệ mà doanh nghiệp đang sử dụng).
 8.2.1. kê khai tiêu chuẩn công nghệ sử dụng.
 8.2.2. kê khai các mức giới hạn phát xạ (phát xạ giả, phát xạ trong băng, phát xạ ngoài băng...).
- Mục 9. kê khai cấu hình mạng lưới.
- Mục 10. kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.
- Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính: ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép
 - Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

5. Thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng băng tần (đối với doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh)

Trình tự thực hiện	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, tổ chức phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định; + Trong thời hạn 44 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>

Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai theo Mẫu 2 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Bản sao hợp pháp hoặc bản sao điện tử hợp pháp Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh Đề án sử dụng băng tần để phát triển kinh tế kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh đối với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép được cấp theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 18 Luật Tần số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện (đối với trường hợp có điều chỉnh Đề án). 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	44 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng băng tần (Mẫu 2 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP)
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Bản khai đề nghị cấp, cấp lại, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần theo Mẫu 2 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	a) Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; b) Có giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông đối với tổ chức đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện để thiết lập mạng viễn thông; c) Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện hoặc có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi đối với trường hợp đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều 11a Luật Tần số vô tuyến điện;

	d) Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; đ) Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện; e) Có quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

Số:

Mẫu 2 Phụ lục II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI, CẤP ĐỔI, GIA HẠN, SỬA ĐỔI,
 BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TẦN**

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện.

1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ			
1.1. Mã số thuế	Số		
	Địa chỉ trụ sở chính		
1.2. Giấy phép viễn thông theo quy định	Số	Ngày cấp	
	Thời hạn	Từ ngày:Đến ngày:	
1.3. Tài khoản	Số		
	Ngân hàng		
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	☐ Đồng ý ☐ Không đồng ý	
1.4. Địa chỉ liên lạc	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
	Tỉnh/thành phố:		
1.5. Số điện thoại/ Email			
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG			
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp, cấp lại, gia hạn)		☐ 15 năm Khác:.....	
4. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ		☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Cổng dịch vụ công quốc gia	
5. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)			
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép			
6. MỤC ĐÍCH BẢN KHAI		☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số ☐ Gia hạn cho giấy phép số ☐ Cấp đổi cho giấy phép số ☐ Cấp lại	
7. PHẠM VI PHỦ SÓNG			
8. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHUNG	8.1. Đoạn băng tần sử dụng		
	8.2. Công nghệ sử dụng		
	8.2.1. Tiêu chuẩn công nghệ		
	8.2.2. Các mức giới hạn phát xạ		
	8.3. Các tham số khác (nếu có)		

9. CẤU HÌNH MẠNG LƯỚI (nếu có)	
10. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	
11. TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 11.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 11.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 11.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng – ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan. 11.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI CẤP, CẤP LẠI, CẤP ĐỔI, GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TÀN (MẪU 2)

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Đối với cấp, cấp lại: phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nêu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Đối với cấp đổi: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại các Mục 1, 4, 6 trong bản khai. Tại Mục 6 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị cấp đổi.
- Đối với gia hạn: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại các Mục 1, 3, 4, 5, 6 trong bản khai. Tại Mục 6 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị gia hạn.
- Đối với sửa đổi, bổ sung: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại Mục 1 và chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép tại các mục khác của bản khai trừ Mục 3. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

**Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,
Số 115 đường Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội**

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: Số 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504

Fax: 0210.3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 2: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp, gia hạn, cấp đổi, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp, gia hạn, cấp đổi, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần.

Mục 1. Viết bằng chữ in hoa tên hợp pháp của tổ chức cấp, gia hạn, cấp đổi, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức).

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

Mục 1.2. Kê khai theo Giấy phép viễn thông tương ứng theo quy định của pháp luật về viễn thông. Trường hợp đang thực hiện thủ tục gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông tương ứng, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp văn bản chứng minh việc đã nộp hồ sơ gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông và bổ sung thông tin về Giấy phép viễn thông tương ứng được cấp để hoàn thiện bản khai.

Mục 1.3. Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mà tổ chức mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc

- chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.
- Mục 1.4. Khai khai địa chỉ liên lạc của tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức.
- Mục 1.5. Khai khai số điện thoại/email liên hệ tổ chức đề nghị cấp phép hoặc số điện thoại/email của cá nhân trực tiếp phụ trách về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép.
- Mục 2. Ghi rõ sử dụng băng tần cho mục đích gì, ví dụ: cung cấp dịch vụ thông tin di động toàn quốc, thử nghiệm công nghệ mới, ...
- Mục 3. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2033” (ghi theo ngày/tháng/năm).
- Mục 4. Tổ chức lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:
 - Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các mục trả kết quả theo quy định.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức kê khai tại mục 1.4.
 - Đánh dấu "X" vào ô “Công dịch vụ công quốc gia” thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.
 Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.
- Mục 5. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
 Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:
 Đánh dấu “X” vào ô 01 lần: nếu tổ chức đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Mục 6. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng đối với trường hợp cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi. Trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi ghi kèm số giấy phép cần gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi.
- Mục 7. Khai khai phạm vi phủ sóng đề nghị cấp phép: tên các địa phương (ví dụ: tỉnh/thành phố, xã/phường...) nằm trong vùng phủ sóng hoặc toàn quốc.
- Mục 8. Các thông số kỹ thuật chung:
 8.1. Khai khai đoạn băng tần đề nghị cấp phép sử dụng.
 8.2. Khai khai các công nghệ sử dụng ứng với đoạn băng tần. Ví dụ: WCDMA, GSM.... (trường hợp sử dụng đồng thời nhiều loại công nghệ trên cùng một băng tần thì kê khai hết các công nghệ mà doanh nghiệp đang sử dụng).
 8.2.1. Khai khai tiêu chuẩn công nghệ sử dụng.
 8.2.2. Khai khai các mức giới hạn phát xạ (phát xạ giả, phát xạ trong băng, phát xạ ngoài băng...).
- Mục 9. Khai khai cấu hình mạng lưới.
- Mục 10. Khai khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.
- Ký tên, đóng dấu
 - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính: ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép
 - Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

6. Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện phải đăng ký với tổ chức hàng không dân dụng quốc tế thuộc nghiệp vụ di động hàng không sử dụng tần số ngoài băng tần từ 2850 kHz đến 22000 kHz và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không, bao gồm đài vô tuyến điện đặt tại các sân bay chuyên dùng

Trình tự thực hiện	Bước 1. Nộp hồ sơ Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện phải đăng ký với tổ chức hàng không dân dụng quốc tế thuộc nghiệp vụ di động hàng không sử dụng tần số ngoài băng tần từ 2850 kHz đến 22000 kHz và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không, bao gồm đài vô tuyến điện đặt tại các sân bay chuyên dùng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện). Bước 2. Xử lý hồ sơ Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. 1. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. 2. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định: 2.1 Trong thời hạn 20 ngày Cục Tần số vô tuyến điện thực hiện việc ấn định, phối hợp tần số vô tuyến điện trong nước: (1) Trường hợp ấn định, phối hợp tần số vô tuyến điện trong nước không khả thi, trong thời gian 20 ngày, Cục Tần số vô tuyến điện từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. (2) Trường hợp ấn định, phối hợp tần số vô tuyến điện trong nước khả thi thì Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị cơ quan chuyên môn thuộc <i>Bộ Xây dựng</i> phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện. 2.2. Trong thời hạn 35 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Cục Tần số vô tuyến điện, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng thực hiện các công việc sau: (1) Phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện với các nhà chức trách hàng không quốc tế, Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế; (2) Phối hợp với tổ chức, cá nhân phát, thu thử tần số vô tuyến điện khi cần thiết trên cơ sở ý kiến đồng ý của Cục Tần số vô
--------------------	--

	tuyến điện. Cục Tần số vô tuyến điện có ý kiến về việc phát, thu thử trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu phát, thu thử của cơ quan chuyên môn thuộc <i>Bộ Xây dựng</i>; (3) Gửi văn bản thông báo cho Cục Tần số vô tuyến điện về kết quả phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện bao gồm cả trường hợp phối hợp thành công và không thành công. Trường hợp việc phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện cần có sự phối hợp chuyên sâu về kỹ thuật, cơ quan chuyên môn thuộc <i>Bộ Xây dựng</i> phối hợp với Cục Tần số vô tuyến điện thực hiện việc phối hợp này. 2.3. Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện phải đăng ký với tổ chức hàng không dân dụng quốc tế thuộc nghiệp vụ di động hàng không sử dụng tần số ngoài băng tần từ 2850 kHz đến 22000 kHz và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không, bao gồm đài vô tuyến điện đặt tại các sân bay chuyên dùng hoặc từ chối trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc <i>Bộ Xây dựng</i> về kết quả phối hợp. 3. Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện phải đăng ký với tổ chức hàng không dân dụng quốc tế thuộc nghiệp vụ di động hàng không sử dụng tần số ngoài băng tần từ 2850 kHz đến 22000 kHz và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không, bao gồm đài vô tuyến điện đặt tại các sân bay chuyên dùng hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i>

	+ <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng.</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung và bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1a Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i>; - Văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Quốc phòng về việc mở sân bay chuyên dùng (áp dụng đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không, nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không tại sân bay chuyên dùng). - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép để ấn định tần số vô tuyến điện và cấp giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i>. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- <i>20 ngày</i> (đối với trường hợp không phải thực hiện phối hợp trong nước và quốc tế về tần số vô tuyến điện hoặc phối hợp tần số trong nước không khả thi) kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định hoặc; - <i>62 ngày</i> (đối với trường hợp phải thực hiện phối hợp trong nước và quốc tế về tần số vô tuyến điện) kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1a quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i>)

Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1a Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện; - Có giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật đối với tổ chức xin cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện để thiết lập mạng viễn thông, mạng truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

Mẫu bản khai thông tin chung, Phụ lục II

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý:

1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1. Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
2. Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Cổng dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lữ, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504

Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:
- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Công dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1a

Áp dụng đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn	từ ngày	đến ngày	
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG				
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)				
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác				
4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN				
4.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất				
4.2. Các mức công suất phát (W)				
4.3. Ký hiệu phát xạ				
4.4. Độ rộng kênh (nếu có)				
4.5. Dải tần thiết bị	Phát			
	Thu			
4.6. Tần số phát/thu đề nghị (nếu có)				
4.7. Độ nhạy máy thu (dBm) (nếu có)				
4.8. Tên/mã trạm đề nghị (nếu có)				
4.9. Đối tượng liên lạc (nếu có)				
4.10. Địa điểm đặt	☐ Di động ☐ Cố định: Kinh độ:..... E/ Vĩ độ :N			
	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:			
	Tỉnh/thành phố:			
4.11. Thiết bị trong mạng (đối với Đài bờ)	Số lượng thiết bị chính			
	Số lượng thiết bị dự phòng			
4.12. Thông tin sửa đổi, bổ sung	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị			
5. ĂNG-TEN				
5.1. Kiểu (Nhãn hiệu)		5.2. Dải tần làm việc		
5.3. Hệ số khuếch đại (dBi)		5.4. Phân cực		
5.5. Hướng tính	☐ ND	5.6. Độ cao so với mặt đất (m)		
	☐ D Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°):			
6. TỶ LỆ HAO (dB) (nếu có)				
7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)				

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m.

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép lần đầu hoặc không đủ điều kiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép. Đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a được dùng để kê khai cho 01 (một) loại thiết bị (kê khai tên thiết bị). Có thể dùng nhiều tờ bản khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị khác nhau. Các thiết bị cùng loại, có thông số giống nhau kê khai 01 (một) lần và ghi rõ số lượng thiết bị bên cạnh. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a khi bổ sung, sửa đổi theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG

Kê khai số giấy phép thiết lập mạng viễn thông, ngày cấp và thời hạn sử dụng của giấy phép nếu thuộc đối tượng phải có giấy phép viễn thông theo quy định về viễn thông.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai rõ sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho mục đích: Phục vụ sản xuất, kinh doanh, học tập, nghiên cứu, dự phòng,...

2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

3. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

4.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

4.2. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

4.3. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

4.4. Kê khai độ rộng kênh tần số mà thiết bị có thể hoạt động (không bắt buộc).

4.5. Kê khai dải tần số phát, thu mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

4.6. Kê khai tần số phát/ thu theo mong muốn được sử dụng (không bắt buộc).

4.7. Kê khai độ nhạy máy thu đối với thiết bị thu hoặc thiết bị thu phát theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Không bắt buộc.

4.8. Kê khai tên/mã trạm do tổ chức, cá nhân tự đề nghị để thuận tiện trong công việc, hoặc đề nghị theo dãy hồ hiệu được Quốc tế phân chia cho Việt Nam sử dụng. Trường hợp không đề nghị tên/mã trạm sẽ do cơ quan cấp giấy phép quy định.

4.9. Kê khai tên/mã trạm của các đài vô tuyến điện có truyền thông tin vô tuyến điện với thiết bị vô tuyến điện/ đài vô tuyến điện đang đề nghị cấp phép.

4.10. Địa điểm đặt thiết bị:

- Đánh dấu “X” vào ô “Cố định” đối với thiết bị đặt cố định. Khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh) và kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

- Đánh dấu “X” vào ô “Di động” đối với thiết bị di động khi hoạt động. Kê khai phạm vi di động của thiết bị theo địa chỉ hành chính ví dụ di động trên địa bàn tỉnh A hoặc huyện B tỉnh A, xã C huyện B tỉnh A,...

4.11. Chỉ kê khai đối với đài bờ

- Số lượng thiết bị chính: kê khai số lượng thiết bị chính trong mạng

- Số lượng thiết bị dự phòng: kê khai số lượng thiết bị dự phòng trong mạng

4.12. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 4

- Đánh dấu “X” vào ô “Bổ sung” đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 4.

- Đánh dấu “X” vào ô “Huỷ bỏ” đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

- Đánh dấu “X” vào ô “Thay thế cho thiết bị” và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 4.

5. ĂNG-TEN

Kê khai tất cả các Mục từ 5.1 đến 5.6 đối với thiết bị vô tuyến điện có ăng-ten rời, không tích hợp trên thiết bị. Đối với ăng-ten tích hợp cùng thiết bị chỉ yêu cầu kê khai Mục 5.2 và 5.6 các mục khác không bắt buộc.

5.1. Kê khai tên, ký hiệu theo tài liệu kỹ thuật (VD: DB404, AD-22/C, ...). Trong trường hợp trên ăng - ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng - ten (ví dụ: Loga-chu kỳ, Yagi, Dipole, ăng-ten khe nửa sóng, dàn chấn tử đồng pha, v.v...)

5.2. Kê khai dải tần số mà trong giới hạn đó, ăng-ten làm việc được theo thiết kế.

5.3. Kê khai hệ số khuếch đại theo thiết kế tính theo đơn vị dBi.

5.4. Kê khai phân cực của ăng-ten theo thiết kế. Ví dụ: thẳng, đứng, ngang, tròn,...

5.5. Đánh dấu “X” vào các ô tương ứng: ND là ăng-ten với vô hướng, D là ăng-ten có hướng và kê khai là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ

5.6. Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).

6. TỔN HAO

Kê khai tổn hao của hệ thống tính theo đơn vị dB bao gồm tổn hao phi đơ (fider) của hệ thống ăng-ten, tổn hao của kết nối (connector). Mặc định là 0 dB nếu không kê khai.

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.

7. Thủ tục gia hạn cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện phải đăng ký với tổ chức hàng không dân dụng quốc tế thuộc nghiệp vụ di động hàng không sử dụng tần số ngoài băng tần từ 2850 kHz đến 22000 kHz và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không, bao gồm đài vô tuyến điện đặt tại các sân bay chuyên dùng

Trình tự thực hiện	- Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện phải đăng ký với tổ chức hàng không dân dụng quốc tế thuộc nghiệp vụ di động hàng không sử dụng tần số ngoài băng tần từ 2850 kHz đến 22000 kHz và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không, bao gồm đài vô tuyến điện đặt tại các sân bay chuyên dùng theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Cục Tần số vô tuyến điện gia hạn giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện phải đăng ký với tổ chức hàng không dân dụng quốc tế thuộc nghiệp vụ di động hàng không sử dụng tần số ngoài băng tần từ 2850 kHz đến 22000 kHz và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không, bao gồm đài vô tuyến điện đặt tại các sân bay chuyên dùng hoặc từ chối gia hạn giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện phải đăng ký với tổ chức hàng không dân dụng quốc tế thuộc nghiệp vụ di động hàng không sử dụng tần số ngoài băng tần từ 2850 kHz đến 22000 kHz và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không, bao gồm đài vô tuyến điện đặt tại các sân bay chuyên dùng hoặc từ chối gia hạn giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i>

	- <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đối mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: Bản khai thông tin chung và bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- <i>07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.</i> - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1a quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành

	kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện; - Có giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật đối với tổ chức xin cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện để thiết lập mạng viễn thông, mạng truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG**

- CHÚ Ý:** 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Công dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan. 4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tàn số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tàn số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lưu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504

Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.

- Mục 1.2. Khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.
- Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.
- Mục 1.4. Khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.
- Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:
- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Công dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia.
- Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.
- Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp. Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:
- Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.
- + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.
 - + Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.
 - Trường hợp nộp hồ sơ qua Công dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Số giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

- (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi
- (2). Mẫu giấy phép: là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...)
- (3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
- (4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.
- (5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...).

8. Thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện phải đăng ký với tổ chức hàng không dân dụng quốc tế thuộc nghiệp vụ di động hàng không sử dụng tần số ngoài băng tần từ 2850 kHz đến 22000 kHz và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không, bao gồm đài vô tuyến điện đặt tại các sân bay chuyên dùng

Trình tự thực hiện	Bước 1. Nộp hồ sơ Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện phải đăng ký với tổ chức hàng không dân dụng quốc tế thuộc nghiệp vụ di động hàng không sử dụng tần số ngoài băng tần từ 2850 kHz đến 22000 kHz và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không, bao gồm đài vô tuyến điện đặt tại các sân bay chuyên dùng theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện). Bước 2. Xử lý hồ sơ Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. 1. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. 2. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định 2.1. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép không phải phối hợp tần số trong nước và quốc tế, Cục Tần số vô tuyến điện thực hiện sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện phải đăng ký với tổ chức hàng không dân dụng quốc tế thuộc nghiệp vụ di động hàng không sử dụng tần số ngoài băng tần từ 2850 kHz đến 22000 kHz và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không, bao gồm đài vô tuyến điện đặt tại các sân bay chuyên dùng trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. 2.2. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép phải phối hợp tần số trong nước và quốc tế: a) Trong thời hạn 20 ngày Cục Tần số vô tuyến điện thực hiện việc ấn định, phối hợp tần số vô tuyến điện trong nước: (a1) Trường hợp ấn định, phối hợp tần số vô tuyến điện trong nước không khả thi, trong thời gian 20 ngày, Cục Tần số vô tuyến điện từ chối sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép và nêu rõ lý do kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
--------------------	--

(a2) Trường hợp ấn định, phối hợp tần số vô tuyến điện trong nước khả thi thì Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị cơ quan chuyên môn thuộc <i>Bộ Xây dựng</i> phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện. b) Trong thời hạn 35 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Cục Tần số vô tuyến điện, cơ quan chuyên môn thuộc <i>Bộ Xây dựng</i> thực hiện các công việc sau: (b1) Phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện với các nhà chức trách hàng không quốc tế, Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế; (b2) Phối hợp với tổ chức, cá nhân phát, thu thử tần số vô tuyến điện khi cần thiết trên cơ sở ý kiến đồng ý của Cục Tần số vô tuyến điện. Cục Tần số vô tuyến điện có ý kiến về việc phát, thu thử trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu phát, thu thử của cơ quan chuyên môn thuộc <i>Bộ Xây dựng</i>; (b3) Gửi văn bản thông báo cho Cục Tần số vô tuyến điện về kết quả phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện bao gồm cả trường hợp phối hợp thành công và không thành công. Trường hợp việc phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện cần có sự phối hợp chuyên sâu về kỹ thuật, cơ quan chuyên môn thuộc <i>Bộ Xây dựng</i> phối hợp với Cục Tần số vô tuyến điện thực hiện việc phối hợp này. c) Cục Tần số vô tuyến điện sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện phải đăng ký với tổ chức hàng không dân dụng quốc tế thuộc nghiệp vụ di động hàng không sử dụng tần số ngoài băng tần từ 2850 kHz đến 22000 kHz và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không, bao gồm đài vô tuyến điện đặt tại các sân bay chuyên dùng hoặc từ chối trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc <i>Bộ Xây dựng</i> về kết quả phối hợp. 3. Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện phải đăng ký với tổ chức hàng không dân dụng quốc tế thuộc nghiệp vụ di động hàng không sử dụng tần số ngoài băng tần từ 2850 kHz đến 22000 kHz và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không, bao gồm đài vô tuyến điện đặt tại các sân bay chuyên dùng hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
--

Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - <i>Bản khai thông tin chung và bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1a quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;</i> - <i>Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép để ấn định tần số vô tuyến điện và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i> 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- <i>20 ngày (đối với trường hợp không phải thực hiện phối hợp trong nước và quốc tế về tần số vô tuyến điện hoặc phối hợp trong nước về tần số không khả thi) kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định hoặc;</i> - <i>62 ngày (đối với trường hợp phải thực hiện phối hợp trong nước và quốc tế về tần số vô tuyến điện) kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.</i> - <i>03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.</i>

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến Mẫu 1a tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i>
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i>; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với các thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu 1a quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i>.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại và an toàn bức xạ vô tuyến điện;
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu,

	nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.
--	---

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG**

- CHÚ Ý:** 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Công dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan. 4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504

Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ

chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Công dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Công dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1a

Áp dụng đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn	từ ngày	đến ngày	
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG				
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)				
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác				
4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN				
4.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất				
4.2. Các mức công suất phát (W)				
4.3. Ký hiệu phát xạ				
4.4. Độ rộng kênh (nếu có)				
4.5. Dải tần thiết bị	Phát			
	Thu			
4.6. Tần số phát/thu đề nghị (nếu có)				
4.7. Độ nhạy máy thu (dBm) (nếu có)				
4.8. Tên/mã trạm đề nghị (nếu có)				
4.9. Đối tượng liên lạc (nếu có)				
4.10. Địa điểm đặt	☐ Di động ☐ Cố định: Kinh độ:..... E/ Vĩ độ :N			
	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:			
	Tỉnh/thành phố:			
4.11. Thiết bị trong mạng (đối với Đài bờ)	Số lượng thiết bị chính			
	Số lượng thiết bị dự phòng			
4.12. Thông tin sửa đổi, bổ sung		☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị		
5. ĂNG-TEN				
5.1. Kiểu (Nhãn hiệu)		5.2. Dải tần làm việc		
5.3. Hệ số khuếch đại (dBi)		5.4. Phân cực		
5.5. Hướng tính	☐ ND ☐ D Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°):	5.6. Độ cao so với mặt đất (m)		
6. TỶ LỆ HAO (dB) (nếu có)				
7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)				

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m.

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép lần đầu hoặc không đủ điều kiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép. Đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a được dùng để kê khai cho 01 (một) loại thiết bị (kê khai tên thiết bị). Có thể dùng nhiều tờ bản khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị khác nhau. Các thiết bị cùng loại, có thông số giống nhau kê khai 01 (một) lần và ghi rõ số lượng thiết bị bên cạnh. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a khi bổ sung, sửa đổi theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG

Kê khai số giấy phép thiết lập mạng viễn thông, ngày cấp và thời hạn sử dụng của giấy phép nếu thuộc đối tượng phải có giấy phép viễn thông theo quy định về viễn thông.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai rõ sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho mục đích: Phục vụ sản xuất, kinh doanh, học tập, nghiên cứu, dự phòng,...

2 THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

3 THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

4.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

5.2. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

5.3. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

5.4. Kê khai độ rộng kênh tần số mà thiết bị có thể hoạt động (không bắt buộc).

5.5. Kê khai dải tần số phát, thu mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

5.6. Kê khai tần số phát/ thu theo mong muốn được sử dụng (không bắt buộc).

5.7. Kê khai độ nhạy máy thu đối với thiết bị thu hoặc thiết bị thu phát theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Không bắt buộc.

5.8. Kê khai tên/mã trạm do tổ chức, cá nhân tự đề nghị để thuận tiện trong công việc, hoặc đề nghị theo dãy hồ hiệu được Quốc tế phân chia cho Việt Nam sử dụng. Trường hợp không đề nghị tên/mã trạm sẽ do cơ quan cấp giấy phép quy định.

5.9. Kê khai tên/mã trạm của các đài vô tuyến điện có truyền thông tin vô tuyến điện với thiết bị vô tuyến điện/ đài vô tuyến điện đang đề nghị cấp phép.

5.10. Địa điểm đặt thiết bị:

- Đánh dấu “X” vào ô “Cố định” đối với thiết bị đặt cố định. Khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh) và kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

- Đánh dấu “X” vào ô “Di động” đối với thiết bị di động khi hoạt động. Kê khai phạm vi di động của thiết bị theo địa chỉ hành chính ví dụ di động trên địa bàn tỉnh A hoặc huyện B tỉnh A, xã C huyện B tỉnh A,...

5.11. Chỉ kê khai đối với đài bờ

- Số lượng thiết bị chính: kê khai số lượng thiết bị chính trong mạng

- Số lượng thiết bị dự phòng: kê khai số lượng thiết bị dự phòng trong mạng

5.12. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 4

- Đánh dấu “X” vào ô “Bổ sung” đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 4.

- Đánh dấu “X” vào ô “Huỷ bỏ” đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

- Đánh dấu “X” vào ô “Thay thế cho thiết bị” và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 4.

6. ĂNG-TEN

Kê khai tất cả các Mục từ 5.1 đến 5.6 đối với thiết bị vô tuyến điện có ăng-ten rời, không tích hợp trên thiết bị. Đối với ăng-ten tích hợp cùng thiết bị chỉ yêu cầu kê khai Mục 6.2 và 6.6 các mục khác không bắt buộc.

6.1. Kê khai tên, ký hiệu theo tài liệu kỹ thuật (VD: DB404, AD-22/C, ...). Trong trường hợp trên ăng - ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng - ten (ví dụ: Loga-chu kỳ, Yagi, Dipole, ăng-ten khe nửa sóng, dàn chấn từ đồng pha, v.v...)

6.2. Kê khai dải tần số mà trong giới hạn đó, ăng-ten làm việc được theo thiết kế.

6.3. Kê khai hệ số khuếch đại theo thiết kế tính theo đơn vị dBi.

6.4. Kê khai phân cực của ăng-ten theo thiết kế. Ví dụ: thẳng, đứng, ngang, tròn,...

6.5. Đánh dấu “X” vào các ô tương ứng: ND là ăng-ten với vô hướng, D là ăng-ten có hướng và kê khai là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ

6.6. Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).

7. TỔN HAO

Kê khai tổn hao của hệ thống tính theo đơn vị dB bao gồm tổn hao phi đơ (fider) của hệ thống ăng-ten, tổn hao của kết nối (connector). Mặc định là 0 dB nếu không kê khai.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.

9. Thủ tục cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện phải đăng ký với tổ chức hàng không dân dụng quốc tế thuộc nghiệp vụ di động hàng không sử dụng tần số ngoài băng tần từ 2850 kHz đến 22000 kHz và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không, bao gồm đài vô tuyến điện đặt tại các sân bay chuyên dùng.

Trình tự thực hiện	- Trường hợp giấy phép bị mất, bị hư hỏng, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện phải đăng ký với tổ chức hàng không dân dụng quốc tế thuộc nghiệp vụ di động hàng không sử dụng tần số ngoài băng tần từ 2850 kHz đến 22000 kHz và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không, bao gồm đài vô tuyến điện đặt tại các sân bay chuyên dùng theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Cục Tần số vô tuyến điện cấp đổi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện phải đăng ký với tổ chức hàng không dân dụng quốc tế thuộc nghiệp vụ di động hàng không sử dụng tần số ngoài băng tần từ 2850 kHz đến 22000 kHz và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không, bao gồm đài vô tuyến điện đặt tại các sân bay chuyên dùng hoặc từ chối cấp đổi giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện phải đăng ký với tổ chức hàng không dân dụng quốc tế thuộc nghiệp vụ di động hàng không sử dụng tần số ngoài băng tần từ 2850 kHz đến 22000 kHz và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không, bao gồm đài vô tuyến điện đặt tại các sân bay chuyên dùng hoặc từ chối cấp đổi giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:

	- <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: Bản khai thông tin chung và bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- <i>07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.</i> - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện theo Mẫu 1a tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;

(nếu có và đính kèm)	- Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:** 3.1 Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 3.2 Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Công dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504

Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ

chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Công dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Công dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Số giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

- (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi.
- (2). Mẫu giấy phép: là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...).
- (3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
- (4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.
- (5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...).

10. Thủ tục cấp đổi giấy phép sử dụng băng tần

Trình tự thực hiện	- Trường hợp giấy phép bị mất, bị hư hỏng, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy phép sử dụng băng tần theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép sử dụng băng tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, tổ chức phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định; + Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện cấp đổi giấy phép theo Mẫu 2 quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; (Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ: + Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội; + Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh; + Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng). - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: Bản khai đề nghị cấp, cấp lại, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép băng tần theo Mẫu 2 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết	<i>07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.</i>
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng băng tần (Mẫu 2 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Bản khai đề nghị cấp, cấp lại, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép băng tần theo Mẫu 2 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về

	sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.
--	---

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI, CẤP ĐỔI, GIA HẠN, SỬA ĐỔI,
 BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TẦN**

- CHÚ Ý:** 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện.

1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ			
1.1. Mã số thuế	Số		
	Địa chỉ trụ sở chính		
1.2. Giấy phép viễn thông theo quy định	Số	Ngày cấp	
	Thời hạn	Từ ngày:Đến ngày:	
1.3. Tài khoản	Số		
	Ngân hàng		
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	☐ Đồng ý ☐ Không đồng ý	
1.4. Địa chỉ liên lạc	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
	Tỉnh/thành phố:		
1.5. Số điện thoại/ Email			
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG			
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp, cấp lại, gia hạn)		☐ 15 năm Khác:.....	
4. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ		☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Cổng dịch vụ công quốc gia	
5. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)			
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép			
6. MỤC ĐÍCH BẢN KHAI		☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số ☐ Gia hạn cho giấy phép số ☐ Cấp đổi cho giấy phép số ☐ Cấp lại	
7. PHẠM VI PHỦ SÓNG			
8. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHUNG	8.1. Đoạn băng tần sử dụng		
	8.2. Công nghệ sử dụng		
	8.2.1. Tiêu chuẩn công nghệ		
	8.2.2. Các mức giới hạn phát xạ		
	8.3. Các tham số khác (nếu có)		

9. CẤU HÌNH MẠNG LƯỚI (nếu có)	
10. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	
11. TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 11.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 11.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 11.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng – ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan. 11.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI CẤP, CẤP LẠI, CẤP ĐỔI, GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TÀN (MẪU 2)

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Đối với cấp, cấp lại: phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nêu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Đối với cấp đổi: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại các Mục 1, 4, 6 trong bản khai. Tại Mục 6 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị cấp đổi.
- Đối với gia hạn: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại các Mục 1, 3, 4, 5, 6 trong bản khai. Tại Mục 6 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị gia hạn.
- Đối với sửa đổi, bổ sung: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại Mục 1 và chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép tại các mục khác của bản khai trừ Mục 3. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tàn số vô tuyến điện theo địa chỉ:

**Cục Tàn số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,
Số 115 đường Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội**
Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tàn số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

- | | |
|---|---|
| Khu vực 1: Số 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.
Điện thoại: 024.35564919;
Fax: 024.35564913 | Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.
Điện thoại: 0225.3827857/
Fax: 0225.3827420 |
| Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.37404179;
Fax: 028.37404966 | Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.
Điện thoại: 0238.3833511;
Fax: 0238.3849518 |
| Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.
Điện thoại: 0236.3933545;
Fax: 0236.3933707 | Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 0258.3892567;
Fax: 0258.3824410. |
| Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.
Điện thoại: 0292.3832760;
Fax: 0292.3887087 | Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504
Fax: 0210. 3840504. |

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

- Mẫu 2:** Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp, gia hạn, cấp đổi, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần.
- Số:** Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp, gia hạn, cấp đổi, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần.
- Mục 1.** Viết bằng chữ in hoa tên hợp pháp của tổ chức cấp, gia hạn, cấp đổi, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức).
- Mục 1.1.** Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.
- Mục 1.2.** Kê khai theo Giấy phép viễn thông tương ứng theo quy định của pháp luật về viễn thông. Trường hợp đang thực hiện thủ tục gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông tương ứng, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp văn bản chứng minh việc đã nộp hồ sơ gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông và bổ sung thông tin về Giấy phép viễn thông tương ứng được cấp để hoàn thiện bản khai.

- Mục 1.3. Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mà tổ chức mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.
- Mục 1.4. kê khai địa chỉ liên lạc của tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức.
- Mục 1.5. kê khai số điện thoại/email liên hệ tổ chức đề nghị cấp phép hoặc số điện thoại/email của cá nhân trực tiếp phụ trách về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép.
- Mục 2. Ghi rõ sử dụng băng tần cho mục đích gì, ví dụ: cung cấp dịch vụ thông tin di động toàn quốc, thử nghiệm công nghệ mới, ...
- Mục 3. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2033” (ghi theo ngày/tháng/năm).
- Mục 4. Tổ chức lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:
 - Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các mục trả kết quả theo quy định.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức kê khai tại mục 1.4.
 - Đánh dấu "X" vào ô “Công dịch vụ công quốc gia” thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.
 Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.
- Mục 5. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
 Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:
 Đánh dấu “X” vào ô 01 lần: nếu tổ chức đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Mục 6. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng đối với trường hợp cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi. Trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi ghi kèm số giấy phép cần gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi.
- Mục 7. kê khai phạm vi phủ sóng đề nghị cấp phép: tên các địa phương (ví dụ: tỉnh/thành phố, xã/phường...) nằm trong vùng phủ sóng hoặc toàn quốc.
- Mục 8. Các thông số kỹ thuật chung:
 8.1. kê khai đoạn băng tần đề nghị cấp phép sử dụng.
 8.2. kê khai các công nghệ sử dụng ứng với đoạn băng tần. Ví dụ: WCDMA, GSM.... (trường hợp sử dụng đồng thời nhiều loại công nghệ trên cùng một băng tần thì kê khai hết các công nghệ mà doanh nghiệp đang sử dụng).
 8.2.1. kê khai tiêu chuẩn công nghệ sử dụng.
 8.2.2. kê khai các mức giới hạn phát xạ (phát xạ giả, phát xạ trong băng, phát xạ ngoài băng...).
- Mục 9. kê khai cấu hình mạng lưới.
- Mục 10. kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.
- Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính: ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép
 - Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

11. Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị phát thanh, truyền hình

Trình tự thực hiện	- Tổ chức hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị phát thanh, truyền hình theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đối với thiết bị phát thanh, truyền hình hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định trừ. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đối với thiết bị phát thanh, truyền hình hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>

Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung và bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1d quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp giấy phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp giấy phép để ấn định tần số vô tuyến điện và cấp giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	- Tổ chức là cơ quan báo chí. - Tổ chức không phải là cơ quan báo chí phát các chương trình phát thanh, phát lại các chương trình phát thanh quảng bá. - Tổ chức, doanh nghiệp truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1d Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP)
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1d quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện;

	- Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện; - Có giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật đối với tổ chức xin cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện để thiết lập mạng viễn thông, mạng truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình; - Có giấy phép hoạt động báo chí hoặc được quyền phát lại chương trình phát thanh, truyền hình theo quy định của pháp luật.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:** 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Công dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tồn số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tồn số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tồn số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504

Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ

chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Công dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Công dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1d

Áp dụng đối với thiết bị phát thanh, truyền hình

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. LOẠI ĐÀI:	☐ Phát thanh tương tự ☐ Phát thanh số ☐ Truyền hình số ☐ Khác:.....		
1.1. Giấy phép hoạt động báo chí theo quy định đối với Cơ quan báo chí.	Số		Ngày cấp
	Thời hạn	từ ngày	đến ngày
1.2. Giấy phép viễn thông theo quy định	Số		Ngày cấp
	Thời hạn	từ ngày	đến ngày
1.3. Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình (nếu có)	Số		Ngày cấp
	Thời hạn	từ ngày	đến ngày
2. LOẠI MẠNG	☐ Đơn tần ☐ Đa tần ☐ Khác:.....		
3. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG			
4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)			
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....			
5. DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT SÓNG TRÊN KÊNH TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP			
Tên kênh chương trình		Tốc độ bit tối đa/tối thiểu (Mbit/s)	
6. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN			
6.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất			
6.2. Công suất danh định (W)		6.3. Công suất phát sóng đề nghị (W)	
6.4. Bảng tần thiết bị phát		6.5. Hệ - tiêu chuẩn	
6.6. Kênh/tần số phát đề nghị (nếu có)		6.7. Ký hiệu phát xạ	
6.8. Tên/ Mã trạm			
6.9. Địa điểm đặt	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
	Tỉnh/thành phố:		
7. ĂNG-TEN			
7.1. Kiểu (Nhãn hiệu)		7.2. Phân cực	
7.3. Hướng tính	☐ ND ☐ D	Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°):	
7.4. Hệ số khuếch đại (dBi)		7.5. Độ cao so với mặt đất (m)	
7.6. Vị trí (tọa độ)	Kinh độ:..... E / Vĩ độ:N		
7.7. Cấu trúc bố trí			

8. TỔN HAO (dB) (nếu có)	
9. GIỜ HOẠT ĐỘNG	
10. ĐỐI VỚI THIẾT BỊ PHÁT THANH SỐ MẶT ĐẤT VÀ TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT	
10.1. Khoảng bảo vệ (Guard interval)	
10.2. Số lượng sóng mang (Number of carrier)	
10.3. Chế độ thu (Reception mode)	
10.4. Kiểu điều chế	
10.5. Tỷ lệ mã	
10.6. Pilot pattern	
11. PHÂN KHAI BỔ SUNG ĐỐI VỚI THIẾT BỊ PHÁT THANH AM BẰNG TẦN MF CẦN ĐĂNG KÝ QUỐC TẾ (BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN KHÁC THEO QUY ĐỊNH CỦA LIÊN MINH VIỄN THÔNG QUỐC TẾ - ITU KHI CÓ YÊU CẦU CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ).	
11.1. Độ dẫn điện đất (Ground conductivity- mS/m)	
11.2. Hệ số bảo vệ kênh lân cận (Adjacent channel protection radio – dB)	
11.3. Tăng ích ăng-ten theo các hướng: 0, 10, 20, ..., 350 ⁰ (cung cấp đối với ăng-ten có hướng)	
12. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với thiết bị phát thanh truyền hình.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d nếu đề nghị cấp. Mỗi thiết bị khai vào một tờ khai. Ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai. Mỗi giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung khai vào một tờ khai. Ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

1. LOẠI ĐÀI

- Đánh dấu "X" vào ô "Phát thanh tương tự" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho đài phát thanh FM.

- Đánh dấu "X" vào ô "Phát thanh số" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho đài phát thanh số.

- Đánh dấu "X" vào ô "Truyền hình số" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho đài truyền hình số.

- Đánh dấu "X" vào ô "Khác" nếu chưa thuộc các loại trên và kê khai rõ loại đài phát sóng.

1.1. Áp dụng đối với tổ chức là cơ quan báo chí, đài truyền thanh cấp huyện

Đối với tổ chức là cơ quan báo chí: Ghi số, cơ quan cấp, ngày cấp, thời hạn sử dụng theo Giấy phép hoạt động báo chí đối với nội dung kênh chương trình phát sóng (không áp dụng đối với việc phát lại các chương trình phát thanh, truyền hình của Trung ương);

1.2. Áp dụng đối với tổ chức là cơ quan báo chí, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình:

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình: Ghi số, cơ quan cấp, ngày cấp, thời hạn sử dụng theo Giấy phép thiết lập mạng viễn thông theo quy định.

1.3. Kê khai giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình được phép phát sóng (nếu có).

2. LOẠI MẠNG

- Đánh dấu "X" vào ô "Đơn tần" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho mạng đơn tần.

- Đánh dấu "X" vào ô "Đa tần" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho mạng đa tần.

- Khác: ghi rõ nếu không phải đơn tần, không phải đa tần.

3. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

- Đối với phát thanh tương tự: ghi rõ phát sóng, phát lại kênh chương trình nào (ví dụ: phát lại kênh chương trình VOV1 của Đài Tiếng nói Việt Nam).

- Đối với phát thanh số: ghi rõ phát sóng, phát lại kênh chương trình nào (ví dụ: phát lại kênh chương trình VOV1 của Đài Tiếng nói Việt Nam).

- Đối với truyền hình số:

+ Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp truyền dẫn phát sóng truyền hình quảng bá: Ghi phát sóng các kênh chương trình quảng bá (đảm bảo các kênh chương trình được phép phát sóng quảng bá theo quy định).

+ Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền: Ghi phát sóng theo Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số

4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

5. DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT SÓNG TRÊN KÊNH TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Kê khai danh sách các kênh chương trình phát sóng trên kênh tần số đề nghị cấp phép. Đối với phát thanh số/ truyền hình số kê khai thêm tốc độ bit tối đa/tối thiểu (tính theo Mbit/s)

6. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

6.1. Kê khai đầy đủ tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị/ Hãng sản xuất thiết bị.

6.2. Kê khai công suất phát thiết kế của thiết bị.

6.3. Kê khai mức công suất phát sóng đề nghị cấp phép (mức công suất trước khi đưa vào ăng-ten, nhỏ hơn hoặc bằng công suất danh định)

6.4. Kê khai dải tần số hoặc các kênh tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

6.5. Kê khai hệ tiêu chuẩn của đài do thiết kế chế tạo, ví dụ: DVB-T/T2; DAB+, DRM...

6.6. Kê khai kênh phát đề nghị được sử dụng hoặc tần số phát đề nghị được sử dụng (nếu có)

6.7. Ký hiệu phát xạ:

- Đối với phát thanh tương tự: Ví dụ: 180KF3EGN (mono); 300KF3EHN (stereo).

- Đối với phát thanh số: kê khai theo quy định. Ví dụ: 1M54X7EXF.

- Đối với truyền hình số: kê khai chung cho cả hình và tiếng. Ví dụ: 8M00X7FXF.

6.8. Kê khai Tên/mã trạm đề nghị sử dụng cho đài phát thanh, truyền hình trong khi hoạt động. Trường hợp không kê khai hoặc kê khai thiếu, hồ hiệu sẽ do Cơ quan quản lý quy định.

6.9. Địa điểm đặt: kê khai đầy đủ địa chỉ đặt thiết bị, tên trụ sở đặt thiết bị, địa chỉ thường trú tại nơi đặt thiết bị (số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh).

7. ĂNG-TEN

7.1. Kiểu (Nhân hiệu): kê khai tên, ký hiệu và hãng sản xuất của ăng-ten theo Tài liệu kỹ thuật (Ví dụ: Dipole, 759101195, Kathrein). Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Dipole, Panel, lồng, chữ V, tháp, v.v...)

7.2. Phân cực: kê khai loại phân cực của ăng-ten (ví dụ: thẳng đứng, nằm ngang, phân cực tròn,...)

7.3. Hướng tính: kê khai ăng-ten có hướng (D) hay vô hướng (ND) bằng cách đánh dấu "X" vào ô tương ứng. Đối với ăng-ten có hướng (D) kê khai góc phương vị của hướng bức xạ chính (là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ).

7.4. Hệ số khuếch đại (dBi): kê khai rõ hệ số khuếch đại của ăng-ten theo đơn vị dBi.

7.5. Độ cao so với mặt đất (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo mét (m).

7.6. Vị trí (tọa độ): kê khai độ chính xác của kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân.

7.7. Cấu trúc bố trí: kê khai việc bố trí ăng-ten theo thực tế triển khai.

8. TỔN HAO

Kê khai tổn hao của hệ thống tính theo đơn vị dB bao gồm tổn hao phi đơ (fider) của hệ thống ăng - ten, tổn hao của kết nối (connector). Mặc định là 0 dB nếu không kê khai.

9. GIỜ HOẠT ĐỘNG

Kê khai giờ hoạt động đề nghị. Đối với các Cơ quan báo chí giờ hoạt động kê khai theo Giấy phép hoạt động báo chí. Trường hợp hoạt động vào giờ bất kỳ trong ngày thì ghi “Hx”.

10. THIẾT BỊ PHÁT THANH SỐ MẶT ĐẤT VÀ TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT

10.1. Khoảng bảo vệ (Guard interval): 1/4; 1/8; 1/16 ...

10.2. Số lượng sóng mang (Number of carrier): 2k; 8k...

10.3. Chế độ thu (Reception mode): kê khai chế độ thu theo quy định: F - thu cố định, M - thu lưu động; A - thu trong nhà; B - thu ngoài trời.

10.4. Kiểu điều chế: kê khai kiểu điều chế của thiết bị (ví dụ: 256-QAM, 64-QAM...).

10.5. Tỷ lệ mã: kê khai tỷ lệ mã của thiết bị.

10.6. Pilot pattern: kê khai mẫu hình tín hiệu Pilot.

11. THIẾT BỊ PHÁT THANH AM BĂNG TẦN MF (Chỉ áp dụng cho các thiết bị cần đăng ký quốc tế).

11.1. Độ dẫn điện đất: kê khai độ dẫn điện đất theo đơn vị mS/m.

11.2. Hệ số bảo vệ kênh lân cận: kê khai rõ hệ số bảo vệ kênh lân cận theo đơn vị dB.

11.3. Tăng ích ăng-ten theo các hướng: kê khai tăng ích ăng-ten theo các hướng 0, 10, 20, ...350°: áp dụng đối với ăng-ten có hướng

12. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.

12. Thủ tục gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị phát thanh, truyền hình

Trình tự thực hiện	- Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị phát thanh, truyền hình theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Cục Tần số vô tuyến điện gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị phát thanh, truyền hình hoặc từ chối gia hạn giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, Cục Tần số vô tuyến điện gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị phát thanh, truyền hình hoặc từ chối gia hạn giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội; + Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh; + Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).

	- <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: Bản khai thông tin chung và bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i> 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- <i>07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.</i> - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	- Tổ chức là cơ quan báo chí. - Tổ chức không phải là cơ quan báo chí phát các chương trình phát thanh, phát lại các chương trình phát thanh quảng bá. - Tổ chức, doanh nghiệp truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1d Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i>)
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;</i> - Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ;

	- Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện; - Có giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật đối với tổ chức xin cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện để thiết lập mạng viễn thông, mạng truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình; - Có giấy phép hoạt động báo chí hoặc được quyền phát lại chương trình phát thanh, truyền hình theo quy định của pháp luật.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:** 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Công dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504

Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ

chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Công dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Công dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Số giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

- (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi
- (2). Mẫu giấy phép: Là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...)
- (3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
- (4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.
- (5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...)

13. Thủ tục sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị phát thanh, truyền hình

Trình tự thực hiện	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị phát thanh, truyền hình theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Cục Tần số vô tuyến điện sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị phát thanh, truyền hình hoặc từ chối sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định trừ. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, Cục Tần số vô tuyến điện sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị phát thanh, truyền hình hoặc từ chối sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i>

	- <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung và bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1d quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i> - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép để ấn định tần số vô tuyến điện và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i> 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- <i>22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.</i> - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	- Tổ chức là cơ quan báo chí. - Tổ chức không phải là cơ quan báo chí phát các chương trình phát thanh, phát lại các chương trình phát thanh quảng bá. - Tổ chức, doanh nghiệp truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1d Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i>)
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;</i> - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1d quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm;

thủ tục hành chính (nếu có)	- Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện; - Có giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật đối với tổ chức xin cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện để thiết lập mạng viễn thông, mạng truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình; - Có giấy phép hoạt động báo chí hoặc được quyền phát lại chương trình phát thanh, truyền hình theo quy định của pháp luật.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:** 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Công dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504

Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ

chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Công dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Công dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1d

Áp dụng đối với thiết bị phát thanh, truyền hình

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số
 Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. LOẠI ĐÀI:	☐ Phát thanh tương tự ☐ Phát thanh số ☐ Truyền hình số ☐ Khác:.....		
1.1. Giấy phép hoạt động báo chí theo quy định đối với Cơ quan báo chí.	Số		Ngày cấp
	Thời hạn	từ ngày	đến ngày
1.2. Giấy phép viễn thông theo quy định	Số		Ngày cấp
	Thời hạn	từ ngày	đến ngày
1.3. Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình (nếu có)	Số		Ngày cấp
	Thời hạn	từ ngày	đến ngày
2. LOẠI MẠNG	☐ Đơn tần ☐ Đa tần ☐ Khác:.....		
3. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG			
4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)			
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....			
5. DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT SÓNG TRÊN KÊNH TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP			
Tên kênh chương trình		Tốc độ bit tối đa/tối thiểu (Mbit/s)	
6. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN			
6.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất			
6.2. Công suất danh định (W)		6.3. Công suất phát sóng đề nghị (W)	
6.4. Băng tần thiết bị phát		6.5. Hệ - tiêu chuẩn	
6.6. Kênh/tần số phát đề nghị (nếu có)		6.7. Ký hiệu phát xạ	
6.8. Tên/ Mã trạm			
6.9. Địa điểm đặt	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
	Tỉnh/thành phố:		
7. ĂNG-TEN			
7.1. Kiểu (Nhãn hiệu)		7.2. Phân cực	
7.3. Hướng tính	☐ ND ☐ D Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°):		
7.4. Hệ số khuếch đại (dBi)		7.5. Độ cao so với mặt đất (m)	
7.6. Vị trí (tọa độ)	Kinh độ:..... E / Vĩ độ:N		
7.7. Cấu trúc bố trí			

8. TỶ SỐ HAO (dB) (nếu có)	
9. GIỜ HOẠT ĐỘNG	
10. ĐỐI VỚI THIẾT BỊ PHÁT THANH SỐ MẶT ĐẤT VÀ TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT	
10.1. Khoảng bảo vệ (Guard interval)	
10.2. Số lượng sóng mang (Number of carrier)	
10.3. Chế độ thu (Reception mode)	
10.4. Kiểu điều chế	
10.5. Tỷ lệ mã	
10.6. Pilot pattern	
11. PHÂN KHAI BỔ SUNG ĐỐI VỚI THIẾT BỊ PHÁT THANH AM BẰNG TẦN MF CẦN ĐĂNG KÝ QUỐC TẾ (BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN KHÁC THEO QUY ĐỊNH CỦA LIÊN MINH VIỄN THÔNG QUỐC TẾ - ITU KHI CÓ YÊU CẦU CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ).	
11.1. Độ dẫn điện đất (Ground conductivity- mS/m)	
11.2. Hệ số bảo vệ kênh lân cận (Adjacent channel protection radio – dB)	
11.3. Tăng ích ăng-ten theo các hướng: 0, 10, 20, ..., 350 ⁰ (cung cấp đối với ăng-ten có hướng)	
12. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với thiết bị phát thanh truyền hình.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d nếu đề nghị cấp. Mỗi thiết bị khai vào một tờ khai. Ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai. Mỗi giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung khai vào một tờ khai. Ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

1. LOẠI ĐÀI

- Đánh dấu "X" vào ô "Phát thanh tương tự" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho đài phát thanh FM.

- Đánh dấu "X" vào ô "Phát thanh số" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho đài phát thanh số.

- Đánh dấu "X" vào ô "Truyền hình số" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho đài truyền hình số.

- Đánh dấu "X" vào ô "Khác" nếu chưa thuộc các loại trên và kê khai rõ loại đài phát sóng.

1.1. Áp dụng đối với tổ chức là cơ quan báo chí, đài truyền thanh cấp huyện

Đối với tổ chức là cơ quan báo chí: Ghi số, cơ quan cấp, ngày cấp, thời hạn sử dụng theo Giấy phép hoạt động báo chí đối với nội dung kênh chương trình phát sóng (không áp dụng đối với việc phát lại các chương trình phát thanh, truyền hình của Trung ương);

1.2. Áp dụng đối với tổ chức là cơ quan báo chí, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình:

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình: Ghi số, cơ quan cấp, ngày cấp, thời hạn sử dụng theo Giấy phép thiết lập mạng viễn thông theo quy định.

1.3. Kê khai giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình được phép phát sóng (nếu có).

2. LOẠI MẠNG

- Đánh dấu "X" vào ô "Đơn tần" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho mạng đơn tần.

- Đánh dấu "X" vào ô "Đa tần" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho mạng đa tần.

- Khác: ghi rõ nếu không phải đơn tần, không phải đa tần.

3. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

- Đối với phát thanh tương tự: ghi rõ phát sóng, phát lại kênh chương trình nào (ví dụ: phát lại kênh chương trình VOV1 của Đài Tiếng nói Việt Nam).

- Đối với phát thanh số: ghi rõ phát sóng, phát lại kênh chương trình nào (ví dụ: phát lại kênh chương trình VOV1 của Đài Tiếng nói Việt Nam).

- Đối với truyền hình số:

+ Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp truyền dẫn phát sóng truyền hình quảng bá: Ghi phát sóng các kênh chương trình quảng bá (đảm bảo các kênh chương trình được phép phát sóng quảng bá theo quy định).

+ Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền: Ghi phát sóng theo Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số

4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

5. DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT SÓNG TRÊN KÊNH TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Kê khai danh sách các kênh chương trình phát sóng trên kênh tần số đề nghị cấp phép. Đối với phát thanh số/ truyền hình số kê khai thêm tốc độ bit tối đa/tối thiểu (tính theo Mbit/s)

6. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- a. Kê khai đầy đủ tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị/ Hãng sản xuất thiết bị.
- b. Kê khai công suất phát thiết kế của thiết bị.
- c. Kê khai mức công suất phát sóng đề nghị cấp phép (mức công suất trước khi đưa vào ăng-ten, nhỏ hơn hoặc bằng công suất danh định)
- d. Kê khai dải tần số hoặc các kênh tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.
- e. Kê khai hệ tiêu chuẩn của đài do thiết kế chế tạo, ví dụ: DVB-T/T2; DAB+, DRM...
- f. Kê khai kênh phát đề nghị được sử dụng hoặc tần số phát đề nghị được sử dụng (nếu có)
- g. Ký hiệu phát xạ:
 - Đối với phát thanh tương tự: Ví dụ: 180KF3EGN (mono); 300KF3EHN (stereo).
 - Đối với phát thanh số: kê khai theo quy định. Ví dụ: 1M54X7EXF.
 - Đối với truyền hình số: kê khai chung cho cả hình và tiếng. Ví dụ: 8M00X7FXF.
- h. Kê khai Tên/mã trạm đề nghị sử dụng cho đài phát thanh, truyền hình trong khi hoạt động. Trường hợp không kê khai hoặc kê khai thiếu, hồ hiệu sẽ do Cơ quan quản lý quy định.
- i. Địa điểm đặt: kê khai đầy đủ địa chỉ đặt thiết bị, tên trụ sở đặt thiết bị, địa chỉ thường trú tại nơi đặt thiết bị (số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh)).

7. ĂNG-TEN

7.1. Kiểu (Nhân hiệu): kê khai tên, ký hiệu và hãng sản xuất của ăng-ten theo Tài liệu kỹ thuật (Ví dụ: Dipole, 759101195, Kathrein). Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Dipole, Panel, lồng, chữ V, tháp, v.v...)

7.2. Phân cực: kê khai loại phân cực của ăng-ten (ví dụ: thẳng đứng, nằm ngang, phân cực tròn,...)

7.3. Hướng tính: kê khai ăng-ten có hướng (D) hay vô hướng (ND) bằng cách đánh dấu "X" vào ô tương ứng. Đối với ăng-ten có hướng (D) kê khai góc phương vị của hướng bức xạ chính (là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ).

7.4. Hệ số khuếch đại (dBi): kê khai rõ hệ số khuếch đại của ăng-ten theo đơn vị dBi.

7.5. Độ cao so với mặt đất (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo mét (m).

7.6. Vị trí (tọa độ): kê khai độ chính xác của kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân.

7.7. Cấu trúc bố trí: kê khai việc bố trí ăng-ten theo thực tế triển khai.

8. TỔN HAO

Kê khai tổn hao của hệ thống tính theo đơn vị dB bao gồm tổn hao phi đơ (fider) của hệ thống ăng - ten, tổn hao của kết nối (connector). Mặc định là 0 dB nếu không kê khai.

9. GIỜ HOẠT ĐỘNG

Kê khai giờ hoạt động đề nghị. Đối với các Cơ quan báo chí giờ hoạt động kê khai theo Giấy phép hoạt động báo chí. Trường hợp hoạt động vào giờ bất kỳ trong ngày thì ghi “Hx”.

10. THIẾT BỊ PHÁT THANH SỐ MẶT ĐẤT VÀ TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT

10.1. Khoảng bảo vệ (Guard interval): 1/4; 1/8; 1/16 ...

10.2. Số lượng sóng mang (Number of carrier): 2k; 8k...

10.3. Chế độ thu (Reception mode): kê khai chế độ thu theo quy định: F - thu cố định, M - thu lưu động; A - thu trong nhà; B - thu ngoài trời.

10.4. Kiểu điều chế: kê khai kiểu điều chế của thiết bị (ví dụ: 256-QAM, 64-QAM...).

10.5. Tỷ lệ mã: kê khai tỷ lệ mã của thiết bị.

10.6. Pilot pattern: kê khai mẫu hình tín hiệu Pilot.

11. THIẾT BỊ PHÁT THANH AM BĂNG TẦN MF (Chỉ áp dụng cho các thiết bị cần đăng ký quốc tế).

11.1. Độ dẫn điện đất: kê khai độ dẫn điện đất theo đơn vị mS/m.

11.2. Hệ số bảo vệ kênh lân cận: kê khai rõ hệ số bảo vệ kênh lân cận theo đơn vị dB.

11.3. Tăng ích ăng-ten theo các hướng: kê khai tăng ích ăng-ten theo các hướng 0, 10, 20, ...350°: áp dụng đối với ăng-ten có hướng

12. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.

14. Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với tuyên truyền dẫn vi ba

Trình tự thực hiện	- Tổ chức hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với tuyên truyền dẫn vi ba theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với tuyên truyền dẫn vi ba hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với tuyên truyền dẫn vi ba hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đối mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>

Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung và bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1e quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp giấy phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp giấy phép để ấn định tần số vô tuyến điện và cấp giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1e Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP)
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1e quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện;

	- Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện; - Có giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật đối với tổ chức xin cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện để thiết lập mạng viễn thông, mạng truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:** 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Công dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lữ, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504

Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:
- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Công dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1e

Áp dụng đối với tuyến truyền dẫn vi ba

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn sử dụng	từ ngày	đến ngày	
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG				
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)				
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐				
4. THÔNG SỐ CỦA TRẠM	TRẠM “THỨ NHẤT”		TRẠM “THỨ HAI”	
4.1. Tên/mã trạm đề nghị				
4.2. Kinh độ	E		E	
4.3. Vĩ độ	N		N	
4.4. Cự ly tuyến (km)				
4.5. Địa điểm đặt				
Số nhà, đường phố (thôn xóm), Phường/xã				
Tỉnh/thành phố				
5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN				
5.1. Tên thiết bị				
5.2. Hãng sản xuất				
5.3. Dải tần số thu (MHz)				
5.4. Dải tần số phát (MHz)				
5.5. Tần số phát đề nghị (MHz)				
5.6. Băng thông (MHz)				
5.7. Công suất phát (dBm)				
5.8. Kiểu điều chế				
5.9. Hệ số tạp âm (dB) (nếu có)				
5.10. Độ nhạy máy thu (dBm) (nếu có)				
5.11. Suy hao Tx (dB) (nếu có)				
5.12. Fade margin (dB) (nếu có)				
6. ĂNG-TEN				
6.1. Tên				
6.2. Hãng sản xuất				
6.3. Hướng tính				
6.4. Kích thước				
6.5. Độ cao so với mặt đất (m)				
6.6. Phân cực				
6.7. Hệ số khuếch đại (dBi)				
6.8. Giảm đồ bức xạ ăng-ten (nếu có)				
7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)				

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1e

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung một số nội dung giấy phép đã được cấp đối với tuyến truyền dẫn vi ba.

- Đánh dấu “X” vào ô “cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu “X” vào ô “sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1e khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1e được dùng để kê khai cho một tuyến truyền dẫn vi ba. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều tuyến vi ba hoặc một tuyến viba dùng nhiều tần số hoặc phân cực khác nhau. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1e khi bổ sung, sửa đổi theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG

Kê khai số giấy phép thiết lập mạng viễn thông, ngày cấp và thời hạn sử dụng của giấy phép nếu thuộc đối tượng phải có giấy phép viễn thông theo quy định về viễn thông.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai rõ sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho mục đích gì. Ví dụ: truyền dẫn nội tỉnh, truyền dẫn trong mạng thông tin di động,....

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. THÔNG SỐ CỦA TRẠM

- 4.1. Tên/mã trạm đề nghị được sử dụng cho tuyến vi ba.
- 4.2. Kê khai Kinh độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân.
- 4.3. Kê khai Vĩ độ của theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân.
- 4.4. Là khoảng cách (tính theo đường thẳng) giữa hai trạm.
- 4.5. Ghi tên trụ sở đặt thiết bị; địa chỉ nơi đặt thiết bị, khai đầy đủ số nhà, đường phố (thôn, xóm), phường (xã), thành phố (tỉnh).

5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- 5.1. Kê khai đầy đủ tên thiết bị, gồm cả nhãn hiệu và model của thiết bị.
- 5.2. Kê khai tên hãng sản xuất của thiết bị.
- 5.3. Kê khai dải tần số thu mà thiết bị cho phép lựa chọn (tính từ tần số thấp nhất đến tần số cao nhất).
- 5.4. Kê khai dải tần số phát mà thiết bị cho phép lựa chọn (tính từ tần số thấp nhất đến tần số cao nhất).
- 5.5. Kê khai tần số phát đề nghị (MHz).
- 5.6. Kê khai băng thông của thiết bị (MHz), là độ chiếm dụng băng tần của thiết bị khi khai thác ở tốc độ truyền.
- 5.7. Kê khai công suất phát (dBm).
- 5.8. Kê khai các kiểu điều chế mà thiết bị cho phép chọn lựa. Ví dụ: QPSK, BPSK...

- 5.9. Khai hệ số tạp âm (dB) của máy thu.
- 5.10. Khai độ nhạy của máy thu (dBm).
- 5.11. Khai suy hao trên đường truyền ra ăng-ten của máy phát. Mặc định bằng 0 nếu không khai.
- 5.12. Khai dự trữ pha-đỉnh theo đơn vị dB. Mặc định bằng 0 nếu không khai.

6. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA ĂNG-TEN

- 6.1. Khai tên, ký hiệu và hãng sản xuất của ăng-ten theo tài liệu kỹ thuật (VD: Loga-chu kỳ, AD-22/C, Trival).
- 6.2. Trong trường hợp không có tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Parabol, Yagi, Dipole, ăng-ten khe nửa sóng, v.v...)
- 6.3. Hướng tính của ăng-ten: có hướng (D) hay vô hướng (ND).
- 6.4. Kích thước của ăng-ten là độ dài của ăng-ten hoặc đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).
- 6.5. Độ cao so với mặt đất (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).
- 6.6. Khai phân cực của ăng-ten theo thiết kế. Ví dụ: thẳng, đứng, ngang, tròn,...
- 6.7. Khai hệ số khuếch đại theo thiết kế tính theo đơn vị dBi
- 6.8. Giảm đồ bức xạ: đối với ăng-ten theo chuẩn của ITU khai ký hiệu của giảm đồ; đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, cung cấp giảm đồ bức xạ của ăng-ten và tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC: Khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

15. Thủ tục gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với tuyến truyền dẫn vi ba

Trình tự thực hiện	- Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày, tổ chức hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với tuyến truyền dẫn vi ba theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Cục Tần số vô tuyến điện gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với tuyến truyền dẫn vi ba hoặc từ chối gia hạn giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, Cục Tần số vô tuyến điện gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với tuyến truyền dẫn vi ba hoặc từ chối gia hạn giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội; + Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh; + Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng). - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).

Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ - Bản khai thông tin chung và bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1e Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP)
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện;

	- Có giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật đối với tổ chức xin cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện để thiết lập mạng viễn thông, mạng truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Cổng dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504

Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ

chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Công dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Công dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu bản khai đề nghị gia hạn, Phụ lục II

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Số giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

- (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi
- (2). Mẫu giấy phép: Là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...)
- (3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
- (4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.
- (5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...)

16. Thủ tục sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với tuyến truyền dẫn vi ba

Trình tự thực hiện	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với tuyến truyền dẫn vi ba theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Cục Tần số vô tuyến điện sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với tuyến truyền dẫn vi ba hoặc từ chối sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, Cục Tần số vô tuyến điện sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với tuyến truyền dẫn vi ba hoặc từ chối sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i>

	- <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung và bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với tuyển truyền dẫn vi ba theo Mẫu 1e quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i> - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép để ấn định tần số vô tuyến điện và sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i> 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- <i>22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.</i> - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1e Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i>)
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;</i> - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với tuyển truyền dẫn vi ba theo Mẫu 1e quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm;

thủ tục hành chính (nếu có)	- Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện; - Có giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật đối với tổ chức xin cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện để thiết lập mạng viễn thông, mạng truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:** 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Công dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504

Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:
- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Công dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1e

Áp dụng đối với tuyến truyền dẫn vi ba

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn sử dụng	từ ngày	đến ngày	
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG				
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)				
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....				
4. THÔNG SỐ CỦA TRẠM	TRẠM “THỨ NHẤT”		TRẠM “THỨ HAI”	
4.1. Tên/mã trạm đề nghị				
4.2. Kinh độ	E		E	
4.3. Vĩ độ	N		N	
4.4. Cự ly tuyến (km)				
4.5. Địa điểm đặt				
Số nhà, đường phố (thôn xóm), Phường/xã				
Tỉnh/thành phố				
5. THIẾT BỊ VỎ TUYẾN ĐIỆN				
5.1. Tên thiết bị				
5.2. Hãng sản xuất				
5.3. Dải tần số thu (MHz)				
5.4. Dải tần số phát (MHz)				
5.5. Tần số phát đề nghị (MHz)				
5.6. Băng thông (MHz)				
5.7. Công suất phát (dBm)				
5.8. Kiểu điều chế				
5.9. Hệ số tạp âm (dB) (nếu có)				
5.10. Độ nhạy máy thu (dBm) (nếu có)				
5.11. Suy hao Tx (dB) (nếu có)				
5.12. Fade margin (dB) (nếu có)				
6. ĂNG-TEN				
6.1. Tên				
6.2. Hãng sản xuất				
6.3. Hướng tính				
6.4. Kích thước				
6.5. Độ cao so với mặt đất (m)				
6.6. Phân cực				
6.7. Hệ số khuếch đại (dBi)				
6.8. Giảm đồ bức xạ ăng-ten (nếu có)				
7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)				

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1e

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung một số nội dung giấy phép đã được cấp đối với tuyến truyền dẫn vi ba.

- Đánh dấu “X” vào ô “cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu “X” vào ô “sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1e khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1e được dùng để kê khai cho một tuyến truyền dẫn vi ba. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều tuyến vi ba hoặc một tuyến viba dùng nhiều tần số hoặc phân cực khác nhau. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1e khi bổ sung, sửa đổi theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG

Kê khai số giấy phép thiết lập mạng viễn thông, ngày cấp và thời hạn sử dụng của giấy phép nếu thuộc đối tượng phải có giấy phép viễn thông theo quy định về viễn thông.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai rõ sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho mục đích gì. Ví dụ: truyền dẫn nội tỉnh, truyền dẫn trong mạng thông tin di động,....

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. THÔNG SỐ CỦA TRẠM

- 4.1. Tên/mã trạm đề nghị được sử dụng cho tuyến vi ba.
- 4.2. Kê khai Kinh độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân.
- 4.3. Kê khai Vĩ độ của theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân.
- 4.4. Là khoảng cách (tính theo đường thẳng) giữa hai trạm.
- 4.5. Ghi tên trụ sở đặt thiết bị; địa chỉ nơi đặt thiết bị, khai đầy đủ số nhà, đường phố (thôn, xóm), phường (xã), thành phố (tỉnh).

5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- 5.1. Kê khai đầy đủ tên thiết bị, gồm cả nhãn hiệu và model của thiết bị.
- 5.2. Kê khai tên hãng sản xuất của thiết bị.
- 5.3. Kê khai dải tần số thu mà thiết bị cho phép lựa chọn (tính từ tần số thấp nhất đến tần số cao nhất).
- 5.4. Kê khai dải tần số phát mà thiết bị cho phép lựa chọn (tính từ tần số thấp nhất đến tần số cao nhất).
- 5.5. Kê khai tần số phát đề nghị (MHz).
- 5.6. Kê khai băng thông của thiết bị (MHz), là độ chiếm dụng băng tần của thiết bị khi khai thác ở tốc độ truyền.
- 5.7. Kê khai công suất phát (dBm).
- 5.8. Kê khai các kiểu điều chế mà thiết bị cho phép lựa chọn. Ví dụ: QPSK, BPSK...

- 5.9. Khai hệ số tạp âm (dB) của máy thu.
- 5.10. Khai độ nhạy của máy thu (dBm).
- 5.11. Khai suy hao trên đường truyền ra ăng-ten của máy phát. Mặc định bằng 0 nếu không khai.
- 5.12. Khai dự trữ pha-đỉnh theo đơn vị dB. Mặc định bằng 0 nếu không khai.

6. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA ĂNG-TEN

- 6.1. Khai tên, ký hiệu và hãng sản xuất của ăng-ten theo tài liệu kỹ thuật (VD: Loga-chu kỳ, AD-22/C, Trival).
- 6.2. Trong trường hợp không có tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Parabol, Yagi, Dipole, ăng-ten khe nửa sóng, v.v...)
- 6.3. Hướng tính của ăng-ten: có hướng (D) hay vô hướng (ND).
- 6.4. Kích thước của ăng-ten là độ dài của ăng-ten hoặc đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).
- 6.5. Độ cao so với mặt đất (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).
- 6.6. Khai phân cực của ăng-ten theo thiết kế. Ví dụ: thẳng, đứng, ngang, tròn,...
- 6.7. Khai hệ số khuếch đại theo thiết kế tính theo đơn vị dBi
- 6.8. Giản đồ bức xạ: đối với ăng-ten theo chuẩn của ITU khai ký hiệu của giản đồ; đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC: Khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

17. Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất

Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 6 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i>

	- <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung và bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1g1 quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. - Bản sao hợp pháp hoặc bản sao điện tử hợp pháp Căn cước công dân hoặc Căn cước (đối với cá nhân là người Việt Nam đề nghị cấp giấy phép) hoặc Hộ chiếu còn thời hạn (đối với cá nhân là người nước ngoài đề nghị cấp giấy phép) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (đối với hộ kinh doanh đề nghị cấp giấy phép). Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ là Căn cước công dân, Căn cước, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. Đối với căn cước công dân hoặc căn cước thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện việc khai thác các thông tin, giấy tờ này từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính. - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép để ấn định tần số vô tuyến điện và cấp, sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1g1 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i>)
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Bản khai thông tin chung và Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác Mẫu 1g1 quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8 /2023 <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> .
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện; - Có giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng

	Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.
--	---

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:** 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Công dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504

Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ

chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Công dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Công dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1g1

Áp dụng đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH		Số		Ngày cấp	
		Thời hạn sử dụng	từ ngày	đến ngày	
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG					
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP (đối với cấp)					
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....					
4. TỔNG SỐ THIẾT BỊ TRONG MẠNG					
5. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG					
6. CẤU HÌNH MẠNG			☐ Đơn công		
			☐ Song công/ Bán song công Khoảng cách thu/phát (MHz):		
7. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN DI ĐỘNG					
7.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất					
7.2. Các mức công suất phát (W)					
7.3. Ký hiệu phát xạ					
7.4. Dải tần thiết bị (MHz)					
7.5. Ăng-ten	Hệ số khuếch đại (dBi)				
	Độ cao sử dụng tối đa so với mặt đất (m)				
7.6. Thông tin sửa đổi, bổ sung (nếu có)		☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị	
8. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN CỐ ĐỊNH (nếu có)					
8.1. Tên Thiết bị /Hãng sản xuất					
8.2. Các mức công suất phát (W)					
8.3. Ký hiệu phát xạ					
8.4. Dải tần thiết bị (MHz)					
8.5. Địa điểm đặt		Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:			
		Tỉnh/thành phố:			
8.6. Tên/mã trạm (nếu có)					
8.7. Ăng-ten	a. Tên (nhãn hiệu)				
	b. Dải tần làm việc				
	c. Hệ số khuếch đại (dBi)				
	d. Độ cao so với mặt đất (m)				
	đ. Vị trí (tọa độ)	Kinh độ:.....E/ Vĩ độ:.....N			
8.8. Thông tin sửa đổi, bổ sung (nếu có)		☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị			
9. TẦN SỐ PHÁT/THU ĐỀ NGHỊ (nếu có)		Tần số phát (MHz):..... Tần số thu (MHz):.....			
10. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)					

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất.

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1 dùng để kê khai cho một mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều mạng. Lưu ý ghi rõ số thứ tự tờ khai, tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai tất cả các thông số trong Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1 khi đề nghị cấp.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1 khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG

Kê khai số giấy phép thiết lập mạng viễn thông, ngày cấp và thời hạn sử dụng của giấy phép nếu thuộc đối tượng phải có giấy phép viễn thông theo quy định về viễn thông.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai rõ sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho mục đích: Phục vụ sản xuất, kinh doanh, học tập, nghiên cứu, dự phòng,...

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. TỔNG SỐ THIẾT BỊ TRONG MẠNG

Kê khai tổng số thiết bị trong mạng

3. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Kê khai phạm vi hoạt động của mạng theo địa chỉ hành chính. Trường hợp phạm vi trong cả tỉnh/thành phố thì kê khai tên tỉnh/thành phố, hoặc hoạt động trong phạm vi phường/xã thì phải ghi địa chỉ phường/xã A, tỉnh/thành phố B. Trường hợp, hoạt động từ hai tỉnh trở lên thì phải liệt kê cụ thể từng tỉnh/thành phố.

6. CẤU HÌNH MẠNG

Đánh dấu “X” vào ô “Đơn công” nếu mạng hoạt động ở chế độ liên lạc thu/phát trên cùng một tần số hoặc “Song công/Bán song công” nếu mạng hoạt động ở chế độ liên lạc thu/phát trên hai tần số khác nhau và ghi khoảng cách thu phát tối thiểu, khoảng cách thu phát tối đa theo đơn vị MHz.

7. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN DI ĐỘNG

7.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

7.2. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

7.3. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 4K00F1E; 7K60FXE; 11K0F3E; ...

7.4. Kê khai dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

7.5. Kê khai hệ số khuếch đại theo thiết kế tính theo đơn vị dBi và độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m)

7.6. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc mục 7

- Đánh dấu “X” vào ô “Bổ sung” đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 7.

- Đánh dấu “X” vào ô “Huỷ bỏ” đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị.

- Đánh dấu “X” vào ô “Thay thế cho thiết bị” và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 7.

8. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN CỐ ĐỊNH (chỉ kê khai đối với mạng cố định)

8.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị/ Hãng sản xuất thiết bị.

8.2. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

8.3. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 4K00F1E; 7K60FXE; 11K0F3E; ...

8.4. Kê khai dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

8.5. Khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh).

8.6. Kê khai tên/mã trạm đề nghị sử dụng để thuận tiện cho công việc (lưu ý: khi mạng hoạt động sẽ phải sử dụng các hô hiệu đã được ghi trong giấy phép, trường hợp không kê khai thì hô hiệu sẽ do cơ quan cấp phép quy định).

8.7. Kê khai các thông tin của ăng-ten:

a. Kê khai tên, ký hiệu theo tài liệu kỹ thuật (VD: DB404, AD-22/C, ...). Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Loga-chu kỳ, Yagi, Dipole, ăng-ten khe nửa sóng, dãn chấn tử đồng pha, v.v...)

b. Dải tần làm việc là dải tần số mà trong giới hạn đó, ăng-ten làm việc được với các chỉ tiêu kỹ thuật đã cho.

c. Kê khai hệ số khuếch đại của ăng-ten theo thiết kế tính theo đơn vị dBi.

d. Độ cao (so với mặt đất) (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten), tính theo mét (m).

đ. Kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt ăng-ten.

8.8. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc mục 8.

- Đánh dấu “X” vào ô “Bổ sung” đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 8.

- Đánh dấu “X” vào ô “Huỷ bỏ” đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

- Đánh dấu “X” vào ô “Thay thế cho thiết bị” và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 8.

9. TẦN SỐ PHÁT/ THU ĐỀ NGHỊ

Kê khai tần số phát/ thu theo mong muốn được sử dụng tương ứng với cấu hình mạng tại mục 6 (không bắt buộc).

10. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin cần bổ sung chưa có trong bản khai nêu có.

18. Thủ tục gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất

Trình tự thực hiện	- Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Cục Tần số vô tuyến điện gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội; + Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;

	+ <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng.</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ Bản khai thông tin chung và bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- <i>07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.</i> - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1g1 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ;

	- Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:** 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Công dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504

Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ

chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Công dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Công dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu bản khai đề nghị gia hạn, Phụ lục II

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Số giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

(1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi

(2). Mẫu giấy phép: Là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...)

(3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).

(4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.

(5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...)

19. Thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất

Trình tự thực hiện	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Cục Tần số vô tuyến điện sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất hoặc từ chối sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội; + Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;

	+ <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung và Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1g1 quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép để ấn định tần số vô tuyến điện và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- <i>22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.</i> - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1g1 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đổi theo Mẫu 1g1 quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm;

thủ tục hành chính (nếu có)	- Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:** 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Công dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tồn số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tồn số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tồn số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504

Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ

chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Công dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Công dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1g1

Áp dụng đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH		Số		Ngày cấp	
		Thời hạn sử dụng	từ ngày	đến ngày	
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG					
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP (đối với cấp)					
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....					
4. TỔNG SỐ THIẾT BỊ TRONG MẠNG					
5. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG					
6. CẤU HÌNH MẠNG			☐ Đơn công		
			☐ Song công/ Bán song công Khoảng cách thu/phát (MHz):		
7. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN DI ĐỘNG					
7.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất					
7.2. Các mức công suất phát (W)					
7.3. Ký hiệu phát xạ					
7.4. Dải tần thiết bị (MHz)					
7.5. Ăng -ten	Hệ số khuếch đại (dBi)				
	Độ cao sử dụng tối đa so với mặt đất (m)				
7.6. Thông tin sửa đổi, bổ sung (nếu có)		☐ Bổ sung		☐ Bổ sung	
		☐ Hủy bỏ		☐ Hủy bỏ	
		☐ Thay thế cho thiết bị		☐ Thay thế cho thiết bị	
		☐ Thay thế cho thiết bị		☐ Thay thế cho thiết bị	
8. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN CỐ ĐỊNH (nếu có)					
8.1. Tên Thiết bị /Hãng sản xuất					
8.2. Các mức công suất phát (W)					
8.3. Ký hiệu phát xạ					
8.4. Dải tần thiết bị (MHz)					
8.5. Địa điểm đặt		Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:			
		Tỉnh/thành phố:			
8.6. Tên/mã trạm (nếu có)					
8.7. Ăng -ten	a. Tên (nhãn hiệu)				
	b. Dải tần làm việc				
	c. Hệ số khuếch đại (dBi)				
	d. Độ cao so với mặt đất (m)				
	đ. Vị trí (tọa độ)	Kinh độ:.....E/ Vĩ độ:.....N			
8.8. Thông tin sửa đổi, bổ sung (nếu có)		☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị			
9. TẦN SỐ PHÁT/THU ĐỀ NGHỊ (nếu có)		Tần số phát (MHz):..... Tần số thu (MHz):.....			
10. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)					

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất.

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1 dùng để kê khai cho một mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều mạng. Lưu ý ghi rõ số thứ tự tờ khai, tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai tất cả các thông số trong Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1 khi đề nghị cấp.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1 khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG

Kê khai số giấy phép thiết lập mạng viễn thông, ngày cấp và thời hạn sử dụng của giấy phép nếu thuộc đối tượng phải có giấy phép viễn thông theo quy định về viễn thông.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai rõ sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho mục đích: Phục vụ sản xuất, kinh doanh, học tập, nghiên cứu, dự phòng,...

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. TỔNG SỐ THIẾT BỊ TRONG MẠNG

Kê khai tổng số thiết bị trong mạng

4. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Kê khai phạm vi hoạt động của mạng theo địa chỉ hành chính. Trường hợp phạm vi trong cả tỉnh/thành phố thì kê khai tên tỉnh/thành phố, hoặc hoạt động trong phạm vi phường/xã thì phải ghi địa chỉ phường/xã A, tỉnh/thành phố B. Trường hợp, hoạt động từ hai tỉnh trở lên thì phải liệt kê cụ thể từng tỉnh/thành phố.

6. CẤU HÌNH MẠNG

Đánh dấu “X” vào ô “Đơn công” nếu mạng hoạt động ở chế độ liên lạc thu/phát trên cùng một tần số hoặc “Song công/Bán song công” nếu mạng hoạt động ở chế độ liên lạc thu/phát trên hai tần số khác nhau và ghi khoảng cách thu phát tối thiểu, khoảng cách thu phát tối đa theo đơn vị MHz.

7. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN DI ĐỘNG

7.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

7.2. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

7.3. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 4K00F1E; 7K60FXE; 11K0F3E; ...

7.4. Kê khai dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

7.5. Kê khai hệ số khuếch đại theo thiết kế tính theo đơn vị dBi và độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m)

7.6. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc mục 7

- Đánh dấu “X” vào ô “Bổ sung” đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 7.

- Đánh dấu “X” vào ô “Huỷ bỏ” đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị.

- Đánh dấu “X” vào ô “Thay thế cho thiết bị” và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 7.

8. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN CỐ ĐỊNH (chỉ kê khai đối với mạng cố định có thiết bị cố định)

8.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị/ Hãng sản xuất thiết bị.

8.2. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

8.3. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 4K00F1E; 7K60FXE; 11K0F3E; ...

8.4. Kê khai dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

8.5. Khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh).

8.6. Kê khai tên/mã trạm đề nghị sử dụng để thuận tiện cho công việc (lưu ý: khi mạng hoạt động sẽ phải sử dụng các hô hiệu đã được ghi trong giấy phép, trường hợp không kê khai thì hô hiệu sẽ do cơ quan cấp phép quy định).

8.7. Kê khai các thông tin của ăng-ten:

a. Kê khai tên, ký hiệu theo tài liệu kỹ thuật (VD: DB404, AD-22/C, ...). Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Loga-chu kỳ, Yagi, Dipole, ăng-ten khe nửa sóng, dãn chấn tử đồng pha, v.v...)

b. Dải tần làm việc là dải tần số mà trong giới hạn đó, ăng-ten làm việc được với các chỉ tiêu kỹ thuật đã cho.

c. Kê khai hệ số khuếch đại của ăng-ten theo thiết kế tính theo đơn vị dBi.

d. Độ cao (so với mặt đất) (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten), tính theo mét (m).

đ. Kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt ăng-ten.

8.8. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc mục 8.

- Đánh dấu “X” vào ô “Bổ sung” đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 8.

- Đánh dấu “X” vào ô “Huỷ bỏ” đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

- Đánh dấu “X” vào ô “Thay thế cho thiết bị” và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 8.

9. TẦN SỐ PHÁT/ THU ĐỀ NGHỊ

Kê khai tần số phát/ thu theo mong muốn được sử dụng tương ứng với cấu hình mạng tại mục 6 (không bắt buộc).

10. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin cần bổ sung chưa có trong bản khai nếu có.

20. Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển)

Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) theo quy định tại khoản 1, 2 và điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đối mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i>

	- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung và Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. - Bản sao hợp pháp hoặc bản sao điện tử hợp pháp Căn cước công dân hoặc Căn cước (đối với cá nhân là người Việt Nam đề nghị cấp giấy phép) hoặc Hộ chiếu còn thời hạn (đối với cá nhân là người nước ngoài đề nghị cấp giấy phép) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (đối với hộ kinh doanh đề nghị cấp giấy phép). Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ là Căn cước công dân, Căn cước, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Đối với căn cước công dân hoặc căn cước thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện việc khai thác các thông tin, giấy tờ này từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính. - Bản sao hợp pháp hoặc bản sao điện tử hợp pháp Quyết định thành lập hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc bản sao Giấy chứng nhận đầu tư (áp dụng đối với đài trái đất của tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh ngoài biển, công ty đa quốc gia, cơ quan Chính phủ, khu phát triển phần mềm và khu công nghệ cao khi sử dụng vệ tinh khu vực hoặc quốc tế), trừ trường hợp đã được cấp giấy phép viễn thông để thiết lập mạng cố định vệ tinh, di động vệ tinh; hoặc Bản sao hợp pháp hoặc bản sao điện tử hợp pháp văn bản do cơ quan có thẩm quyền cấp (áp dụng đối với đài trái đất của tổ chức, doanh nghiệp được phép tham gia hoạt động bảo đảm an toàn hàng không, an toàn hàng hải theo quy định của Tổ chức Hàng không quốc tế, Tổ chức Hàng hải quốc tế khi sử dụng vệ tinh khu vực hoặc quốc tế), trừ trường hợp đã được cấp giấy phép viễn thông để thiết lập mạng cố định vệ tinh, di động vệ tinh

	- Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép để ấn định tần số vô tuyến điện và cấp giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1m Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP)
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện;

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022.
--	---

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:** 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Cổng dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504

Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ

chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Công dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Công dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1m

Áp dụng đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển)

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn sử dụng	từ ngày:..... đến ngày:		
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	☐ Thiết lập mạng viễn thông công cộng ☐ Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng ☐ Thiết lập mạng truyền dẫn phát sóng PTTH ☐ Khác:.....			
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)				
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....				
4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN				
4.1. Hồ hiệu (tên/mã đài)				
4.2. Loại đài:		☐ Đài trái đất đặt trên tàu bay ☐ Đài trái đất di động ☐ Đài trái đất đặt trên tàu biển ☐ Đài trái đất cố định ☐ Khác:.....		
4.3. Loại thiết bị		☐ Cả phát và thu ☐ Chỉ phát ☐ Chỉ thu		
4.4. Tên thiết bị/Hãng sản xuất		 /		
4.5. Tần số phát đề nghị/dải tần phát (MHz)		 / từ đến (MHz)		
4.6. Tần số thu đề nghị/dải tần thu (MHz)		 / từ đến (MHz)		
4.7. Công suất phát (W)				
4.8. Ký hiệu phát xạ		Phát:..... / Thu:.....		
4.9. Địa điểm đặt thiết bị	Cố định	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
		Tỉnh/thành phố:		
	Di động	Tỉnh/thành phố/khu vực:.....		
5. ĂNG-TEN				
5.1. Tên (nhãn hiệu)/ Hãng sản xuất		5.2. Đường kính (m)		
5.3. Vị trí (tọa độ)		Kính độ:.....E/ Vĩ độ:.....N		
5.4. Độ rộng búp sóng (°)		Phát:..... / Thu:.....		
5.5. Hệ số khuếch đại (dBi)		Phát:..... / Thu:.....		
5.6. Góc phương vị lớn nhất / nhỏ nhất (°)		/		5.7. Góc ngẩng (°)
5.8. Độ cao so với mặt đất (m)				
5.9. Phân cực phát		Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải		
5.10. Phân cực thu		Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải		
5.11. Giảm đồ bức xạ phát		☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:		
5.12. Giảm đồ bức xạ thu		☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:		
6. VỊ TRÍ (TỌA ĐỘ) CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC (nếu có)		Kính độ:.....E/ Vĩ độ:.....N		

7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ (bổ sung các thông tin khác theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế - ITU khi có yêu cầu của Cơ quan quản lý)	
7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU (hoặc tên thương mại của vệ tinh)	
7.2. Vị trí quỹ đạo của vệ tinh (°)	
7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp	
7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát của đài trái đất	Công suất đỉnh cực đại (dBW) Công suất đỉnh cực tiểu (dBW).....
7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu của đài trái đất	Tỷ số C/N: Nhiệt độ tạp âm máy thu (⁰ K):
7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh	Phát:..... /Thu.....
8. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép đã được cấp đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên đài tàu).

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m được dùng để kê khai cho một loại thiết bị (kê khai tên thiết bị). Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi bổ sung, sửa đổi theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG

Kê khai số giấy phép thiết lập mạng viễn thông, ngày cấp và thời hạn sử dụng của giấy phép nếu thuộc đối tượng phải có giấy phép viễn thông theo quy định về viễn thông.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Đánh dấu “X” vào các mục đích tương ứng.

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

4.1. Kê khai tên/mã trạm mặt đất.

4.2. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng (đài trái đất đặt trên tàu bay/ đài trái đất di động/đài trái đất đặt trên mặt đất/đài trái đất đặt trên tàu biển/khác: ghi cụ thể)

4.3. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng (cả thu và phát, chỉ phát, chỉ thu)

4.4. Kê khai tên thiết bị hoặc ký hiệu (model) của thiết bị/ Hãng sản xuất thiết bị.

4.5. Kê khai tần số phát đề nghị và ghi dải tần phát của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

4.6. Kê khai tần số thu đề nghị và ghi dải tần thu của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

4.7. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

4.8. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

4.9. Địa điểm đặt thiết bị:

Đối với thiết bị đặt cố định: kê khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh).

Đối với thiết bị di động khi hoạt động: kê khai phạm vi di động của thiết bị theo địa chỉ hành chính. ví dụ: di động trên địa bàn tỉnh A hoặc huyện B tỉnh A, xã C huyện B tỉnh A, lưu động trên biển,...

5. ĂNG-TEN

5.1. Kê khai tên, ký hiệu ăng-ten theo tài liệu kỹ thuật. Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Parabol trụ, Parabol tròn xoay,...), khai tên hãng sản xuất ăng-ten.

5.2. Kê khai đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).

5.3. Kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt đối với trạm đặt cố định.

5.4. Khai độ rộng của búp sóng phát và độ rộng của búp sóng thu theo đơn vị độ ($^{\circ}$), ví dụ: độ rộng của búp sóng phát là 10 độ và độ rộng của búp sóng thu là 11 độ, ghi là: 10/11.

5.5. Khai hệ số khuếch đại phát và ghi hệ số khuếch đại thu của ăng-ten theo đơn vị dBi, ví dụ: 10 / 9.

5.6. Góc phương vị là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ. Khai góc phương vị lớn nhất và góc phương vị nhỏ nhất trong trường hợp ăng-ten quay, ví dụ: 15 / 10.

5.7. Khai góc giữa hướng của ăng-ten với phương thẳng đứng (phương vuông góc với trái đất).

5.8. Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).

5.9. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu “X” vào ô tương ứng “đứng” hoặc “ngang”; với phân cực tròn, đánh dấu “X” vào ô “trái” hoặc “phải”.

5.10. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu “X” vào ô tương ứng “đứng” hoặc “ngang”; với phân cực tròn, đánh dấu “X” vào ô “trái” hoặc “phải”.

5.11. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ phát của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC – 580...); đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

5.12. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ thu của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC – 580...); đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

6. VỊ TRÍ CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC

Khai vị trí tọa độ của trạm vệ tinh liên lạc (đối với trạm vệ tinh VSAT liên lạc 2 chiều – nếu có): khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ

7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU (hoặc tên thương mại): khai tên đăng ký của vệ tinh với ITU là tên của vệ tinh (satellite network) đã được đăng ký với ITU hoặc khai tên thương mại là tên của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. Ví dụ: vệ tinh ở vị trí 174°E của Intelsat có tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E và tên thương mại là IS802@174°E thì cách ghi một trong hai tên: INTELSAT8 174E hoặc IS802@174°E.

7.2. Vị trí quỹ đạo: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ, phút, giây

7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp: khai độ rộng băng thông (ví dụ: 8 MHz)

7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát: khai công suất đỉnh lớn nhất theo đơn vị dBW và công suất đỉnh nhỏ nhất theo đơn vị dBW.

7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu: khai tỷ số C/N (là tỷ số giữa công suất sóng mang và tạp âm) và khai nhiệt độ tạp âm máy thu (độ K), ghi nhiệt độ tạp âm (noise temperature) hoặc hệ số tạp âm (noise figure) của máy thu.

7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh: trước khi khai cần trao đổi với phía đối tác cung cấp dung lượng vệ tinh để ghi chính xác ký hiệu búp sóng phát và búp sóng thu vệ tinh (associated satellite receiving designation/associated satellite receiving designation). Ký hiệu này dài không quá 4 ký tự, được ghi trong hồ sơ đăng ký của vệ tinh với ITU. Lưu ý: búp sóng phát của vệ tinh là búp sóng phát của đài trái đất và ngược lại.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

21. Thủ tục gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển)

Trình tự thực hiện	- Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Cục Tần số vô tuyến điện gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) hoặc từ chối gia hạn giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i>

	- <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung và bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1m Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ;

	- Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện;
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. <i>- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022.

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:** 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Công dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504

Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ

chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Công dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Công dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Số giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

- (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi.
- (2). Mẫu giấy phép: là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...).
- (3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
- (4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.
- (5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...).

22. Thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển)

Trình tự thực hiện	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Cục Tần số vô tuyến điện sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) hoặc từ chối sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) hoặc từ chối sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i>

	+ <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng.</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung và bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép để ấn định tần số vô tuyến điện và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i> 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- <i>22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.</i> - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1m Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i>).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i>; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i>;

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện;
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022.

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:** 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Cổng dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tồn số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tồn số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tồn số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504

Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo

thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

- Mục 1.1. Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.
- Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.
- Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.
- Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.
- Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:
- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Công dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia.
- Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.
- Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:
- Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.
- + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.
 - + Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.
 - Trường hợp nộp hồ sơ qua Công dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1m

Áp dụng đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển)

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn sử dụng	từ ngày:..... đến ngày:		
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	☐ Thiết lập mạng viễn thông công cộng ☐ Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng ☐ Thiết lập mạng truyền dẫn phát sóng PTTH ☐ Khác:.....			
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)				
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....				
4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN				
4.1. Hô hiệu (tên/mã đài)				
4.2. Loại đài:		☐ Đài trái đất đặt trên tàu bay ☐ Đài trái đất di động ☐ Đài trái đất đặt trên tàu biển ☐ Đài trái đất cố định ☐ Khác:.....		
4.3. Loại thiết bị		☐ Cả phát và thu ☐ Chỉ phát ☐ Chỉ thu		
4.4. Tên thiết bị/Hãng sản xuất		 /		
4.5. Tần số phát đề nghị/dải tần phát (MHz)		 / từ đến (MHz)		
4.6. Tần số thu đề nghị/dải tần thu (MHz)		 / từ đến (MHz)		
4.7. Công suất phát (W)				
4.8. Ký hiệu phát xạ		Phát:..... / Thu:.....		
4.9. Địa điểm đặt thiết bị	Cố định	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
		Tỉnh/thành phố:		
	Di động	Tỉnh/thành phố/khu vực:.....		
5. ĂNG-TEN				
5.1. Tên (nhãn hiệu)/ Hãng sản xuất		5.2. Đường kính (m)		
5.3. Vị trí (tọa độ)		Kính độ:.....E/ Vĩ độ:.....N		
5.4. Độ rộng búp sóng (°)		Phát:..... / Thu:.....		
5.5. Hệ số khuếch đại (dBi)		Phát:..... / Thu:.....		
5.6. Góc phương vị lớn nhất / nhỏ nhất (°)		/		5.7. Góc ngẩng (°)
5.8. Độ cao so với mặt đất (m)				
5.9. Phân cực phát		Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải		
5.10. Phân cực thu		Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải		
5.11. Giảm đồ bức xạ phát		☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:		
5.12. Giảm đồ bức xạ thu		☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:		

6. VỊ TRÍ (TỌA ĐỘ) CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC (nếu có)	Kính độ:.....E/ Vĩ độ:.....N
7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ (bổ sung các thông tin khác theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế - ITU khi có yêu cầu của Cơ quan quản lý)	
7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU (hoặc tên thương mại của vệ tinh)	
7.2. Vị trí quỹ đạo của vệ tinh (°)	
7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp	
7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát của đài trái đất	Công suất đỉnh cực đại (dBW) Công suất đỉnh cực tiểu (dBW).....
7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu của đài trái đất	Tỷ số C/N: Nhiệt độ tạp âm máy thu (°K):
7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh	Phát:..... /Thu.....
8. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép đã được cấp đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu).

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m được dùng để kê khai cho một loại thiết bị (kê khai tên thiết bị). Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi bổ sung, sửa đổi theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG

Kê khai số giấy phép thiết lập mạng viễn thông, ngày cấp và thời hạn sử dụng của giấy phép nếu thuộc đối tượng phải có giấy phép viễn thông theo quy định về viễn thông.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Đánh dấu “X” vào các mục đích tương ứng.

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

4.1. Kê khai tên/mã trạm mặt đất.

4.2. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng (đài trái đất đặt trên tàu bay/ đài trái đất di động/đài trái đất đặt trên mặt đất/đài trái đất đặt trên tàu biển/khác: ghi cụ thể)

4.3. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng (cả thu và phát, chỉ phát, chỉ thu)

4.4. Kê khai tên thiết bị hoặc ký hiệu (model) của thiết bị/ Hãng sản xuất thiết bị.

4.5. Khai tần số phát đề nghị và ghi dải tần phát của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

4.6. Khai tần số thu đề nghị và ghi dải tần thu của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

4.7. Khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

4.8. Khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

4.9. Địa điểm đặt thiết bị:

Đối với thiết bị đặt cố định: khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh).

Đối với thiết bị di động khi hoạt động: khai phạm vi di động của thiết bị theo địa chỉ hành chính. ví dụ: di động trên địa bàn tỉnh A hoặc huyện B tỉnh A, xã C huyện B tỉnh A, lưu động trên biển,...

5. ĂNG-TEN

5.1. Khai tên, ký hiệu ăng-ten theo tài liệu kỹ thuật. Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Parabol trụ, Parabol tròn xoay,...), khai tên hãng sản xuất ăng-ten.

5.2. Khai đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).

5.3. Khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt đối với trạm đặt cố định.

5.4. Khai độ rộng của búp sóng phát và độ rộng của búp sóng thu theo đơn vị độ ($^{\circ}$), ví dụ: độ rộng của búp sóng phát là 10 độ và độ rộng của búp sóng thu là 11 độ, ghi là: 10/11.

5.5. Khai hệ số khuếch đại phát và ghi hệ số khuếch đại thu của ăng-ten theo đơn vị dBi, ví dụ: 10 / 9.

5.6. Góc phương vị là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ. Khai góc phương vị lớn nhất và góc phương vị nhỏ nhất trong trường hợp ăng-ten quay, ví dụ: 15 / 10.

5.7. Khai góc giữa hướng của ăng-ten với phương thẳng đứng (phương vuông góc với trái đất).

5.8. Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).

5.9. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu “X” vào ô tương ứng “đứng” hoặc “ngang”; với phân cực tròn, đánh dấu “X” vào ô “trái” hoặc “phải”.

5.10. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu “X” vào ô tương ứng “đứng” hoặc “ngang”; với phân cực tròn, đánh dấu “X” vào ô “trái” hoặc “phải”.

5.11. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ phát của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC – 580...); đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

5.12. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ thu của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC – 580...); đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

6. VỊ TRÍ CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC

Khai vị trí tọa độ của trạm vệ tinh liên lạc (đối với trạm vệ tinh VSAT liên lạc 2 chiều – nếu có): khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ

7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU (hoặc tên thương mại): khai tên đăng ký của vệ tinh với ITU là tên của vệ tinh (satellite network) đã được đăng ký với ITU hoặc khai tên thương mại là tên của vệ

tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. Ví dụ: vệ tinh ở vị trí 174°E của Intelsat có tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E và tên thương mại là IS802@174°E thì cách ghi một trong hai tên: INTELSAT8 174E hoặc IS802@174°E.

7.2. Vị trí quỹ đạo: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ, phút, giây

7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp: kê khai độ rộng băng thông (ví dụ: 8 MHz)

7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát: kê khai công suất đỉnh lớn nhất theo đơn vị dBW và công suất đỉnh nhỏ nhất theo đơn vị dBW.

7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu: kê khai tỷ số C/N (là tỷ số giữa công suất sóng mang và tạp âm) và kê khai nhiệt độ tạp âm máy thu (độ K), ghi nhiệt độ tạp âm (noise temperature) hoặc hệ số tạp âm (noise figure) của máy thu.

7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh: trước khi kê khai cần trao đổi với phía đối tác cung cấp dung lượng vệ tinh để ghi chính xác ký hiệu búp sóng phát và búp sóng thu vệ tinh (associated satellite receiving designation/associated satellite receiving designation). Ký hiệu này dài không quá 4 ký tự, được ghi trong hồ sơ đăng ký của vệ tinh với ITU. Lưu ý: búp sóng phát của vệ tinh là búp sóng phát của đài trái đất và ngược lại.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

23. Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m

Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m theo quy định tại khoản 1, 2 và điểm c, d, đ, e, g khoản 3 Điều 6 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i>

	+ <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng.</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - <i>Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;</i> - <i>Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1a Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;</i> - <i>Bản sao hợp pháp hoặc bản sao điện tử hợp pháp Căn cước công dân hoặc Căn cước (đối với cá nhân là người Việt Nam đề nghị cấp giấy phép) hoặc Hộ chiếu còn thời hạn (đối với cá nhân là người nước ngoài đề nghị cấp giấy phép) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (đối với hộ kinh doanh đề nghị cấp giấy phép). Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ là Căn cước công dân, Căn cước, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. Đối với căn cước công dân hoặc căn cước thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện việc khai thác các thông tin, giấy tờ này từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.</i> - <i>Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép để ấn định tần số vô tuyến điện và cấp giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i> 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- <i>22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.</i> - <i>03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.</i>

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 11 (đối với Đài bờ) và Mẫu 1a (đối với các thiết bị còn lại) tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i>)
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i>; -Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1a Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i>.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện; - Có giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật đối với tổ chức xin cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện để thiết lập mạng viễn thông, mạng truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15.

	- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.
--	---

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:** 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Công dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tồn số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tồn số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tồn số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504

Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo

thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuê của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

- Mục 1.1. Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.
- Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuê của tổ chức.
- Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.
- Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.
- Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:
- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Công dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia.
- Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.
- Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:
- Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.
- + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.
 - + Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.
 - Trường hợp nộp hồ sơ qua Công dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1a

Áp dụng đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn	từ ngày	đến ngày	
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG				
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)				
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác				
4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN				
4.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất				
4.2. Các mức công suất phát (W)				
4.3. Ký hiệu phát xạ				
4.4. Độ rộng kênh (nếu có)				
4.5. Dải tần thiết bị	Phát			
	Thu			
4.6. Tần số phát/thu đề nghị (nếu có)				
4.7. Độ nhạy máy thu (dBm) (nếu có)				
4.8. Tên/mã trạm đề nghị (nếu có)				
4.9. Đối tượng liên lạc (nếu có)				
4.10. Địa điểm đặt	☐ Di động ☐ Cố định: Kinh độ:..... E/ Vĩ độ :N			
	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:			
	Tỉnh/thành phố:			
4.11. Thiết bị trong mạng (đối với Đài bờ)	Số lượng thiết bị chính			
	Số lượng thiết bị dự phòng			
4.12. Thông tin sửa đổi, bổ sung	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị			
5. ĂNG-TEN				
5.1. Kiểu (Nhãn hiệu)		5.2. Dải tần làm việc		
5.3. Hệ số khuếch đại (dBi)		5.4. Phân cực		
5.5. Hướng tính	☐ ND	5.6. Độ cao so với mặt đất (m)		
	☐ D Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°):			
6. TỶ LỆ HAO (dB) (nếu có)				
7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)				

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m.

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép lần đầu hoặc không đủ điều kiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép. Đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a được dùng để kê khai cho 01 (một) loại thiết bị (kê khai tên thiết bị). Có thể dùng nhiều tờ bản khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị khác nhau. Các thiết bị cùng loại, có thông số giống nhau kê khai 01 (một) lần và ghi rõ số lượng thiết bị bên cạnh. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a khi bổ sung, sửa đổi theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG

Kê khai số giấy phép thiết lập mạng viễn thông, ngày cấp và thời hạn sử dụng của giấy phép nếu thuộc đối tượng phải có giấy phép viễn thông theo quy định về viễn thông.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai rõ sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho mục đích: Phục vụ sản xuất, kinh doanh, học tập, nghiên cứu, dự phòng,...

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

4.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

4.1 Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

4.2 Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

4.3 Kê khai độ rộng kênh tần số mà thiết bị có thể hoạt động (không bắt buộc).

4.4 Kê khai dải tần số phát, thu mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

4.5 Kê khai tần số phát/ thu theo mong muốn được sử dụng (không bắt buộc).

4.6 Kê khai độ nhạy máy thu đối với thiết bị thu hoặc thiết bị thu phát theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Không bắt buộc.

4.7 Kê khai tên/mã trạm do tổ chức, cá nhân tự đề nghị để thuận tiện trong công việc, hoặc đề nghị theo dãy hồ hiệu được Quốc tế phân chia cho Việt Nam sử dụng. Trường hợp không đề nghị tên/mã trạm sẽ do cơ quan cấp giấy phép quy định.

4.8 Kê khai tên/mã trạm của các đài vô tuyến điện có truyền thông tin vô tuyến điện với thiết bị vô tuyến điện/ đài vô tuyến điện đang đề nghị cấp phép.

4.9 Địa điểm đặt thiết bị:

- Đánh dấu “X” vào ô “Cố định” đối với thiết bị đặt cố định. Khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh) và kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

- Đánh dấu “X” vào ô “Di động” đối với thiết bị di động khi hoạt động. Kê khai phạm vi di động của thiết bị theo địa chỉ hành chính ví dụ di động trên địa bàn tỉnh A hoặc huyện B tỉnh A, xã C huyện B tỉnh A,...

4.11. Chỉ kê khai đối với đài bờ

- Số lượng thiết bị chính: kê khai số lượng thiết bị chính trong mạng

- Số lượng thiết bị dự phòng: kê khai số lượng thiết bị dự phòng trong mạng

4.12. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 4

- Đánh dấu “X” vào ô “Bổ sung” đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 4.

- Đánh dấu “X” vào ô “Huỷ bỏ” đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

- Đánh dấu “X” vào ô “Thay thế cho thiết bị” và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 4.

5. ĂNG-TEN

Kê khai tất cả các Mục từ 5.1 đến 5.6 đối với thiết bị vô tuyến điện có ăng-ten rời, không tích hợp trên thiết bị. Đối với ăng-ten tích hợp cùng thiết bị chỉ yêu cầu kê khai Mục 5.2 và 5.6 các mục khác không bắt buộc.

5.1 Kê khai tên, ký hiệu theo tài liệu kỹ thuật (VD: DB404, AD-22/C, ...). Trong trường hợp trên ăng - ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng - ten (ví dụ: Loga-chu kỳ, Yagi, Dipole, ăng-ten khe nửa sóng, dàn chấn tử đồng pha, v.v...)

5.2 Kê khai dải tần số mà trong giới hạn đó, ăng-ten làm việc được theo thiết kế.

5.3 Kê khai hệ số khuếch đại theo thiết kế tính theo đơn vị dBi.

5.4 Kê khai phân cực của ăng-ten theo thiết kế. Ví dụ: thẳng, đứng, ngang, tròn,...

5.5 Đánh dấu “X” vào các ô tương ứng: ND là ăng-ten với vô hướng, D là ăng-ten có hướng và kê khai là góc được tạo bởi đường tâm của bức sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ

5.6 Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).

6. TỔN HAO

Kê khai tổn hao của hệ thống tính theo đơn vị dB bao gồm tổn hao phi đơ (fider) của hệ thống ăng-ten, tổn hao của kết nối (connector). Mặc định là 0 dB nếu không kê khai.

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.

24. Thủ tục gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m

Trình tự thực hiện	- Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Cục Tần số vô tuyến điện gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m hoặc từ chối gia hạn giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i>

	- <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: Bản khai thông tin chung và bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i> 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- <i>07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.</i> - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 11 (đối với Đài bờ) và Mẫu 1a (đối với các thiết bị còn lại) tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i>
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;</i> - Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện;

	- Có giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật đối với tổ chức xin cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện để thiết lập mạng viễn thông, mạng truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:** 7.1 Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 7.2 Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Công dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504

Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ

chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Công dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Công dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Số giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

- (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi.
- (2). Mẫu giấy phép: là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...)
- (3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
- (4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.
- (5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...).

25. Thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m

Trình tự thực hiện	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Cục Tần số vô tuyến điện sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m hoặc từ chối sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m hoặc từ chối sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đối mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i>

	+ <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1a quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để ấn định tần số vô tuyến điện và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 11 (đối với Đài bờ) và Mẫu 1a (đối với các thiết bị còn lại) tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP)
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1a quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện; - Có giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật đối với tổ chức xin cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện để thiết lập mạng viễn thông, mạng truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:** 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Công dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tồn số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tồn số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tồn số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504

Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ

chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Công dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Công dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1a

Áp dụng đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn	từ ngày	đến ngày	
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG				
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)				
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác				
4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN				
4.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất				
4.2. Các mức công suất phát (W)				
4.3. Ký hiệu phát xạ				
4.4. Độ rộng kênh (nếu có)				
4.5. Dải tần thiết bị	Phát			
	Thu			
4.6. Tần số phát/thu đề nghị (nếu có)				
4.7. Độ nhạy máy thu (dBm) (nếu có)				
4.8. Tên/mã trạm đề nghị (nếu có)				
4.9. Đối tượng liên lạc (nếu có)				
4.10. Địa điểm đặt		☐ Di động ☐ Cố định: Kinh độ:..... E/ Vĩ độ :N		
		Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
		Tỉnh/thành phố:		
4.11. Thiết bị trong mạng (đối với Đài bờ)		Số lượng thiết bị chính		
		Số lượng thiết bị dự phòng		
4.12. Thông tin sửa đổi, bổ sung		☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị		
5. ĂNG-TEN				
5.1. Kiểu (Nhãn hiệu)		5.2. Dải tần làm việc		
5.3. Hệ số khuếch đại (dBi)		5.4. Phân cực		
5.5. Hướng tính	☐ ND ☐ D Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°):	5.6. Độ cao so với mặt đất (m)		
6. TỶ LỆ HAO (dB) (nếu có)				
7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)				

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m.

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép lần đầu hoặc không đủ điều kiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép. Đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a được dùng để kê khai cho 01 (một) loại thiết bị (kê khai tên thiết bị). Có thể dùng nhiều tờ bản khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị khác nhau. Các thiết bị cùng loại, có thông số giống nhau kê khai 01 (một) lần và ghi rõ số lượng thiết bị bên cạnh. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a khi bổ sung, sửa đổi theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG

Kê khai số giấy phép thiết lập mạng viễn thông, ngày cấp và thời hạn sử dụng của giấy phép nếu thuộc đối tượng phải có giấy phép viễn thông theo quy định về viễn thông.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai rõ sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho mục đích: Phục vụ sản xuất, kinh doanh, học tập, nghiên cứu, dự phòng,...

2 THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

3 THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

4.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

3.1 Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

3.2 Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

3.3 Kê khai độ rộng kênh tần số mà thiết bị có thể hoạt động (không bắt buộc).

3.4 Kê khai dải tần số phát, thu mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

3.5 Kê khai tần số phát/ thu theo mong muốn được sử dụng (không bắt buộc).

3.6 Kê khai độ nhạy máy thu đối với thiết bị thu hoặc thiết bị thu phát theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Không bắt buộc.

3.7 Kê khai tên/mã trạm do tổ chức, cá nhân tự đề nghị để thuận tiện trong công việc, hoặc đề nghị theo dãy hô hiệu được Quốc tế phân chia cho Việt Nam sử dụng. Trường hợp không đề nghị tên/mã trạm sẽ do cơ quan cấp giấy phép quy định.

3.8 Kê khai tên/mã trạm của các đài vô tuyến điện có truyền thông tin vô tuyến điện với thiết bị vô tuyến điện/ đài vô tuyến điện đang đề nghị cấp phép.

3.9 Địa điểm đặt thiết bị:

- Đánh dấu “X” vào ô “Cố định” đối với thiết bị đặt cố định. Khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh) và kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

- Đánh dấu “X” vào ô “Di động” đối với thiết bị di động khi hoạt động. Kê khai phạm vi di động của thiết bị theo địa chỉ hành chính ví dụ di động trên địa bàn tỉnh A hoặc huyện B tỉnh A, xã C huyện B tỉnh A,...

4.11. Chỉ kê khai đối với đài bờ

- Số lượng thiết bị chính: kê khai số lượng thiết bị chính trong mạng

- Số lượng thiết bị dự phòng: kê khai số lượng thiết bị dự phòng trong mạng

4.12. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 4

- Đánh dấu “X” vào ô “Bổ sung” đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 4.

- Đánh dấu “X” vào ô “Huỷ bỏ” đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

- Đánh dấu “X” vào ô “Thay thế cho thiết bị” và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 4.

4 ĂNG-TEN

Kê khai tất cả các Mục từ 5.1 đến 5.6 đối với thiết bị vô tuyến điện có ăng-ten rời, không tích hợp trên thiết bị. Đối với ăng-ten tích hợp cùng thiết bị chỉ yêu cầu kê khai Mục 5.2 và 5.6 các mục khác không bắt buộc.

4.1 Kê khai tên, ký hiệu theo tài liệu kỹ thuật (VD: DB404, AD-22/C, ...). Trong trường hợp trên ăng - ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng - ten (ví dụ: Loga-chu kỳ, Yagi, Dipole, ăng-ten khe nửa sóng, dàn chấn tử đồng pha, v.v...)

4.2 Kê khai dải tần số mà trong giới hạn đó, ăng-ten làm việc được theo thiết kế.

4.3 Kê khai hệ số khuếch đại theo thiết kế tính theo đơn vị dBi.

4.4 Kê khai phân cực của ăng-ten theo thiết kế. Ví dụ: thẳng, đứng, ngang, tròn,...

4.5 Đánh dấu “X” vào các ô tương ứng: ND là ăng-ten với vô hướng, D là ăng-ten có hướng và kê khai là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ

4.6 Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).

5 TỔN HAO

Kê khai tổn hao của hệ thống tính theo đơn vị dB bao gồm tổn hao phi đơ (fider) của hệ thống ăng-ten, tổn hao của kết nối (connector). Mặc định là 0 dB nếu không kê khai.

6 CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.

26. Thủ tục cấp Giấy phép sử dụng băng tần (áp dụng đối với cấp trực tiếp cho tổ chức không phải là doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh)

Trình tự thực hiện	- Tổ chức hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng băng tần theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, tổ chức phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định; + Trong thời hạn 44 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; (Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ: + Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đối mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội; + Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh; + Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng). - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai đề nghị cấp, cấp lại, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần theo Mẫu 2 quy định tại Phụ

	lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i>. - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép để ấn định tần số vô tuyến điện và cấp giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i>. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	44 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng băng tần (Mẫu 2 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i>).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Bản khai đề nghị cấp, cấp lại, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần theo Mẫu 2 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> .
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	a) Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; b) Có giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông đối với tổ chức đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện để thiết lập mạng viễn thông; c) Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện hoặc có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi đối với trường hợp đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều 11a Luật Tần số vô tuyến điện; d) Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ;

	đ) Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI, CẤP ĐỔI, GIA HẠN, SỬA ĐỔI,
 BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TẦN**

CHÚ Ý: 6.1 Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 6.2 Tổ chức chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện.

1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ			
1.1. Mã số thuế	Số		
	Địa chỉ trụ sở chính		
1.2. Giấy phép viễn thông theo quy định	Số	Ngày cấp	
	Thời hạn	Từ ngày:Đến ngày:	
1.3. Tài khoản	Số		
	Ngân hàng		
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	☐ Đồng ý ☐ Không đồng ý	
1.4. Địa chỉ liên lạc	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
	Tỉnh/thành phố:		
1.5. Số điện thoại/ Email			
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG			
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp, cấp lại, gia hạn)		☐ 15 năm ☐ Khác:.....	
4. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ		☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Cổng dịch vụ công quốc gia	
5. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)			
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép			
6. MỤC ĐÍCH BẢN KHAI		☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số ☐ Gia hạn cho giấy phép số ☐ Cấp đổi cho giấy phép số ☐ Cấp lại	
7. PHẠM VI PHỦ SÓNG			
8. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHUNG	8.1. Đoạn băng tần sử dụng		
	8.2. Công nghệ sử dụng		
	8.2.1. Tiêu chuẩn công nghệ		
	8.2.2. Các mức giới hạn phát xạ		
	8.3. Các tham số khác (nếu có)		

9. CẤU HÌNH MẠNG LƯỚI (nếu có)	
10. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	
11. TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 11.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 11.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 11.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng – ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan. 11.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI CẤP, CẤP LẠI, CẤP ĐỔI, GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TÀN (MẪU 2)

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Đối với cấp, cấp lại: phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Đối với cấp đổi: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại các Mục 1, 4, 6 trong bản khai. Tại Mục 6 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị cấp đổi.
- Đối với gia hạn: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại các Mục 1, 3, 4, 5, 6 trong bản khai. Tại Mục 6 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị gia hạn.
- Đối với sửa đổi, bổ sung: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại Mục 1 và chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép tại các mục khác của bản khai trừ Mục 3. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tàn số vô tuyến điện theo địa chỉ:

**Cục Tàn số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,
Số 115 đường Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội**

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tàn số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: Số 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504

Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 2: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp, gia hạn, cấp đổi, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp, gia hạn, cấp đổi, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần.

Mục 1. Viết bằng chữ in hoa tên hợp pháp của tổ chức cấp, gia hạn, cấp đổi, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức).

- Mục 1.1. Khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.
- Mục 1.2. Khai theo Giấy phép viễn thông tương ứng theo quy định của pháp luật về viễn thông. Trường hợp đang thực hiện thủ tục gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông tương ứng, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp văn bản chứng minh việc đã nộp hồ sơ gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông và bổ sung thông tin về Giấy phép viễn thông tương ứng được cấp để hoàn thiện bản khai.
- Mục 1.3. Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mà tổ chức mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.
- Mục 1.4. Khai địa chỉ liên lạc của tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức.
- Mục 1.5. Khai số điện thoại/email liên hệ tổ chức đề nghị cấp phép hoặc số điện thoại/email của cá nhân trực tiếp phụ trách về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép.
- Mục 2. Ghi rõ sử dụng băng tần cho mục đích gì, ví dụ: cung cấp dịch vụ thông tin di động toàn quốc, thử nghiệm công nghệ mới, ...
- Mục 3. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2033” (ghi theo ngày/tháng/năm).
- Mục 4. Tổ chức lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:
- Đánh dấu “X” vào ô “Trực tiếp” thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các mục trả kết quả theo quy định.
 - Đánh dấu “X” vào ô “Dịch vụ bưu chính” thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức kê khai tại mục 1.4.
 - Đánh dấu “X” vào ô “Cổng dịch vụ công quốc gia” thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.
- Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.
- Mục 5. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:
- Đánh dấu “X” vào ô 01 lần: nếu tổ chức đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Mục 6. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng đối với trường hợp cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi. Trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi ghi kèm số giấy phép cần gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi.
- Mục 7. Khai phạm vi phủ sóng đề nghị cấp phép: tên các địa phương (ví dụ: tỉnh/thành phố, xã/phường...) nằm trong vùng phủ sóng hoặc toàn quốc.
- Mục 8. Các thông số kỹ thuật chung:
- 8.1. Khai đoạn băng tần đề nghị cấp phép sử dụng.
 - 8.2. Khai các công nghệ sử dụng ứng với đoạn băng tần. Ví dụ: WCDMA, GSM.... (trường hợp sử dụng đồng thời nhiều loại công nghệ trên cùng một băng tần thì kê khai hết các công nghệ mà doanh nghiệp đang sử dụng).
 - 8.2.1. Khai tiêu chuẩn công nghệ sử dụng.
 - 8.2.2. Khai các mức giới hạn phát xạ (phát xạ giả, phát xạ trong băng, phát xạ ngoài băng...).
- Mục 9. Khai cấu hình mạng lưới.

Mục 10. Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính: ghi chức danh quyền hạn, ký
đóng dấu và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép
 - Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số của người có
 thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

27. Thủ tục gia hạn Giấy phép sử dụng băng tần (đối với tổ chức không phải là doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh)

Trình tự thực hiện	- Trước khi hết hạn ít nhất 60 ngày, tổ chức hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng băng tần theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện có văn bản thông báo cho tổ chức biết về hồ sơ không hợp lệ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, tổ chức phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định; + Chậm nhất 45 ngày trước ngày giấy phép sử dụng băng tần hết hạn, cơ quan cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện thông báo cho tổ chức đủ điều kiện xét gia hạn mức thu tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, lệ phí, phí sử dụng tần số vô tuyến điện phải nộp, trường hợp không đủ điều kiện xét gia hạn thì phải nêu rõ lý do; + Trước khi giấy phép hết hạn, tổ chức đã nộp đủ các khoản tiền quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 được gia hạn giấy phép sử dụng băng tần.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đối mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: Bản khai theo Mẫu 2 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết	- Chậm nhất 45 ngày trước ngày giấy phép sử dụng băng tần hết hạn, cơ quan cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện thông báo cho tổ chức đủ điều kiện xét gia hạn mức thu tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, lệ phí, phí sử dụng tần số vô tuyến điện phải nộp, trường hợp không đủ điều kiện xét gia hạn thì phải nêu rõ lý do; - Trước khi giấy phép hết hạn, tổ chức đã nộp đủ các khoản tiền theo quy định được gia hạn giấy phép sử dụng băng tần.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng băng tần (Mẫu 2 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i>).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Bản khai đề nghị cấp, cấp lại, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần theo Mẫu 2 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> .
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Giấy phép sử dụng băng tần còn thời hạn hiệu lực ít nhất 60 ngày
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>

	- Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.
--	---

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI, CẤP ĐỔI, GIA HẠN, SỬA ĐỔI,
 BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TẦN**

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện.

1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ			
1.1. Mã số thuế	Số		
	Địa chỉ trụ sở chính		
1.2. Giấy phép viễn thông theo quy định	Số	Ngày cấp	
	Thời hạn	Từ ngày:Đến ngày:	
1.3. Tài khoản	Số		
	Ngân hàng		
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	☐ Đồng ý ☐ Không đồng ý	
1.4. Địa chỉ liên lạc	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
	Tỉnh/thành phố:		
1.5. Số điện thoại/ Email			
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG			
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp, cấp lại, gia hạn)		☐ 15 năm Khác:.....	
4. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ		☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Cổng dịch vụ công quốc gia	
5. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)			
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép			
6. MỤC ĐÍCH BẢN KHAI		☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số ☐ Gia hạn cho giấy phép số ☐ Cấp đổi cho giấy phép số ☐ Cấp lại	
7. PHẠM VI PHỦ SÓNG			
8. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHUNG	8.1. Đoạn băng tần sử dụng		
	8.2. Công nghệ sử dụng		
	8.2.1. Tiêu chuẩn công nghệ		
	8.2.2. Các mức giới hạn phát xạ		
	8.3. Các tham số khác (nếu có)		

9. CẤU HÌNH MẠNG LƯỚI (nếu có)	
10. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	
11. TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 11.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 11.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 11.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng – ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan. 11.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI CẤP, CẤP LẠI, CẤP ĐỔI, GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TẦN (MẪU 2)

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Đối với cấp, cấp lại: phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nêu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Đối với cấp đổi: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại các Mục 1, 4, 6 trong bản khai. Tại Mục 6 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị cấp đổi.
- Đối với gia hạn: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại các Mục 1, 3, 4, 5, 6 trong bản khai. Tại Mục 6 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị gia hạn.
- Đối với sửa đổi, bổ sung: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại Mục 1 và chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép tại các mục khác của bản khai trừ Mục 3. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

**Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,
Số 115 đường Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội**

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: Số 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504

Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 2: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp, gia hạn, cấp đổi, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp, gia hạn, cấp đổi, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần.

Mục 1. Viết bằng chữ in hoa tên hợp pháp của tổ chức cấp, gia hạn, cấp đổi, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức).

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

- Mục 1.2. kê khai theo Giấy phép viễn thông tương ứng theo quy định của pháp luật về viễn thông. Trường hợp đang thực hiện thủ tục gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông tương ứng, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp văn bản chứng minh việc đã nộp hồ sơ gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông và bổ sung thông tin về Giấy phép viễn thông tương ứng được cấp để hoàn thiện bản khai.
- Mục 1.3. Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mà tổ chức mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.
- Mục 1.4. kê khai địa chỉ liên lạc của tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức.
- Mục 1.5. kê khai số điện thoại/email liên hệ tổ chức đề nghị cấp phép hoặc số điện thoại/email của cá nhân trực tiếp phụ trách về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép.
- Mục 2. Ghi rõ sử dụng băng tần cho mục đích gì, ví dụ: cung cấp dịch vụ thông tin di động toàn quốc, thử nghiệm công nghệ mới, ...
- Mục 3. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2033” (ghi theo ngày/tháng/năm).
- Mục 4. Tổ chức lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:
 - Đánh dấu “X” vào ô “Trực tiếp” thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các mục trả kết quả theo quy định.
 - Đánh dấu “X” vào ô “Dịch vụ bưu chính” thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức kê khai tại mục 1.4.
 - Đánh dấu “X” vào ô “Cổng dịch vụ công quốc gia” thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.
 Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.
- Mục 5. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
 Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:
 Đánh dấu “X” vào ô 01 lần: nếu tổ chức đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Mục 6. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng đối với trường hợp cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi. Trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi ghi kèm số giấy phép cần gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi.
- Mục 7. kê khai phạm vi phủ sóng đề nghị cấp phép: tên các địa phương (ví dụ: tỉnh/thành phố, xã/phường...) nằm trong vùng phủ sóng hoặc toàn quốc.
- Mục 8. Các thông số kỹ thuật chung:
 8.1. kê khai đoạn băng tần đề nghị cấp phép sử dụng.
 8.2. kê khai các công nghệ sử dụng ứng với đoạn băng tần. Ví dụ: WCDMA, GSM.... (trường hợp sử dụng đồng thời nhiều loại công nghệ trên cùng một băng tần thì kê khai hết các công nghệ mà doanh nghiệp đang sử dụng).
 8.2.1. kê khai tiêu chuẩn công nghệ sử dụng.
 8.2.2. kê khai các mức giới hạn phát xạ (phát xạ giả, phát xạ trong băng, phát xạ ngoài băng...).
- Mục 9. kê khai cấu hình mạng lưới.
- Mục 10. kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.
- Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính: ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép
 - Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

28. Thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng băng tần (đối với tổ chức không phải là doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh)

Trình tự thực hiện	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, tổ chức phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định; + Trong thời hạn 44 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện cấp giấy phép theo Mẫu 2 quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>

Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai theo Mẫu 2 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép đề án định tần số vô tuyến điện và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	44 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng băng tần (Mẫu 2 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Bản khai đề nghị cấp, cấp lại, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần theo Mẫu 2 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	a) Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; b) Có giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông đối với tổ chức đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện để thiết lập mạng viễn thông; c) Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện hoặc có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi đối với trường hợp đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều 11a Luật Tần số vô tuyến điện; d) Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ;

	đ) Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: **BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI, CẤP ĐỔI, GIA HẠN, SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TẦN**

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện.

1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ			
1.1. Mã số thuế	Số		
	Địa chỉ trụ sở chính		
1.2. Giấy phép viễn thông theo quy định	Số	Ngày cấp	
	Thời hạn	Từ ngày: Đến ngày:	
1.3. Tài khoản	Số		
	Ngân hàng		
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	☐ Đồng ý ☐ Không đồng ý	
1.4. Địa chỉ liên lạc	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
	Tỉnh/thành phố:		
1.5. Số điện thoại/ Email			
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG			
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp, cấp lại, gia hạn)		☐ 15 năm Khác:	
4. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ		☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Cổng dịch vụ công quốc gia	
5. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)			
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép			
6. MỤC ĐÍCH BẢN KHAI		☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số ☐ Gia hạn cho giấy phép số ☐ Cấp đổi cho giấy phép số ☐ Cấp lại	
7. PHẠM VI PHỦ SÓNG			
8. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHUNG	8.1. Đoạn băng tần sử dụng		
	8.2. Công nghệ sử dụng		
	8.2.1. Tiêu chuẩn công nghệ		
	8.2.2. Các mức giới hạn phát xạ		
	8.3. Các tham số khác (nếu có)		

9. CẤU HÌNH MẠNG LƯỚI (nếu có)	
10. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	
11. TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 11.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 11.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 11.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng – ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan. 11.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI CẤP, CẤP LẠI, CẤP ĐỔI, GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TẦN (MẪU 2)

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Đối với cấp, cấp lại: phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nêu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Đối với cấp đổi: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại các Mục 1, 4, 6 trong bản khai. Tại Mục 6 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị cấp đổi.
- Đối với gia hạn: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại các Mục 1, 3, 4, 5, 6 trong bản khai. Tại Mục 6 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị gia hạn.
- Đối với sửa đổi, bổ sung: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại Mục 1 và chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép tại các mục khác của bản khai trừ Mục 3. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

**Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,
Số 115 đường Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội**

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: Số 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504

Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 2: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp, gia hạn, cấp đổi, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp, gia hạn, cấp đổi, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần.

Mục 1. Viết bằng chữ in hoa tên hợp pháp của tổ chức cấp, gia hạn, cấp đổi, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức).

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

- Mục 1.2. kê khai theo Giấy phép viễn thông tương ứng theo quy định của pháp luật về viễn thông. Trường hợp đang thực hiện thủ tục gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông tương ứng, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp văn bản chứng minh việc đã nộp hồ sơ gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông và bổ sung thông tin về Giấy phép viễn thông tương ứng được cấp để hoàn thiện bản khai.
- Mục 1.3. Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mà tổ chức mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.
- Mục 1.4. kê khai địa chỉ liên lạc của tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức.
- Mục 1.5. kê khai số điện thoại/email liên hệ tổ chức đề nghị cấp phép hoặc số điện thoại/email của cá nhân trực tiếp phụ trách về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép.
- Mục 2. Ghi rõ sử dụng băng tần cho mục đích gì, ví dụ: cung cấp dịch vụ thông tin di động toàn quốc, thử nghiệm công nghệ mới, ...
- Mục 3. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2033” (ghi theo ngày/tháng/năm).
- Mục 4. Tổ chức lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:
 - Đánh dấu “X” vào ô “Trực tiếp” thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các mục trả kết quả theo quy định.
 - Đánh dấu “X” vào ô “Dịch vụ bưu chính” thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức kê khai tại mục 1.4.
 - Đánh dấu “X” vào ô “Cổng dịch vụ công quốc gia” thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.
 Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.
- Mục 5. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
 Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:
 Đánh dấu “X” vào ô 01 lần: nếu tổ chức đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Mục 6. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng đối với trường hợp cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi. Trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi ghi kèm số giấy phép cần gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi.
- Mục 7. kê khai phạm vi phủ sóng đề nghị cấp phép: tên các địa phương (ví dụ: tỉnh/thành phố, xã/phường...) nằm trong vùng phủ sóng hoặc toàn quốc.
- Mục 8. Các thông số kỹ thuật chung:
 8.1. kê khai đoạn băng tần đề nghị cấp phép sử dụng.
 8.2. kê khai các công nghệ sử dụng ứng với đoạn băng tần. Ví dụ: WCDMA, GSM.... (trường hợp sử dụng đồng thời nhiều loại công nghệ trên cùng một băng tần thì kê khai hết các công nghệ mà doanh nghiệp đang sử dụng).
 8.2.1. kê khai tiêu chuẩn công nghệ sử dụng.
 8.2.2. kê khai các mức giới hạn phát xạ (phát xạ giả, phát xạ trong băng, phát xạ ngoài băng...).
- Mục 9. kê khai cấu hình mạng lưới.
- Mục 10. kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.
- Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính: ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép
 - Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

29. Thủ tục cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Cục Tần số vô tuyến điện cấp)

Trình tự thực hiện	- Trường hợp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện (đối với: thiết bị phát thanh, truyền hình; tuyến truyền dẫn viba; mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất; đài trái đất – trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển; các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m; đài vô tuyến điện phải đăng ký với tổ chức hàng không dân dụng quốc tế thuộc nghiệp vụ di động hàng không sử dụng tần số ngoài băng tần từ 2850 kHz đến 22000 kHz và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không, bao gồm đài vô tuyến điện đặt tại các sân bay chuyên dùng) bị mất, bị hư hỏng, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện). - Sau khi hồ sơ được tiếp nhận, Cục Tần số vô tuyến điện cấp đổi giấy phép sử dụng tần số trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp từ chối cấp đổi giấy phép, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>

Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: Bản khai thông tin chung và bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện (theo mẫu tương ứng cho từng loại thiết bị vô tuyến điện tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15;

	- <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - <i>Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.</i>
--	---

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:** 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Công dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504

Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ

chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Công dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Công dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Số giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

(1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi.

(2). Mẫu giấy phép: là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...).

(3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).

(4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.

(5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...).

30. Thủ tục cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh.

Trình tự thực hiện	- Tổ chức hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị cấp giấy phép để lấy ý kiến của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an. + Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có ý kiến bằng văn bản. + Trong thời hạn 29 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an, Cục Tần số vô tuyến điện cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP hoặc từ chối cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép và nêu rõ lý do. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i>

	+ <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh theo Mẫu 3 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i> - Cam kết đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 21 Luật Tần số vô tuyến điện, phù hợp với đề án hoặc dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (áp dụng đối với trường hợp đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép). - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép để ấn định tần số vô tuyến điện và cấp giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i> 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- <i>44 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.</i> - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh (Mẫu 3a (đối với vệ tinh địa tĩnh), Mẫu 3b (đối với vệ tinh phi địa tĩnh) tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i>
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Bản khai đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh theo Mẫu 3 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i>

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Có năng lực về tài chính, kỹ thuật và nguồn nhân lực để quản lý, khai thác vệ tinh; - Có phương án sử dụng quỹ đạo vệ tinh hiệu quả, khả thi vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên về sử dụng tần số vô tuyến điện, quỹ đạo vệ tinh và khoảng không vũ trụ.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ			
1.1. Mã số thuế	Số		
	Địa chỉ trụ sở chính		
1.2. Giấy phép viễn thông theo quy định	Số		Ngày cấp
	Thời hạn sử dụng	từ ngày	đến ngày
1.3. Tài khoản	Số		
	Ngân hàng		
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	☐ Đồng ý ☐ Không đồng ý	
1.4. Địa chỉ liên lạc	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
	Tỉnh/thành phố:		
1.5. Số điện thoại/ Email			
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Công dịch vụ công quốc gia		
3. MỤC ĐÍCH BẢN KHAI	☐ Cấp ☐ Gia hạn cho giấy phép số ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ☐ Cấp đổi cho giấy phép số		
4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp, gia hạn)	☐ 15 năm ☐ Khác:.....		
5. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)			
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép			
6. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)			

7. TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:

- 7.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.
- 7.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.
- 7.3. Chấp hành quy định pháp luật về sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh và thiết bị vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện.
- 7.4. Chấp hành quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế liên quan tới sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh.
- 7.5. Nộp phí, lệ phí theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế liên quan tới sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh cho tần số/quỹ đạo vệ tinh sử dụng (nếu có).
- 7.6. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của tổ chức)

Họ và tên

PHỤ LỤC THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC QUỸ ĐẠO VỆ TINH

1. SỐ LIỆU VỆ TINH					
1.1. Tên vệ tinh (tên thương mại)					
1.2. Vị trí quỹ đạo (đối với vệ tinh địa tĩnh)					
1.3. Số mặt phẳng quỹ đạo (đối với vệ tinh phi địa tĩnh)					
1.4. Nhà sản xuất vệ tinh					
1.5. Khung vệ tinh					
1.6. Ngày phóng vệ tinh					
1.7. Tên tổ chức, doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh					
2. BẢNG TẦN					
Băng tần	Dải tần số ấn định theo từng bộ phát đáp (MHz)	Phân cực	Độ rộng băng thông bộ phát đáp (MHz)	Số lượng bộ phát đáp	Vùng phủ/vùng dịch vụ
S	Tx ₁ :				
	Rx ₁ :				
C	Tx ₁ :				
	Rx ₁ :				
X	Tx ₁ :				
	Rx ₁ :				
Ku	Tx ₁ :				
	Rx ₁ :				
Ka	Tx ₁ :				
	Rx ₁ :				
Khác	Tx ₁ :				
	Rx ₁ :				
Tổng số bộ phát đáp sử dụng					
3. THAM SỐ HOẠT ĐỘNG CỦA VỆ TINH					

Tham số hoạt động của vệ tinh (vùng phủ, phát xạ, giản đồ ăng-ten, . . .) tuân theo giới hạn được đăng ký với Liên minh Viễn thông quốc tế (ITU) tại hồ sơ vệ tinh của mục 4 của bản khai.				
4. HỒ SƠ VỆ TINH (Vệ tinh có thể được đăng ký với ITU với nhiều bộ hồ sơ)				
	Hồ sơ 1	Hồ sơ 2	Hồ sơ 3	
4.1. Hồ sơ vệ tinh với ITU (Tên mạng vệ tinh đăng ký với ITU)				
4.2. Số nhận dạng mạng vệ tinh				
4.3. Ngày đưa vệ tinh vào sử dụng				
4.4. Ngày xác định quyền ưu tiên				
4.5. Mã hồ sơ				
▪ API/A/				
▪ CR/C				
▪ RES49/				
▪ Part I-S				
▪ Part II-S				
▪ Part III-S				
4.6. Vệ tinh địa tĩnh				
▪ Vị trí quỹ đạo				
▪ Độ lệch trái				
▪ Độ lệch phải				
▪ Độ lệch nghiêng				
4.7. Vệ tinh phi địa tĩnh				
4.7.1. Số mặt phẳng quỹ đạo				
4.7.2. Vật thể tham chiếu				
4.7.3. Thông tin của mỗi mặt phẳng trong đó trái đất là vật thể tham chiếu				
Số thứ tự mặt phẳng quỹ đạo	Số vệ tinh trong mặt phẳng quỹ đạo này	Chu kỳ	Điểm cực viễn (km)	Điểm cực cận (km)
5. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)				

HƯỚNG DẪN

KÊ KHAI BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP ĐỔI, GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ QUỸ ĐẠO VỆ TINH (MẪU 3)

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Đối với cấp: phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai, các thông số kỹ thuật khai thác tại phụ lục (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Đối với cấp đổi: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại Mục 1, 2, 3 trong bản khai. Tại Mục 3 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị cấp đổi.
- Đối với gia hạn: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại Mục 1, 2, 3, 4, 5 trong bản khai. Tại Mục 3 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị gia hạn.
- Đối với sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại Mục 1. Tại Mục 3 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung. Các trường thông tin khác trong bản khai thông số kỹ thuật, khai thác tại phụ lục chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép, các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lữ, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857;

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/

0210.3840504 Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 3 Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết bằng chữ in hoa tên hợp pháp của tổ chức đề nghị cấp phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức).

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

- Mục 1.2. kê khai theo Giấy phép viễn thông tương ứng theo quy định của pháp luật về viễn thông. Trường hợp đang thực hiện thủ tục gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông tương ứng, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp văn bản chứng minh việc đã nộp hồ sơ gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông và bổ sung thông tin về giấy phép viễn thông tương ứng được cấp để hoàn thiện bản khai.
- Mục 1.3. Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mà tổ chức mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.
- Mục 1.4. kê khai địa chỉ liên lạc của tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức.
- Mục 1.5. kê khai số điện thoại/email liên hệ tổ chức đề nghị cấp phép hoặc số điện thoại/email của cá nhân trực tiếp phụ trách về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép.
- Mục 2. Tổ chức lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:
- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các mục trả kết quả theo quy định.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức kê khai tại mục 1.4.
 - Đánh dấu "X" vào ô “Cổng dịch vụ công quốc gia” thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.
- Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua dịch vụ bưu chính.
- Mục 3. Đánh dấu (X) vào ô tương ứng đối với trường hợp cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi. Trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi ghi kèm số giấy phép cần gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi.
- Mục 4. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2033” (ghi theo ngày/tháng/năm).
- Mục 5. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:
Đánh dấu “X” vào ô 01 lần: nếu tổ chức đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Mục 6. Ghi các thông tin khác ngoài các thông tin nêu trên nếu có.
- Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính: Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.
- dấu - Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Phụ lục Thông số kỹ thuật, khai thác quỹ đạo vệ tinh

1. SỐ LIỆU VỆ TINH

1.1. Tên vệ tinh (tên thương mại): là tên thương mại của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác, ví dụ: VINASAT-1.

1.2. kê khai đối với vệ tinh địa tĩnh: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ và theo hướng Đông/Tây.

1.3. kê khai đối với vệ tinh phi địa tĩnh: ghi rõ số lượng mặt phẳng quỹ đạo.

1.4. Nhà sản xuất vệ tinh: tên nhà sản xuất vệ tinh, ví dụ: Lockheed Martin.

1.5. Khung vệ tinh: là tên khung vệ tinh mà quả vệ tinh được sản xuất, ví dụ: khung A2100 của LOCKHEED MARTIN.

1.6. Ngày phóng vệ tinh: ngày đưa vệ tinh vào quỹ đạo, ghi ngày/tháng/năm.

1.7. Tên tổ chức, doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh: là tên tổ chức, doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh.

2. BẢNG TẦN

– Bảng tần: bảng tần sử dụng của vệ tinh, ví dụ: băng tần S, C, X, Ku, Ka hoặc băng tần khác thì ghi vào mục khác.

– Dải tần số ấn định (MHz): kê khai tần số đề nghị sử dụng từ tần số cao đến tần số thấp (đơn vị MHz), ví dụ: 3400-3700 (MHz), 6425-6725 (MHz).

– Phân cực: loại phân cực được vệ tinh sử dụng.

Tuyến tính	☐ Đứng	và/hoặc	☐ Ngang
Tròn	☐ Trái	và/hoặc	☐ Phải

– Số lượng bộ phát đáp: ghi rõ số lượng bộ phát đáp cho từng loại băng tần, ví dụ: dòng Ku, cột số lượng bộ phát đáp ghi 12, có nghĩa có 12 bộ băng tần Ku.

– Độ rộng băng thông của bộ phát đáp: độ rộng thực tế của các bộ phát đáp, ví dụ: 12 bộ phát đáp băng Ku có độ rộng 36MHz, 01 bộ phát đáp băng Ku có độ rộng băng tần 54MHz thì ghi tương ứng 36MHz với 12 bộ phát đáp và ghi 54MHz với 01 bộ phát đáp.

Băng tần	Dải tần số ấn định theo từng bộ phát đáp (MHz)	Phân cực	Độ rộng băng thông bộ phát đáp (MHz)	Số lượng bộ phát đáp	Vùng phủ
C	Tx ₁ : 3406-3442	Đứng	36	12	
	Rx ₁ : 6431-6467	Đứng	36		
	Tx ₂ : 3446-3482		36		
	Rx ₂ : 6471-6507		36		
			...		
	Tx ₁₂ : ...		36		
	Rx ₁₂ : ..		36		

– Vùng phủ/ vùng dịch vụ: bao gồm tên nước, khu vực tương ứng với vùng phủ của mỗi loại băng tần.

3. THAM SỐ HOẠT ĐỘNG CỦA VỆ TINH

Ghi mã hồ sơ của vệ tinh được ITU ấn định (ví dụ: mã hồ sơ của vệ tinh Intelsat8 174E là: AR11/A/864; AR11/C/2311).

4. HỒ SƠ VỆ TINH

4.1. Hồ sơ vệ tinh với ITU: là tên của vệ tinh (satellite network) đã được đăng ký với ITU. Lưu ý là tên này thường khác với tên thương mại mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. Ví dụ: vệ tinh ở vị trí 174°E của Intelsat có tên thương mại là IS802@174°E khác với tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E.

4.2. Số nhận dạng mạng vệ tinh: ghi số hiệu của mạng vệ tinh đã được ITU công nhận, ví dụ: VINASAT-4A2 giai đoạn CR/C có số nhận dạng 101520356.

4.3. Ngày đưa vệ tinh vào sử dụng: ghi theo ngày/tháng/năm.

4.4. Ngày xác định quyền ưu tiên (ghi theo ngày/tháng/năm): ghi ngày đăng ký bộ hồ sơ yêu cầu phối hợp gửi ITU và được ITU chấp thuận.

4.5. Mã hồ sơ đăng ký của vệ tinh: ghi mã hồ sơ của vệ tinh được ITU ấn định (ví dụ: mã hồ sơ của vệ tinh Intelsat8 174E là: AR11/A/864; AR11/C/2311)

4.6. kê khai đối với vệ tinh địa tĩnh:

- Vị trí quỹ đạo vệ tinh: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ và theo hướng Đông/Tây.
- Độ lệch trái (theo độ): độ lệch về bên trái so với vị trí quỹ đạo.
- Độ lệch phải (theo độ): độ lệch về bên phải so với vị trí quỹ đạo.
- Độ lệch nghiêng (theo độ).

4.7. kê khai đối với vệ tinh phi địa tĩnh.

4.7.1. Số mặt phẳng quỹ đạo: ghi rõ số lượng mặt phẳng quỹ đạo.

4.7.2. Vật thể tham chiếu: là trái đất, mặt trăng, mặt trời,

4.7.3. Thông tin của mỗi mặt phẳng trong đó trái đất là vật thể tham chiếu bao gồm các thông tin: số thứ tự mặt phẳng quỹ đạo, góc nghiêng, số lượng vệ tinh trong mặt phẳng quỹ đạo, chu kỳ, độ cao điểm cực viễn tính theo km, độ cao điểm cực cận tính theo km cho mỗi hồ sơ.

5. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Ghi các thông tin khác không có trong bản khai nếu có.

31. Thủ tục cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh

Trình tự thực hiện	- Trường hợp giấy phép bị mất, bị hư hỏng, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Cục Tần số vô tuyến điện cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh hoặc từ chối cấp đổi giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 8 của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; (Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ: + Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội; + Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh; + Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng). - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).

Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh theo Mẫu 3 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i> 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh (Mẫu 3a (đối với vệ tinh địa tĩnh), Mẫu 3b (đối với vệ tinh phi địa tĩnh) tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i>).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Bản khai đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh theo Mẫu 3 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Có năng lực về tài chính, kỹ thuật và nguồn nhân lực để quản lý, khai thác vệ tinh; - Có phương án sử dụng quỹ đạo vệ tinh hiệu quả, khả thi vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Thực hiện quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên về sử dụng tần số vô tuyến điện, quỹ đạo vệ tinh và khoảng không vũ trụ.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.
--	---

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP ĐỔI, GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ QUỸ ĐẠO VỆ TINH**

- CHÚ Ý:** 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện.

1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ			
1.1. Mã số thuế	Số		
	Địa chỉ trụ sở chính		
1.2. Giấy phép viễn thông theo quy định	Số	Ngày cấp	
	Thời hạn sử dụng	từ ngày	đến ngày
1.3. Tài khoản	Số		
	Ngân hàng		
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	☐ Đồng ý ☐ Không đồng ý	
1.4. Địa chỉ liên lạc	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
	Tỉnh/thành phố:		
1.5. Số điện thoại/ Email			
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Cổng dịch vụ công quốc gia		
3. MỤC ĐÍCH BẢN KHAI	☐ Cấp ☐ Gia hạn cho giấy phép số ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ☐ Cấp đổi cho giấy phép số		
4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp, gia hạn)	☐ 15 năm ☐ Khác:.....		
5. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)			
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép			
6. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)			

7. TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:

- 7.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.
- 7.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.
- 7.3. Chấp hành quy định pháp luật về sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh và thiết bị vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện.
- 7.4. Chấp hành quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế liên quan tới sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh.
- 7.5. Nộp phí, lệ phí theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế liên quan tới sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh cho tần số/quỹ đạo vệ tinh sử dụng (nếu có).
- 7.6. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của tổ chức)

Họ và tên

PHỤ LỤC THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC QUỸ ĐẠO VỆ TINH

1. SỐ LIỆU VỆ TINH					
1.1. Tên vệ tinh (tên thương mại)					
1.2. Vị trí quỹ đạo (đối với vệ tinh địa tĩnh)					
1.3. Số mặt phẳng quỹ đạo (đối với vệ tinh phi địa tĩnh)					
1.4. Nhà sản xuất vệ tinh					
1.5. Khung vệ tinh					
1.6. Ngày phóng vệ tinh					
1.7. Tên tổ chức, doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh					
2. BẢNG TẦN					
Băng tần	Dải tần số ấn định theo từng bộ phát đáp (MHz)	Phân cực	Độ rộng băng thông bộ phát đáp (MHz)	Số lượng bộ phát đáp	Vùng phủ/vùng dịch vụ
S	Tx ₁ :				
	Rx ₁ :				
C	Tx ₁ :				
	Rx ₁ :				
X	Tx ₁ :				
	Rx ₁ :				
Ku	Tx ₁ :				
	Rx ₁ :				
Ka	Tx ₁ :				
	Rx ₁ :				
Khác	Tx ₁ :				
	Rx ₁ :				
Tổng số bộ phát đáp sử dụng					
3. THAM SỐ HOẠT ĐỘNG CỦA VỆ TINH					

Tham số hoạt động của vệ tinh (vùng phủ, phát xạ, giản đồ ăng-ten, . . .) tuân theo giới hạn được đăng ký với Liên minh Viễn thông quốc tế (ITU) tại hồ sơ vệ tinh của mục 4 của bản khai.				
4. HỒ SƠ VỆ TINH (Vệ tinh có thể được đăng ký với ITU với nhiều bộ hồ sơ)				
	Hồ sơ 1	Hồ sơ 2	Hồ sơ 3	
4.1. Hồ sơ vệ tinh với ITU (Tên mạng vệ tinh đăng ký với ITU)				
4.2. Số nhận dạng mạng vệ tinh				
4.3. Ngày đưa vệ tinh vào sử dụng				
4.4. Ngày xác định quyền ưu tiên				
4.5. Mã hồ sơ				
▪ API/A/				
▪ CR/C				
▪ RES49/				
▪ Part I-S				
▪ Part II-S				
▪ Part III-S				
4.6. Vệ tinh địa tĩnh				
▪ Vị trí quỹ đạo				
▪ Độ lệch trái				
▪ Độ lệch phải				
▪ Độ lệch nghiêng				
4.7. Vệ tinh phi địa tĩnh				
4.7.1. Số mặt phẳng quỹ đạo				
4.7.2. Vật thể tham chiếu				
4.7.3. Thông tin của mỗi mặt phẳng trong đó trái đất là vật thể tham chiếu				
Số thứ tự mặt phẳng quỹ đạo	Số vệ tinh trong mặt phẳng quỹ đạo này	Chu kỳ	Điểm cực viễn (km)	Điểm cực cận (km)
5. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)				

HƯỚNG DẪN

KÊ KHAI BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP ĐỔI, GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ QUỸ ĐẠO VỆ TINH (MẪU 3)

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Đối với cấp: phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai, các thông số kỹ thuật khai thác tại phụ lục (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Đối với cấp đổi: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại Mục 1, 2, 3 trong bản khai. Tại Mục 3 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị cấp đổi.
- Đối với gia hạn: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại Mục 1, 2, 3, 4, 5 trong bản khai. Tại Mục 3 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị gia hạn.
- Đối với sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại Mục 1. Tại Mục 3 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung. Các trường thông tin khác trong bản khai thông số kỹ thuật, khai thác tại phụ lục chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép, các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,
115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội
 Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930
Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

- | | |
|---|---|
| Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.
Điện thoại: 024.35564919;
Fax: 024.35564913 | Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.
Điện thoại: 0225.3827857;
Fax: 0225.3827420 |
| Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.37404179;
Fax: 028.37404966 | Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.
Điện thoại: 0238.3833511;
Fax: 0238.3849518 |
| Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.
Điện thoại: 0236.3933545;
Fax: 0236.3933707 | Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 0258.3892567;
Fax: 0258.3824410. |
| Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.
Điện thoại: 0292.3832760;
Fax: 0292.3887087 | Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/
0210.3840504 Fax: 0210. 3840504. |

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

- Mẫu 3** Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh.
- Số:** Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.
- Mục 1.** Viết bằng chữ in hoa tên hợp pháp của tổ chức đề nghị cấp phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức).
- Mục 1.1.** Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

- Mục 1.2. kê khai theo Giấy phép viễn thông tương ứng theo quy định của pháp luật về viễn thông. Trường hợp đang thực hiện thủ tục gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông tương ứng, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp văn bản chứng minh việc đã nộp hồ sơ gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông và bổ sung thông tin về giấy phép viễn thông tương ứng được cấp để hoàn thiện bản khai.
- Mục 1.3. Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mà tổ chức mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.
- Mục 1.4. kê khai địa chỉ liên lạc của tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức.
- Mục 1.5. kê khai số điện thoại/email liên hệ tổ chức đề nghị cấp phép hoặc số điện thoại/email của cá nhân trực tiếp phụ trách về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép.
- Mục 2. Tổ chức lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:
- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các mục trả kết quả theo quy định.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức kê khai tại mục 1.4.
 - Đánh dấu "X" vào ô “Công dịch vụ công quốc gia” thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.
- Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua dịch vụ bưu chính.
- Mục 3. Đánh dấu (X) vào ô tương ứng đối với trường hợp cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi. Trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi ghi kèm số giấy phép cần gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi.
- Mục 4. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2033” (ghi theo ngày/tháng/năm).
- Mục 5. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:
- Đánh dấu “X” vào ô 01 lần: nếu tổ chức đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Mục 6. Ghi các thông tin khác ngoài các thông tin nêu trên nếu có.
- Ký tên, đóng dấu
- Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính: Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.
 - Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Phụ lục Thông số kỹ thuật, khai thác quỹ đạo vệ tinh

1. SỐ LIỆU VỆ TINH

1.1 . Tên vệ tinh (tên thương mại): là tên thương mại của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác, ví dụ: VINASAT-1.

1.2 Khai đối với vệ tinh địa tĩnh: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ và theo hướng Đông/Tây.

1.3 Khai đối với vệ tinh phi địa tĩnh: ghi rõ số lượng mặt phẳng quỹ đạo.

1.4 Nhà sản xuất vệ tinh: tên nhà sản xuất vệ tinh, ví dụ: Lockheed Martin.

1.5 Khung vệ tinh: là tên khung vệ tinh mà quả vệ tinh được sản xuất, ví dụ: khung A2100 của LOCKHEED MARTIN.

1.6 Ngày phóng vệ tinh: ngày đưa vệ tinh vào quỹ đạo, ghi ngày/tháng/năm.

1.7 Tên tổ chức, doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh: là tên tổ chức, doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh.

2. BẢNG TẦN

– Bảng tần: bảng tần sử dụng của vệ tinh, ví dụ: bảng tần S, C, X, Ku, Ka hoặc bảng tần khác thì ghi vào mục khác.

– Dải tần số ấn định (MHz): kê khai tần số đề nghị sử dụng từ tần số cao đến tần số thấp (đơn vị MHz), ví dụ: 3400-3700 (MHz), 6425-6725 (MHz).

– Phân cực: loại phân cực được vệ tinh sử dụng.

Tuyến tính	☐ Đứng	và/hoặc	☐ Ngang
Tròn	☐ Trái	và/hoặc	☐ Phải

– Số lượng bộ phát đáp: ghi rõ số lượng bộ phát đáp cho từng loại bảng tần, ví dụ: dòng Ku, cột số lượng bộ phát đáp ghi 12, có nghĩa có 12 bộ bảng tần Ku.

– Độ rộng băng thông của bộ phát đáp: độ rộng thực tế của các bộ phát đáp, ví dụ: 12 bộ phát đáp băng Ku có độ rộng 36MHz, 01 bộ phát đáp băng Ku có độ rộng băng tần 54MHz thì ghi tương ứng 36MHz với 12 bộ phát đáp và ghi 54MHz với 01 bộ phát đáp.

Bảng tần	Dải tần số ấn định theo từng bộ phát đáp (MHz)	Phân cực	Độ rộng băng thông bộ phát đáp (MHz)	Số lượng bộ phát đáp	Vùng phủ
C	Tx ₁ : 3406-3442	Đứng	36	12	
	Rx ₁ : 6431-6467	Đứng	36		
	Tx ₂ : 3446-3482		36		
	Rx ₂ : 6471-6507		36		
			...		
	Tx ₁₂ : ...		36		
	Rx ₁₂ : ..		36		

– Vùng phủ/ vùng dịch vụ: bao gồm tên nước, khu vực tương ứng với vùng phủ của mỗi loại bảng tần.

3. THAM SỐ HOẠT ĐỘNG CỦA VỆ TINH

Ghi mã hồ sơ của vệ tinh được ITU ấn định (ví dụ: mã hồ sơ của vệ tinh Intelsat8 174E là: AR11/A/864; AR11/C/2311).

4. HỒ SƠ VỆ TINH

4.1. Hồ sơ vệ tinh với ITU: là tên của vệ tinh (satellite network) đã được đăng ký với ITU. Lưu ý là tên này thường khác với tên thương mại mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. Ví dụ: vệ tinh ở vị trí 174°E của Intelsat có tên thương mại là IS802@174°E khác với tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E.

4.2 Số nhận dạng mạng vệ tinh: ghi số hiệu của mạng vệ tinh đã được ITU công nhận, ví dụ: VINASAT-4A2 giai đoạn CR/C có số nhận dạng 101520356.

4.3 Ngày đưa vệ tinh vào sử dụng: ghi theo ngày/tháng/năm.

4.4 Ngày xác định quyền ưu tiên (ghi theo ngày/tháng/năm): ghi ngày đăng ký bộ hồ sơ yêu cầu phối hợp gửi ITU và được ITU chấp thuận.

4.5 Mã hồ sơ đăng ký của vệ tinh: ghi mã hồ sơ của vệ tinh được ITU ấn định (ví dụ: mã hồ sơ của vệ tinh Intelsat8 174E là: AR11/A/864; AR11/C/2311)

4.6 kê khai đối với vệ tinh địa tĩnh:

- Vị trí quỹ đạo vệ tinh: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ và theo hướng Đông/Tây.

- Độ lệch trái (theo độ): độ lệch về bên trái so với vị trí quỹ đạo.

- Độ lệch phải (theo độ): độ lệch về bên phải so với vị trí quỹ đạo.

- Độ lệch nghiêng (theo độ).

4.7. Kê khai đối với vệ tinh phi địa tĩnh.

4.7.1. Số mặt phẳng quỹ đạo: ghi rõ số lượng mặt phẳng quỹ đạo.

4.7.2. Vật thể tham chiếu: là trái đất, mặt trăng, mặt trời,

4.7.3. Thông tin của mỗi mặt phẳng trong đó trái đất là vật thể tham chiếu bao gồm các thông tin: số thứ tự mặt phẳng quỹ đạo, góc nghiêng, số lượng vệ tinh trong mặt phẳng quỹ đạo, chu kỳ, độ cao điểm cực viễn tính theo km, độ cao điểm cực cận tính theo km cho mỗi hồ sơ.

5. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Ghi các thông tin khác không có trong bản khai nếu có.

32. Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh

Trình tự thực hiện	- Cơ quan đại diện nước ngoài hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh theo quy định tại khoản 1 Điều 13 và khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ hoặc có nội dung cần bổ sung, làm rõ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn cơ quan đại diện nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, đồng thời thông báo cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao hoặc Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Ngoại vụ được phân công quản lý để phối hợp; trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi thông báo, cơ quan đại diện nước ngoài phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định; + Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị cấp giấy phép để lấy ý kiến của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an; + Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có ý kiến bằng văn bản. + Trong trường hợp cần phải có thêm thời gian xem xét, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có văn bản thông báo gửi Cục Tần số vô tuyến điện, nhưng tổng thời hạn giải quyết không quá 14 ngày; + Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do, đồng thời thông báo kết quả cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao hoặc Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Ngoại vụ
--------------------	--

	được phân công quản lý và cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao hoặc Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Ngoại vụ được phân công quản lý. - Tài liệu chứng minh nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép (trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được

	<i>sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP để ấn định tần số vô tuyến điện và cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép).</i> - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép để ấn định tần số vô tuyến điện và cấp giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i> 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 21 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cơ quan đại diện nước ngoài có đoàn hoặc cơ quan chủ quản đón đoàn làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (theo Mẫu 1m tại Phụ lục III của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP).</i>
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ;

	- Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022.

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Công dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan. 4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

- | | |
|---|--|
| <p>Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.
Điện thoại: 024.35564919;
Fax: 024.35564913</p> <p>Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.37404179;
Fax: 028.37404966</p> <p>Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.
Điện thoại: 0236.3933545;
Fax: 0236.3933707</p> <p>Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.
Điện thoại: 0292.3832760;
Fax: 0292.3887087</p> | <p>Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.
Điện thoại: 0225.3827857/
Fax: 0225.3827420</p> <p>Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.
Điện thoại: 0238.3833511;
Fax: 0238.3849518</p> <p>Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 0258.3892567;
Fax: 0258.3824410.</p> <p>Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/
0210.3840504 Fax: 0210. 3840504.</p> |
|---|--|

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

- Bản khai thông tin chung** Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.
- Số:** Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.
- Mục 1.** Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.
Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.
Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.
- Mục 1.1.** Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.
- Mục 1.2.** Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.
- Mục 1.3.** Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan

quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1m

Áp dụng đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển)

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số
 Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn sử dụng	từ ngày:..... đến ngày:		
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	☐ Thiết lập mạng viễn thông công cộng ☐ Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng ☐ Thiết lập mạng truyền dẫn phát sóng PTTH ☐ Khác:.....			
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)				
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....				
4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN				
4.1. Hô hiệu (tên/mã đài)				
4.2. Loại đài:		☐ Đài trái đất đặt trên tàu bay ☐ Đài trái đất di động ☐ Đài trái đất đặt trên tàu biển ☐ Đài trái đất cố định ☐ Khác:.....		
4.3. Loại thiết bị		☐ Cả phát và thu ☐ Chỉ phát ☐ Chỉ thu		
4.4. Tên thiết bị/Hãng sản xuất		 /		
4.5. Tần số phát đề nghị/dải tần phát (MHz)		 / từ đến (MHz)		
4.6. Tần số thu đề nghị/dải tần thu (MHz)		 / từ đến (MHz)		
4.7. Công suất phát (W)				
4.8. Ký hiệu phát xạ		Phát:..... / Thu:.....		
4.9. Địa điểm đặt thiết bị	Cố định	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
	Di động	Tỉnh/thành phố: Tỉnh/thành phố/khu vực:.....		
5. ĂNG-TEN				
5.1. Tên (nhãn hiệu)/ Hãng sản xuất		5.2. Đường kính (m)		
5.3. Vị trí (tọa độ)		Kính độ:.....E/ Vĩ độ:.....N		
5.4. Độ rộng búp sóng (°)		Phát:..... / Thu:.....		
5.5. Hệ số khuếch đại (dBi)		Phát:..... / Thu:.....		
5.6. Góc phương vị lớn nhất / nhỏ nhất (°)		/		5.7. Góc ngẩng (°)
5.8. Độ cao so với mặt đất (m)				

5.9. Phân cực phát	Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải
5.10. Phân cực thu	Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải
5.11. Giảm đồ bức xạ phát	☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:
5.12. Giảm đồ bức xạ thu	☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:
6. VỊ TRÍ (TỌA ĐỘ) CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC (nếu có)	Kính độ:.....E/ Vĩ độ:.....N
7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ (bổ sung các thông tin khác theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế - ITU khi có yêu cầu của Cơ quan quản lý)	
7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU (hoặc tên thương mại của vệ tinh)	
7.2. Vị trí quỹ đạo của vệ tinh (°)	
7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp	
7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát của đài trái đất	Công suất đỉnh cực đại (dBW) Công suất đỉnh cực tiểu (dBW).....
7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu của đài trái đất	Tỷ số C/N: Nhiệt độ tạp âm máy thu (°K):
7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh	Phát:..... /Thu.....
8. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép đã được cấp đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên đài tàu).

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m được dùng để kê khai cho một loại thiết bị (kê khai tên thiết bị). Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi bổ sung, sửa đổi theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG

Kê khai số giấy phép thiết lập mạng viễn thông, ngày cấp và thời hạn sử dụng của giấy phép nếu thuộc đối tượng phải có giấy phép viễn thông theo quy định về viễn thông.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Đánh dấu “X” vào các mục đích tương ứng.

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

4.1. Kê khai tên/mã trạm mặt đất.

4.2. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng (đài trái đất đặt trên tàu bay/ đài trái đất di động/đài trái đất đặt trên mặt đất/đài trái đất đặt trên tàu biển/khác: ghi cụ thể)

4.3. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng (cả thu và phát, chỉ phát, chỉ thu)

4.4. Kê khai tên thiết bị hoặc ký hiệu (model) của thiết bị/ Hãng sản xuất thiết bị.

4.5. Kê khai tần số phát đề nghị và ghi dải tần phát của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

4.6. Kê khai tần số thu đề nghị và ghi dải tần thu của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

4.7. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

4.8. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

4.9. Địa điểm đặt thiết bị:

Đối với thiết bị đặt cố định: kê khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh).

Đối với thiết bị di động khi hoạt động: kê khai phạm vi di động của thiết bị theo địa chỉ hành chính. ví dụ: di động trên địa bàn tỉnh A hoặc huyện B tỉnh A, xã C huyện B tỉnh A, lưu động trên biển,...

5. ĂNG-TEN

5.1. Kê khai tên, ký hiệu ăng-ten theo tài liệu kỹ thuật. Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Parabol trụ, Parabol tròn xoay,...), khai tên hãng sản xuất ăng-ten.

5.2. Kê khai đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).

5.3. Kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt đối với trạm đặt cố định.

5.4. Khai độ rộng của sóng phát và độ rộng của sóng thu theo đơn vị độ ($^{\circ}$), ví dụ: độ rộng của sóng phát là 10 độ và độ rộng của sóng thu là 11 độ, ghi là: 10/11.

5.5. Khai hệ số khuếch đại phát và ghi hệ số khuếch đại thu của ăng-ten theo đơn vị dBi, ví dụ: 10 / 9.

5.6. Góc phương vị là góc được tạo bởi đường tâm của sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ. Khai góc phương vị lớn nhất và góc phương vị nhỏ nhất trong trường hợp ăng-ten quay, ví dụ: 15 / 10.

5.7. Khai góc giữa hướng của ăng-ten với phương thẳng đứng (phương vuông góc với trái đất).

5.8. Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).

5.9. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu “X” vào ô tương ứng “đứng” hoặc “ngang”; với phân cực tròn, đánh dấu “X” vào ô “trái” hoặc “phải”.

5.10. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu “X” vào ô tương ứng “đứng” hoặc “ngang”; với phân cực tròn, đánh dấu “X” vào ô “trái” hoặc “phải”.

5.11. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ phát của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC – 580...); đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

5.12. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ thu của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC – 580...); đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

6. VỊ TRÍ CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC

Khai vị trí tọa độ của trạm vệ tinh liên lạc (đối với trạm vệ tinh VSAT liên lạc 2 chiều – nếu có): khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ

7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU (hoặc tên thương mại): khai tên đăng ký của vệ tinh với ITU là tên của vệ tinh (satellite network) đã được đăng ký với ITU hoặc khai tên thương mại là tên của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. Ví dụ: vệ tinh ở vị trí 174°E của Intelsat có tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E và tên thương mại là IS802@174E thì cách ghi một trong hai tên: INTELSAT8 174E hoặc IS802@174E.

7.2. Vị trí quỹ đạo: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ, phút, giây

7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp: khai độ rộng băng thông (ví dụ: 8 MHz)

7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát: khai công suất đỉnh lớn nhất theo đơn vị dBW và công suất đỉnh nhỏ nhất theo đơn vị dBW.

7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu: khai tỷ số C/N (là tỷ số giữa công suất sóng mang và tạp âm) và khai nhiệt độ tạp âm máy thu (độ K), ghi nhiệt độ tạp âm (noise temperature) hoặc hệ số tạp âm (noise figure) của máy thu.

7.6. Ký hiệu sóng vệ tinh: trước khi khai cần trao đổi với phía đối tác cung cấp dung lượng vệ tinh để ghi chính xác ký hiệu sóng phát và sóng thu vệ tinh (associated satellite receiving designation/associated satellite receiving designation). Ký hiệu này dài không quá 4 ký tự, được ghi trong hồ sơ đăng ký của vệ tinh với ITU. Lưu ý: sóng phát của vệ tinh là sóng phát của đài trái đất và ngược lại.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

33. Thủ tục gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh

Trình tự thực hiện	- Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày, tổ chức hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh, Cơ quan đại diện nước ngoài làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ hoặc có nội dung cần bổ sung, làm rõ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn cơ quan đại diện nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, đồng thời thông báo cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao hoặc Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Ngoại vụ được phân công quản lý để phối hợp; trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi thông báo, cơ quan đại diện nước ngoài phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định; + Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị cấp giấy phép để lấy ý kiến của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an; + Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có ý kiến bằng văn bản. + Trong trường hợp cần phải có thêm thời gian xem xét, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có văn bản thông báo gửi Cục Tần số vô tuyến điện, nhưng tổng thời hạn giải quyết không quá 14 ngày; + Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do, đồng thời thông báo kết quả cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao hoặc Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Ngoại
---------------------------	--

	vụ được phân công quản lý và cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - <i>Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;</i> - <i>Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i> 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- <i>21 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.</i> - <i>03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.</i>

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cơ quan đại diện nước ngoài có đoàn hoặc cơ quan chủ quản đón đoàn làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (theo Mẫu 1m tại Phụ lục III của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

	- Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022.
--	---

Mẫu bản khai thông tin chung, Phụ lục II

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Cổng dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan. 4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

- | | |
|---|--|
| <p>Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.
Điện thoại: 024.35564919;
Fax: 024.35564913</p> <p>Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.37404179;
Fax: 028.37404966</p> <p>Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.
Điện thoại: 0236.3933545;
Fax: 0236.3933707</p> <p>Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.
Điện thoại: 0292.3832760;
Fax: 0292.3887087</p> | <p>Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.
Điện thoại: 0225.3827857/
Fax: 0225.3827420</p> <p>Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.
Điện thoại: 0238.3833511;
Fax: 0238.3849518</p> <p>Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 0258.3892567;
Fax: 0258.3824410.</p> <p>Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/
0210.3840504 Fax: 0210. 3840504.</p> |
|---|--|

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

- Bản khai thông tin chung** Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.
- Số:** Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.
- Mục 1.** Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuê của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.
Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.
Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.
- Mục 1.1.** Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.
- Mục 1.2.** Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuê của tổ chức.
- Mục 1.3.** Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan

quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Số giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

- (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi.
- (2). Mẫu giấy phép: là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...).
- (3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
- (4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.
- (5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...).

34. Thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh

Trình tự thực hiện	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh, Cơ quan đại diện nước ngoài có đoàn hoặc cơ quan chủ quản đón đoàn làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép theo quy định khoản 5 Điều 13 và khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện) - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ hoặc có nội dung cần bổ sung, làm rõ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn cơ quan đại diện nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, đồng thời thông báo cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao hoặc Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Ngoại vụ được phân công quản lý để phối hợp; trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi thông báo, cơ quan đại diện nước ngoài phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định; + Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị cấp giấy phép để lấy ý kiến của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an; + Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có ý kiến bằng văn bản. + Trong trường hợp cần phải có thêm thời gian xem xét, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có văn bản thông báo gửi Cục Tần số vô tuyến điện, nhưng tổng thời hạn giải quyết không quá 14 ngày; + Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do, đồng
--------------------	---

	thời thông báo kết quả cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao hoặc Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Ngoại vụ được phân công quản lý và cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đối mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - <i>Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;</i> - <i>Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i> - <i>Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép đề ấn định tần số vô tuyến điện và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i> 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết	- 21 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cơ quan đại diện nước ngoài có đoàn hoặc cơ quan chủ quản đón đoàn làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (theo Mẫu 1m tại Phụ lục III của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15.

	- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022.
--	---

Mẫu bản khai thông tin chung, Phụ lục II

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Công dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan. 4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

- | | |
|---|--|
| <p>Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.
Điện thoại: 024.35564919;
Fax: 024.35564913</p> <p>Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.37404179;
Fax: 028.37404966</p> <p>Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.
Điện thoại: 0236.3933545;
Fax: 0236.3933707</p> <p>Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.
Điện thoại: 0292.3832760;
Fax: 0292.3887087</p> | <p>Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.
Điện thoại: 0225.3827857/
Fax: 0225.3827420</p> <p>Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.
Điện thoại: 0238.3833511;
Fax: 0238.3849518</p> <p>Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 0258.3892567;
Fax: 0258.3824410.</p> <p>Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/
0210.3840504 Fax: 0210. 3840504.</p> |
|---|--|

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

- Bản khai thông tin chung** Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.
- Số:** Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.
- Mục 1.** Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuê của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.
Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.
Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.
- Mục 1.1.** Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.
- Mục 1.2.** Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuê của tổ chức.
- Mục 1.3.** Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan

quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1m

Áp dụng đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển)

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số
 Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn sử dụng	từ ngày:..... đến ngày:		
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	☐ Thiết lập mạng viễn thông công cộng ☐ Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng ☐ Thiết lập mạng truyền dẫn phát sóng PTTH ☐ Khác:.....			
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)				
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....				
4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN				
4.1. Hồ hiệu (tên/mã đài)				
4.2. Loại đài:		☐ Đài trái đất đặt trên tàu bay ☐ Đài trái đất di động ☐ Đài trái đất đặt trên tàu biển ☐ Đài trái đất cố định ☐ Khác:.....		
4.3. Loại thiết bị		☐ Cả phát và thu ☐ Chỉ phát ☐ Chỉ thu		
4.4. Tên thiết bị/Hãng sản xuất		 /		
4.5. Tần số phát đề nghị/dải tần phát (MHz)		 / từ đến (MHz)		
4.6. Tần số thu đề nghị/dải tần thu (MHz)		 / từ đến (MHz)		
4.7. Công suất phát (W)				
4.8. Ký hiệu phát xạ		Phát:..... / Thu:.....		
4.9. Địa điểm đặt thiết bị	Cố định	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
		Tỉnh/thành phố:		
	Di động	Tỉnh/thành phố/khu vực:.....		
5. ĂNG-TEN				
5.1. Tên (nhãn hiệu)/ Hãng sản xuất		5.2. Đường kính (m)		
5.2. Vị trí (tọa độ)		Kính độ:.....E/ Vĩ độ:.....N		
5.3. Độ rộng búp sóng (°)		Phát:..... / Thu:.....		
5.4. Hệ số khuếch đại (dBi)		Phát:..... / Thu:.....		
5.5. Góc phương vị lớn nhất / nhỏ nhất (°)		/		5.7. Góc ngả (°)
5.6. Độ cao so với mặt đất (m)				
5.7. Phân cực phát		Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải		

5.8. Phân cực thu	Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải
5.9. Giảm đồ bức xạ phát	☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:
5.10. Giảm đồ bức xạ thu	☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:
6. VỊ TRÍ (TỌA ĐỘ) CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC (nếu có)	Kính độ:.....E/ Vĩ độ:.....N
7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ (bổ sung các thông tin khác theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế - ITU khi có yêu cầu của Cơ quan quản lý)	
7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU (hoặc tên thương mại của vệ tinh)	
7.2. Vị trí quỹ đạo của vệ tinh (°)	
7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp	
7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát của đài trái đất	Công suất đỉnh cực đại (dBW) Công suất đỉnh cực tiểu (dBW).....
7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu của đài trái đất	Tỷ số C/N: Nhiệt độ tạp âm máy thu (⁰ K):
7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh	Phát:..... /Thu.....
8. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép đã được cấp đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên đài tàu).

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m được dùng để kê khai cho một loại thiết bị (kê khai tên thiết bị). Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi bổ sung, sửa đổi theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG

Kê khai số giấy phép thiết lập mạng viễn thông, ngày cấp và thời hạn sử dụng của giấy phép nếu thuộc đối tượng phải có giấy phép viễn thông theo quy định về viễn thông.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Đánh dấu “X” vào các mục đích tương ứng.

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

4.1. Kê khai tên/mã trạm mặt đất.

4.2. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng (đài trái đất đặt trên tàu bay/ đài trái đất di động/đài trái đất đặt trên mặt đất/đài trái đất đặt trên tàu biển/khác: ghi cụ thể)

4.3. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng (cả thu và phát, chỉ phát, chỉ thu)

4.4. Kê khai tên thiết bị hoặc ký hiệu (model) của thiết bị/ Hãng sản xuất thiết bị.

4.5. Kê khai tần số phát đề nghị và ghi dải tần phát của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

4.6. Kê khai tần số thu đề nghị và ghi dải tần thu của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

4.7. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

4.8. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

4.9. Địa điểm đặt thiết bị:

Đối với thiết bị đặt cố định: kê khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh).

Đối với thiết bị di động khi hoạt động: kê khai phạm vi di động của thiết bị theo địa chỉ hành chính. ví dụ: di động trên địa bàn tỉnh A hoặc huyện B tỉnh A, xã C huyện B tỉnh A, lưu động trên biển,...

5. ĂNG-TEN

5.1. Kê khai tên, ký hiệu ăng-ten theo tài liệu kỹ thuật. Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Parabol trụ, Parabol tròn xoay,...), khai tên hãng sản xuất ăng-ten.

5.2. Kê khai đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).

5.3. Kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt đối với trạm đặt cố định.

5.4. Khai độ rộng của búp sóng phát và độ rộng của búp sóng thu theo đơn vị độ ($^{\circ}$), ví dụ: độ rộng của búp sóng phát là 10 độ và độ rộng của búp sóng thu là 11 độ, ghi là: 10/11.

5.5. Khai hệ số khuếch đại phát và ghi hệ số khuếch đại thu của ăng-ten theo đơn vị dBi, ví dụ: 10/9.

5.6. Góc phương vị là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ. Khai góc phương vị lớn nhất và góc phương vị nhỏ nhất trong trường hợp ăng-ten quay, ví dụ: 15 / 10.

5.7. Khai góc giữa hướng của ăng-ten với phương thẳng đứng (phương vuông góc với trái đất).

5.8. Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).

5.9. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu “X” vào ô tương ứng “đứng” hoặc “ngang”; với phân cực tròn, đánh dấu “X” vào ô “trái” hoặc “phải”.

5.10. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu “X” vào ô tương ứng “đứng” hoặc “ngang”; với phân cực tròn, đánh dấu “X” vào ô “trái” hoặc “phải”.

5.11. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ phát của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC – 580...); đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

5.12. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ thu của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC – 580...); đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

6. VỊ TRÍ CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC

Khai vị trí tọa độ của trạm vệ tinh liên lạc (đối với trạm vệ tinh VSAT liên lạc 2 chiều – nếu có): khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ

7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU (hoặc tên thương mại): khai tên đăng ký của vệ tinh với ITU là tên của vệ tinh (satellite network) đã được đăng ký với ITU hoặc khai tên thương mại là tên của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. Ví dụ: vệ tinh ở vị trí 174°E của Intelsat có tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E và tên thương mại là IS802@174E thì cách ghi một trong hai tên: INTELSAT8 174E hoặc IS802@174E.

7.2. Vị trí quỹ đạo: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ, phút, giây

7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp: khai độ rộng băng thông (ví dụ: 8 MHz)

7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát: khai công suất đỉnh lớn nhất theo đơn vị dBW và công suất đỉnh nhỏ nhất theo đơn vị dBW.

7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu: khai tỷ số C/N (là tỷ số giữa công suất sóng mang và tạp âm) và khai nhiệt độ tạp âm máy thu (độ K), ghi nhiệt độ tạp âm (noise temperature) hoặc hệ số tạp âm (noise figure) của máy thu.

7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh: trước khi khai cần trao đổi với phía đối tác cung cấp dung lượng vệ tinh để ghi chính xác ký hiệu búp sóng phát và búp sóng thu vệ tinh (associated satellite receiving designation/associated satellite receiving designation). Ký hiệu này dài không quá 4 ký tự, được ghi trong hồ sơ đăng ký của vệ tinh với ITU. Lưu ý: búp sóng phát của vệ tinh là búp sóng phát của đài trái đất và ngược lại.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

35. Thủ tục cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh

Trình tự thực hiện	- Trường hợp hồ sơ bị mất, bị hư hỏng, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh theo quy định tại khoản 4 Điều 13 và khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Cục Tần số vô tuyến điện cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh hoặc từ chối cấp đổi giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 8 của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i>

	+ <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;</i> - Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i> 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cơ quan đại diện nước ngoài
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (theo Mẫu 1m tại Phụ lục III của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i>).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;</i> - Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm

	theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

Mẫu bản khai thông tin chung, Phụ lục II

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Cổng dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan. 4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

- | | |
|---|--|
| <p>Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.
Điện thoại: 024.35564919;
Fax: 024.35564913</p> <p>Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.37404179;
Fax: 028.37404966</p> <p>Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.
Điện thoại: 0236.3933545;
Fax: 0236.3933707</p> <p>Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.
Điện thoại: 0292.3832760;
Fax: 0292.3887087</p> | <p>Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.
Điện thoại: 0225.3827857/
Fax: 0225.3827420</p> <p>Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.
Điện thoại: 0238.3833511;
Fax: 0238.3849518</p> <p>Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 0258.3892567;
Fax: 0258.3824410.</p> <p>Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/
0210.3840504 Fax: 0210. 3840504.</p> |
|---|--|

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

- Bản khai thông tin chung** Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.
- Số:** Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.
- Mục 1.** Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.
Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.
Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.
- Mục 1.1.** Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.
- Mục 1.2.** Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.
- Mục 1.3.** Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan

quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

- (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi
- (2). Mẫu giấy phép: Là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...)
- (3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
- (4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.
- (5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...)

36. Thủ tục cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh

Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ hoặc có nội dung cần bổ sung, làm rõ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn đoàn khách nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, đồng thời thông báo cho cơ quan chủ trì đón, tiếp để phối hợp; trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi thông báo, đoàn khách nước ngoài phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định; + Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị cấp giấy phép của đoàn khách nước ngoài đến cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an; + Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; + Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do, đồng thời thông báo kết quả cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an và cơ quan chủ trì tiếp, đón. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của
--------------------	---

	nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Bản khai: - Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; b) Văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao (áp dụng đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài theo lời mời của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ); hoặc + Văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Văn phòng Quốc hội (áp dụng đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài theo lời mời của lãnh đạo Quốc hội); hoặc + Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản đón đoàn (áp dụng đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài khác). c) Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép để ấn định tần số vô tuyến điện và cấp giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.

	2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Đoàn khách nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài có đoàn hoặc cơ quan chủ quản đón đoàn làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (theo Mẫu 1m tại Phụ lục III của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) Mẫu 1m quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số

	vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022.
--	--

Mẫu bản khai thông tin chung, Phụ lục II

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Công dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan. 4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

- | | |
|---|--|
| <p>Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.
Điện thoại: 024.35564919;
Fax: 024.35564913</p> <p>Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.37404179;
Fax: 028.37404966</p> <p>Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.
Điện thoại: 0236.3933545;
Fax: 0236.3933707</p> <p>Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.
Điện thoại: 0292.3832760;
Fax: 0292.3887087</p> | <p>Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.
Điện thoại: 0225.3827857/
Fax: 0225.3827420</p> <p>Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.
Điện thoại: 0238.3833511;
Fax: 0238.3849518</p> <p>Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 0258.3892567;
Fax: 0258.3824410.</p> <p>Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/
0210.3840504 Fax: 0210. 3840504.</p> |
|---|--|

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

- Bản khai thông tin chung** Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.
- Số:** Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.
- Mục 1.** Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuê của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.
Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.
Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.
- Mục 1.1.** Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.
- Mục 1.2.** Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuê của tổ chức.
- Mục 1.3.** Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan

quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1m

Áp dụng đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển)

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số
 Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn sử dụng	từ ngày:..... đến ngày:		
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	☐ Thiết lập mạng viễn thông công cộng ☐ Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng ☐ Thiết lập mạng truyền dẫn phát sóng PTTH ☐ Khác:.....			
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)				
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....				
4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN				
4.1. Hồ hiệu (tên/mã đài)				
4.2. Loại đài:		☐ Đài trái đất đặt trên tàu bay ☐ Đài trái đất di động ☐ Đài trái đất đặt trên tàu biển ☐ Đài trái đất cố định ☐ Khác:.....		
4.3. Loại thiết bị		☐ Cả phát và thu ☐ Chỉ phát ☐ Chỉ thu		
4.4. Tên thiết bị/Hãng sản xuất		 /		
4.5. Tần số phát đề nghị/dải tần phát (MHz)		 / từ đến (MHz)		
4.6. Tần số thu đề nghị/dải tần thu (MHz)		 / từ đến (MHz)		
4.7. Công suất phát (W)				
4.8. Ký hiệu phát xạ		Phát:..... / Thu:.....		
4.9. Địa điểm đặt thiết bị	Cố định	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
		Tỉnh/thành phố:		
	Di động	Tỉnh/thành phố/khu vực:.....		
5. ĂNG-TEN				
5.1. Tên (nhãn hiệu)/ Hãng sản xuất		5.2. Đường kính (m)		
5.2. Vị trí (tọa độ)		Kính độ:.....E/ Vĩ độ:.....N		
5.3. Độ rộng búp sóng (°)		Phát:..... / Thu:.....		
5.4. Hệ số khuếch đại (dBi)		Phát:..... / Thu:.....		
5.5. Góc phương vị lớn nhất / nhỏ nhất (°)		/		5.7. Góc ngẩng (°)
5.6. Độ cao so với mặt đất (m)				
5.7. Phân cực phát		Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải		

5.8. Phân cực thu	Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải
5.19. Giảm đồ bức xạ phát	☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:
5.10. Giảm đồ bức xạ thu	☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:
6. VỊ TRÍ (TỌA ĐỘ) CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC (nếu có)	Kính độ:.....E/ Vĩ độ:.....N
7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ (bổ sung các thông tin khác theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế - ITU khi có yêu cầu của Cơ quan quản lý)	
7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU (hoặc tên thương mại của vệ tinh)	
7.2. Vị trí quỹ đạo của vệ tinh (°)	
7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp	
7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát của đài trái đất	Công suất đỉnh cực đại (dBW) Công suất đỉnh cực tiểu (dBW).....
7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu của đài trái đất	Tỷ số C/N: Nhiệt độ tạp âm máy thu (⁰ K):
7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh	Phát:..... /Thu.....
8. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép đã được cấp đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên đài tàu).

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m được dùng để kê khai cho một loại thiết bị (kê khai tên thiết bị). Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi bổ sung, sửa đổi theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG

Kê khai số giấy phép thiết lập mạng viễn thông, ngày cấp và thời hạn sử dụng của giấy phép nếu thuộc đối tượng phải có giấy phép viễn thông theo quy định về viễn thông.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Đánh dấu “X” vào các mục đích tương ứng.

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

4.1. Kê khai tên/mã trạm mặt đất.

4.2. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng (đài trái đất đặt trên tàu bay/ đài trái đất di động/đài trái đất đặt trên mặt đất/đài trái đất đặt trên tàu biển/khác: ghi cụ thể)

4.3. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng (cả thu và phát, chỉ phát, chỉ thu)

4.4. Kê khai tên thiết bị hoặc ký hiệu (model) của thiết bị/ Hãng sản xuất thiết bị.

4.5. Kê khai tần số phát đề nghị và ghi dải tần phát của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

4.6. Kê khai tần số thu đề nghị và ghi dải tần thu của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

4.7. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

4.8. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

4.9. Địa điểm đặt thiết bị:

Đối với thiết bị đặt cố định: kê khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh).

Đối với thiết bị di động khi hoạt động: kê khai phạm vi di động của thiết bị theo địa chỉ hành chính. ví dụ: di động trên địa bàn tỉnh A hoặc huyện B tỉnh A, xã C huyện B tỉnh A, lưu động trên biển,...

5. ĂNG-TEN

5.1. Kê khai tên, ký hiệu ăng-ten theo tài liệu kỹ thuật. Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Parabol trụ, Parabol tròn xoay,...), khai tên hãng sản xuất ăng-ten.

5.2. Kê khai đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).

5.3. Kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt đối với trạm đặt cố định.

5.4. Khai độ rộng của búp sóng phát và độ rộng của búp sóng thu theo đơn vị độ ($^{\circ}$), ví dụ: độ rộng của búp sóng phát là 10 độ và độ rộng của búp sóng thu là 11 độ, ghi là: 10/11.

5.5. Khai hệ số khuếch đại phát và ghi hệ số khuếch đại thu của ăng-ten theo đơn vị dBi, ví dụ: 10/9.

5.6. Góc phương vị là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ. Khai góc phương vị lớn nhất và góc phương vị nhỏ nhất trong trường hợp ăng-ten quay, ví dụ: 15 / 10.

5.7. Khai góc giữa hướng của ăng-ten với phương thẳng đứng (phương vuông góc với trái đất).

5.8. Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).

5.9. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu “X” vào ô tương ứng “đứng” hoặc “ngang”; với phân cực tròn, đánh dấu “X” vào ô “trái” hoặc “phải”.

5.10. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu “X” vào ô tương ứng “đứng” hoặc “ngang”; với phân cực tròn, đánh dấu “X” vào ô “trái” hoặc “phải”.

5.11. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ phát của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC – 580...); đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

5.12. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ thu của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC – 580...); đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

6. VỊ TRÍ CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC

Khai vị trí tọa độ của trạm vệ tinh liên lạc (đối với trạm vệ tinh VSAT liên lạc 2 chiều – nếu có): khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ

7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU (hoặc tên thương mại): khai tên đăng ký của vệ tinh với ITU là tên của vệ tinh (satellite network) đã được đăng ký với ITU hoặc khai tên thương mại là tên của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. Ví dụ: vệ tinh ở vị trí 174°E của Intelsat có tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E và tên thương mại là IS802@174E thì cách ghi một trong hai tên: INTELSAT8 174E hoặc IS802@174E.

7.2. Vị trí quỹ đạo: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ, phút, giây

7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp: khai độ rộng băng thông (ví dụ: 8 MHz)

7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát: khai công suất đỉnh lớn nhất theo đơn vị dBW và công suất đỉnh nhỏ nhất theo đơn vị dBW.

7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu: khai tỷ số C/N (là tỷ số giữa công suất sóng mang và tạp âm) và khai nhiệt độ tạp âm máy thu (độ K), ghi nhiệt độ tạp âm (noise temperature) hoặc hệ số tạp âm (noise figure) của máy thu.

7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh: trước khi khai cần trao đổi với phía đối tác cung cấp dung lượng vệ tinh để ghi chính xác ký hiệu búp sóng phát và búp sóng thu vệ tinh (associated satellite receiving designation/associated satellite receiving designation). Ký hiệu này dài không quá 4 ký tự, được ghi trong hồ sơ đăng ký của vệ tinh với ITU. Lưu ý: búp sóng phát của vệ tinh là búp sóng phát của đài trái đất và ngược lại.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

37. Thủ tục gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh

Trình tự thực hiện	- Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ hoặc có nội dung cần bổ sung, làm rõ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn đoàn khách nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, đồng thời thông báo cho cơ quan chủ trì đón, tiếp để phối hợp; trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi thông báo, đoàn khách nước ngoài phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định; + Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị cấp giấy phép của đoàn khách nước ngoài đến cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an; + Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; + Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do, đồng thời thông báo kết quả cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an và cơ quan chủ trì tiếp, đón. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày
--------------------	--

	của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - <i>Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;</i> - <i>Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i> 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- <i>07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.</i> - <i>03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.</i>
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Đoàn khách nước ngoài, Cơ quan đại diện nước ngoài có đoàn hoặc cơ quan chủ quản đón đoàn làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (theo Mẫu 1m tại Phụ lục III của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02

	năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022.
--	---

Mẫu bản khai thông tin chung, Phụ lục II

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:** 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Cổng dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan. 4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

- | | |
|---|--|
| <p>Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.
Điện thoại: 024.35564919;
Fax: 024.35564913</p> <p>Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.37404179;
Fax: 028.37404966</p> <p>Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.
Điện thoại: 0236.3933545;
Fax: 0236.3933707</p> <p>Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.
Điện thoại: 0292.3832760;
Fax: 0292.3887087</p> | <p>Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.
Điện thoại: 0225.3827857/
Fax: 0225.3827420</p> <p>Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.
Điện thoại: 0238.3833511;
Fax: 0238.3849518</p> <p>Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 0258.3892567;
Fax: 0258.3824410.</p> <p>Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/
0210.3840504 Fax: 0210. 3840504.</p> |
|---|--|

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

- Bản khai thông tin chung** Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.
- Số:** Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.
- Mục 1.** Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuê của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.
Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.
Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.
- Mục 1.1.** Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.
- Mục 1.2.** Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuê của tổ chức.
- Mục 1.3.** Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan

quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Số giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

- (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi.
- (2). Mẫu giấy phép: là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...).
- (3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
- (4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.
- (5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...).

38. Thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh

Trình tự thực hiện	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh theo quy định tại khoản 5 Điều 13 và khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ hoặc có nội dung cần bổ sung, làm rõ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn đoàn khách nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, đồng thời thông báo cho cơ quan chủ trì đón, tiếp để phối hợp; trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi thông báo, đoàn khách nước ngoài phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định; + Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị cấp giấy phép của đoàn khách nước ngoài đến cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an; + Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; + Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do, đồng thời thông báo kết quả cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an và cơ quan chủ trì tiếp, đón. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân,
--------------------	--

	Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đối mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - <i>Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP;</i> - <i>Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i> - <i>Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép để ấn định tần số vô tuyến điện và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i> 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- <i>07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.</i> - <i>03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá</i>

	100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Đoàn khách nước ngoài, Cơ quan đại diện nước ngoài có đoàn hoặc cơ quan chủ quản đón đoàn làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (theo Mẫu 1m tại Phụ lục III của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15.

	- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022.
--	---

Mẫu bản khai thông tin chung, Phụ lục II

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Công dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan. 4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

- | | |
|---|--|
| <p>Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.
Điện thoại: 024.35564919;
Fax: 024.35564913</p> <p>Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.37404179;
Fax: 028.37404966</p> <p>Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.
Điện thoại: 0236.3933545;
Fax: 0236.3933707</p> <p>Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.
Điện thoại: 0292.3832760;
Fax: 0292.3887087</p> | <p>Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.
Điện thoại: 0225.3827857/
Fax: 0225.3827420</p> <p>Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.
Điện thoại: 0238.3833511;
Fax: 0238.3849518</p> <p>Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 0258.3892567;
Fax: 0258.3824410.</p> <p>Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/
0210.3840504 Fax: 0210. 3840504.</p> |
|---|--|

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

- Bản khai thông tin chung** Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.
- Số:** Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.
- Mục 1.** Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuê của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.
Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.
Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.
- Mục 1.1.** Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.
- Mục 1.2.** Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuê của tổ chức.
- Mục 1.3.** Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan

quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1m

Áp dụng đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển)

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số
 Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn sử dụng	từ ngày:..... đến ngày:		
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	☐ Thiết lập mạng viễn thông công cộng ☐ Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng ☐ Thiết lập mạng truyền dẫn phát sóng PTTH ☐ Khác:.....			
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)				
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....				
4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN				
4.1. Hồ hiệu (tên/mã đài)				
4.2. Loại đài:		☐ Đài trái đất đặt trên tàu bay ☐ Đài trái đất di động ☐ Đài trái đất đặt trên tàu biển ☐ Đài trái đất cố định ☐ Khác:.....		
4.3. Loại thiết bị		☐ Cả phát và thu ☐ Chỉ phát ☐ Chỉ thu		
4.4. Tên thiết bị/Hãng sản xuất		 /		
4.5. Tần số phát đề nghị/dải tần phát (MHz)		 / từ đến (MHz)		
4.6. Tần số thu đề nghị/dải tần thu (MHz)		 / từ đến (MHz)		
4.7. Công suất phát (W)				
4.8. Ký hiệu phát xạ		Phát:..... / Thu:.....		
4.9. Địa điểm đặt thiết bị	Cố định	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
		Tỉnh/thành phố:		
	Di động	Tỉnh/thành phố/khu vực:.....		
5. ĂNG-TEN				
5.1. Tên (nhãn hiệu)/ Hãng sản xuất		5.2. Đường kính (m)		
5.2. Vị trí (tọa độ)		Kính độ:.....E/ Vĩ độ:.....N		
5.3. Độ rộng búp sóng (°)		Phát:..... / Thu:.....		
5.4. Hệ số khuếch đại (dBi)		Phát:..... / Thu:.....		
5.5. Góc phương vị lớn nhất / nhỏ nhất (°)		/		5.7. Góc ngả (°)
5.6. Độ cao so với mặt đất (m)				
5.7. Phân cực phát		Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải		

5.8. Phân cực thu	Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải
5.9. Giảm đồ bức xạ phát	☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:
5.10. Giảm đồ bức xạ thu	☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:
6. VỊ TRÍ (TỌA ĐỘ) CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC (nếu có)	Kính độ:.....E/ Vĩ độ:.....N
7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ (bổ sung các thông tin khác theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế - ITU khi có yêu cầu của Cơ quan quản lý)	
7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU (hoặc tên thương mại của vệ tinh)	
7.2. Vị trí quỹ đạo của vệ tinh (°)	
7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp	
7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát của đài trái đất	Công suất đỉnh cực đại (dBW) Công suất đỉnh cực tiểu (dBW).....
7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu của đài trái đất	Tỷ số C/N: Nhiệt độ tạp âm máy thu (⁰ K):
7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh	Phát:..... /Thu.....
8. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép đã được cấp đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên đài tàu).

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m được dùng để kê khai cho một loại thiết bị (kê khai tên thiết bị). Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi bổ sung, sửa đổi theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG

Kê khai số giấy phép thiết lập mạng viễn thông, ngày cấp và thời hạn sử dụng của giấy phép nếu thuộc đối tượng phải có giấy phép viễn thông theo quy định về viễn thông.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Đánh dấu “X” vào các mục đích tương ứng.

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

4.1. Kê khai tên/mã trạm mặt đất.

4.2. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng (đài trái đất đặt trên tàu bay/ đài trái đất di động/đài trái đất đặt trên mặt đất/đài trái đất đặt trên tàu biển/khác: ghi cụ thể)

4.3. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng (cả thu và phát, chỉ phát, chỉ thu)

4.4. Kê khai tên thiết bị hoặc ký hiệu (model) của thiết bị/ Hãng sản xuất thiết bị.

4.5. Kê khai tần số phát đề nghị và ghi dải tần phát của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

4.6. Kê khai tần số thu đề nghị và ghi dải tần thu của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

4.7. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

4.8. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

4.9. Địa điểm đặt thiết bị:

Đối với thiết bị đặt cố định: kê khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh).

Đối với thiết bị di động khi hoạt động: kê khai phạm vi di động của thiết bị theo địa chỉ hành chính. ví dụ: di động trên địa bàn tỉnh A hoặc huyện B tỉnh A, xã C huyện B tỉnh A, lưu động trên biển,...

5. ĂNG-TEN

5.1. Kê khai tên, ký hiệu ăng-ten theo tài liệu kỹ thuật. Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Parabol trụ, Parabol tròn xoay,...), khai tên hãng sản xuất ăng-ten.

5.2. Kê khai đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).

5.3. Kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt đối với trạm đặt cố định.

5.4. Khai độ rộng của búp sóng phát và độ rộng của búp sóng thu theo đơn vị độ ($^{\circ}$), ví dụ: độ rộng của búp sóng phát là 10 độ và độ rộng của búp sóng thu là 11 độ, ghi là: 10/11.

5.5. Khai hệ số khuếch đại phát và ghi hệ số khuếch đại thu của ăng-ten theo đơn vị dBi, ví dụ: 10/9.

5.6. Góc phương vị là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ. Khai góc phương vị lớn nhất và góc phương vị nhỏ nhất trong trường hợp ăng-ten quay, ví dụ: 15 / 10.

5.7. Khai góc giữa hướng của ăng-ten với phương thẳng đứng (phương vuông góc với trái đất).

5.8. Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).

5.9. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu “X” vào ô tương ứng “đứng” hoặc “ngang”; với phân cực tròn, đánh dấu “X” vào ô “trái” hoặc “phải”.

5.10. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu “X” vào ô tương ứng “đứng” hoặc “ngang”; với phân cực tròn, đánh dấu “X” vào ô “trái” hoặc “phải”.

5.11. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ phát của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC – 580...); đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

5.12. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ thu của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC – 580...); đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

6. VỊ TRÍ CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC

Khai vị trí tọa độ của trạm vệ tinh liên lạc (đối với trạm vệ tinh VSAT liên lạc 2 chiều – nếu có): khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ

7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU (hoặc tên thương mại): khai tên đăng ký của vệ tinh với ITU là tên của vệ tinh (satellite network) đã được đăng ký với ITU hoặc khai tên thương mại là tên của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. Ví dụ: vệ tinh ở vị trí 174°E của Intelsat có tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E và tên thương mại là IS802@174E thì cách ghi một trong hai tên: INTELSAT8 174E hoặc IS802@174E.

7.2. Vị trí quỹ đạo: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ, phút, giây

7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp: khai độ rộng băng thông (ví dụ: 8 MHz)

7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát: khai công suất đỉnh lớn nhất theo đơn vị dBW và công suất đỉnh nhỏ nhất theo đơn vị dBW.

7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu: khai tỷ số C/N (là tỷ số giữa công suất sóng mang và tạp âm) và khai nhiệt độ tạp âm máy thu (độ K), ghi nhiệt độ tạp âm (noise temperature) hoặc hệ số tạp âm (noise figure) của máy thu.

7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh: trước khi khai cần trao đổi với phía đối tác cung cấp dung lượng vệ tinh để ghi chính xác ký hiệu búp sóng phát và búp sóng thu vệ tinh (associated satellite receiving designation/associated satellite receiving designation). Ký hiệu này dài không quá 4 ký tự, được ghi trong hồ sơ đăng ký của vệ tinh với ITU. Lưu ý: búp sóng phát của vệ tinh là búp sóng phát của đài trái đất và ngược lại.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

39. Thủ tục cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh

Trình tự thực hiện	- Trường hợp hồ sơ bị mất, bị hư hỏng, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh theo quy định tại khoản 4 Điều 13 và khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi thông báo, đoàn khách nước ngoài phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định; + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Cục Tần số vô tuyến điện cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh hoặc từ chối cấp đổi giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 8 của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i>

	- Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; (Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ: + Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đối mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội; + Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh; + Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng). - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Đoàn khách nước ngoài, Cơ quan đại diện nước ngoài có đoàn hoặc cơ quan chủ quản đón đoàn làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (theo Mẫu 1m tại Phụ lục III của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP;

khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

Mẫu bản khai thông tin chung, Phụ lục II

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Cổng dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan. 4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

- | | |
|---|--|
| <p>Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.
Điện thoại: 024.35564919;
Fax: 024.35564913</p> <p>Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.37404179;
Fax: 028.37404966</p> <p>Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.
Điện thoại: 0236.3933545;
Fax: 0236.3933707</p> <p>Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.
Điện thoại: 0292.3832760;
Fax: 0292.3887087</p> | <p>Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.
Điện thoại: 0225.3827857/
Fax: 0225.3827420</p> <p>Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.
Điện thoại: 0238.3833511;
Fax: 0238.3849518</p> <p>Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 0258.3892567;
Fax: 0258.3824410.</p> <p>Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/
0210.3840504 Fax: 0210. 3840504.</p> |
|---|--|

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

- Bản khai thông tin chung** Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.
- Số:** Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.
- Mục 1.** Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuê của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.
Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.
Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.
- Mục 1.1.** Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.
- Mục 1.2.** Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuê của tổ chức.
- Mục 1.3.** Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan

quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Số giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

- (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi.
- (2). Mẫu giấy phép: là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...).
- (3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
- (4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.
- (5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...).

40. Thủ tục cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh

Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ hoặc có nội dung cần bổ sung, làm rõ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn khách nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, đồng thời thông báo cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao để phối hợp; - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi thông báo, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn khách nước ngoài phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định; - Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị cấp giấy phép của phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn khách nước ngoài đến cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an; - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có ý kiến bằng văn bản gửi Cục Tần số vô tuyến điện; - Trong trường hợp cần phải có thêm thời gian xem xét, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có văn bản thông báo gửi Cục Tần số vô tuyến điện, nhưng tổng thời hạn xử lý không quá 14 ngày; - Trong trường hợp cần phải có thêm thời gian xem xét, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có văn bản thông báo gửi Cục Tần số vô tuyến điện, nhưng tổng thời hạn xử lý không quá 14 ngày; - Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài
---------------------------	--

	hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao. - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép để ấn định tần số vô tuyến điện và cấp giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ Đoàn khách nước ngoài, cơ quan chủ quản đón đoàn làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (theo Mẫu 1m tại Phụ lục III của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) Mẫu 1m quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC

	ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022.
--	--

Mẫu bản khai thông tin chung, Phụ lục II

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Công dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan. 4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

- | | |
|---|--|
| <p>Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.
Điện thoại: 024.35564919;
Fax: 024.35564913</p> <p>Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.37404179;
Fax: 028.37404966</p> <p>Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.
Điện thoại: 0236.3933545;
Fax: 0236.3933707</p> <p>Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.
Điện thoại: 0292.3832760;
Fax: 0292.3887087</p> | <p>Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.
Điện thoại: 0225.3827857/
Fax: 0225.3827420</p> <p>Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.
Điện thoại: 0238.3833511;
Fax: 0238.3849518</p> <p>Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 0258.3892567;
Fax: 0258.3824410.</p> <p>Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/
0210.3840504 Fax: 0210. 3840504.</p> |
|---|--|

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

- Bản khai thông tin chung** Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.
- Số:** Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.
- Mục 1.** Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuê của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.
Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.
Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.
- Mục 1.1.** Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.
- Mục 1.2.** Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuê của tổ chức.
- Mục 1.3.** Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan

quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1m

Áp dụng đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển)

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn sử dụng	từ ngày:..... đến ngày:		
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	☐ Thiết lập mạng viễn thông công cộng ☐ Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng ☐ Thiết lập mạng truyền dẫn phát sóng PTTH ☐ Khác:.....			
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)				
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....				
4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN				
4.1. Hô hiệu (tên/mã đài)				
4.2. Loại đài:		☐ Đài trái đất đặt trên tàu bay ☐ Đài trái đất di động ☐ Đài trái đất đặt trên tàu biển ☐ Đài trái đất cố định ☐ Khác:.....		
4.3. Loại thiết bị		☐ Cả phát và thu ☐ Chỉ phát ☐ Chỉ thu		
4.4. Tên thiết bị/Hãng sản xuất		 /		
4.5. Tần số phát đề nghị/dải tần phát (MHz)		 / từ đến (MHz)		
4.6. Tần số thu đề nghị/dải tần thu (MHz)		 / từ đến (MHz)		
4.7. Công suất phát (W)				
4.8. Ký hiệu phát xạ		Phát:..... / Thu:.....		
4.9. Địa điểm đặt thiết bị	Cố định	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
	Di động	Tỉnh/thành phố: Tỉnh/thành phố/khu vực:.....		
5. ĂNG-TEN				
5.1. Tên (nhãn hiệu)/ Hãng sản xuất		5.2. Đường kính (m)		
5.2. Vị trí (tọa độ)		Kính độ:.....E/ Vĩ độ:.....N		
5.3. Độ rộng búp sóng (°)		Phát:..... / Thu:.....		
5.4. Hệ số khuếch đại (dBi)		Phát:..... / Thu:.....		
5.5. Góc phương vị lớn nhất / nhỏ nhất (°)		/		5.7. Góc ngẩng (°)
5.6. Độ cao so với mặt đất (m)				

5.7. Phân cực phát	Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải
5.18. Phân cực thu	Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải
5.9. Giảm đồ bức xạ phát	☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:
5.10. Giảm đồ bức xạ thu	☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:
6. VỊ TRÍ (TỌA ĐỘ) CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC (nếu có)	Kính độ:.....E/ Vĩ độ:.....N
7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ (bổ sung các thông tin khác theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế - ITU khi có yêu cầu của Cơ quan quản lý)	
7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU (hoặc tên thương mại của vệ tinh)	
7.2. Vị trí quỹ đạo của vệ tinh (°)	
7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp	
7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát của đài trái đất	Công suất đỉnh cực đại (dBW) Công suất đỉnh cực tiểu (dBW).....
7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu của đài trái đất	Tỷ số C/N: Nhiệt độ tạp âm máy thu (°K):
7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh	Phát:..... /Thu.....
8. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép đã được cấp đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên đài tàu).

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m được dùng để kê khai cho một loại thiết bị (kê khai tên thiết bị). Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi bổ sung, sửa đổi theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG

Kê khai số giấy phép thiết lập mạng viễn thông, ngày cấp và thời hạn sử dụng của giấy phép nếu thuộc đối tượng phải có giấy phép viễn thông theo quy định về viễn thông.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Đánh dấu “X” vào các mục đích tương ứng.

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

4.1. Kê khai tên/mã trạm mặt đất.

4.2. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng (đài trái đất đặt trên tàu bay/ đài trái đất di động/đài trái đất đặt trên mặt đất/đài trái đất đặt trên tàu biển/khác: ghi cụ thể)

4.3. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng (cả thu và phát, chỉ phát, chỉ thu)

4.4. Kê khai tên thiết bị hoặc ký hiệu (model) của thiết bị/ Hãng sản xuất thiết bị.

4.5. Kê khai tần số phát đề nghị và ghi dải tần phát của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

4.6. Kê khai tần số thu đề nghị và ghi dải tần thu của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

4.7. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

4.8. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

4.9. Địa điểm đặt thiết bị:

Đối với thiết bị đặt cố định: kê khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh).

Đối với thiết bị di động khi hoạt động: kê khai phạm vi di động của thiết bị theo địa chỉ hành chính. ví dụ: di động trên địa bàn tỉnh A hoặc huyện B tỉnh A, xã C huyện B tỉnh A, lưu động trên biển,...

5. ĂNG-TEN

5.1. Kê khai tên, ký hiệu ăng-ten theo tài liệu kỹ thuật. Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Parabol trụ, Parabol tròn xoay,...), khai tên hãng sản xuất ăng-ten.

5.2. Kê khai đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).

5.3. Kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt đối với trạm đặt cố định.

5.4. Khai độ rộng của búp sóng phát và độ rộng của búp sóng thu theo đơn vị độ ($^{\circ}$), ví dụ: độ rộng của búp sóng phát là 10 độ và độ rộng của búp sóng thu là 11 độ, ghi là: 10/11.

5.5. Khai hệ số khuếch đại phát và ghi hệ số khuếch đại thu của ăng-ten theo đơn vị dBi, ví dụ: 10/9.

5.6. Góc phương vị là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ. Khai góc phương vị lớn nhất và góc phương vị nhỏ nhất trong trường hợp ăng-ten quay, ví dụ: 15 / 10.

5.7. Khai góc giữa hướng của ăng-ten với phương thẳng đứng (phương vuông góc với trái đất).

5.8. Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).

5.9. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu “X” vào ô tương ứng “đứng” hoặc “ngang”; với phân cực tròn, đánh dấu “X” vào ô “trái” hoặc “phải”.

5.10. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu “X” vào ô tương ứng “đứng” hoặc “ngang”; với phân cực tròn, đánh dấu “X” vào ô “trái” hoặc “phải”.

5.11. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ phát của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC – 580...); đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

5.12. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ thu của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC – 580...); đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

6. VỊ TRÍ CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC

Khai vị trí tọa độ của trạm vệ tinh liên lạc (đối với trạm vệ tinh VSAT liên lạc 2 chiều – nếu có): khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ

7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU (hoặc tên thương mại): khai tên đăng ký của vệ tinh với ITU là tên của vệ tinh (satellite network) đã được đăng ký với ITU hoặc khai tên thương mại là tên của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. Ví dụ: vệ tinh ở vị trí 174 $^{\circ}$ E của Intelsat có tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E và tên thương mại là IS802@174 $^{\circ}$ E thì cách ghi một trong hai tên: INTELSAT8 174E hoặc IS802@174 $^{\circ}$ E.

7.2. Vị trí quỹ đạo: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ, phút, giây

7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp: khai độ rộng băng thông (ví dụ: 8 MHz)

7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát: khai công suất đỉnh lớn nhất theo đơn vị dBW và công suất đỉnh nhỏ nhất theo đơn vị dBW.

7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu: khai tỷ số C/N (là tỷ số giữa công suất sóng mang và tạp âm) và khai nhiệt độ tạp âm máy thu (độ K), ghi nhiệt độ tạp âm (noise temperature) hoặc hệ số tạp âm (noise figure) của máy thu.

7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh: trước khi khai cần trao đổi với phía đối tác cung cấp dung lượng vệ tinh để ghi chính xác ký hiệu búp sóng phát và búp sóng thu vệ tinh (associated satellite receiving designation/associated satellite receiving designation). Ký hiệu này dài không quá 4 ký tự, được ghi trong hồ sơ đăng ký của vệ tinh với ITU. Lưu ý: búp sóng phát của vệ tinh là búp sóng phát của đài trái đất và ngược lại.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).